

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

AMT	Công cụ giám sát hiệu quả
CBDRM	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
CCFSC	Ban Phòng chống lụt bão trung ương
CPCO	Ban điều phối Dự án trung ương
CPMO	Ban Quản lý Dự án trung ương
CPO	Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi
DARD	Sở Nông nghiệp và PTNT (Cấp tỉnh)
DPC	Ủy ban nhân dân Huyện (UBND Huyện)
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EMP	Kế hoạch quản lý môi trường
FS	Nghiên cứu khả thi
GoV	Chính phủ Việt Nam
IAE	Thông tin, nhận thức và giáo dục
IDA	Hiệp hội phát triển quốc tế (Ngân hàng Thế giới)
IT	Công nghệ truyền thông
JSDF	Quỹ phát triển Nhật Bản
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
M&E	Giám sát và đánh giá
MoET	Bộ Giáo dục và đào tạo
MoF	Bộ Tài chính
MoH	Bộ Y tế
MoNRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MoT	Bộ Giao thông vận tải
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NDRMP	Dự án Quản lý rủi ro thiên tai
NTF	Quỹ tín thác Hà Lan
PCFSC	Ban Phòng tránh lũ lụt tỉnh
PCU	Ban điều phối dự án tỉnh
PHRD	Quỹ Chính sách và Phát triển nguồn nhân lực
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND Tỉnh)
PPMU	Ban Quản lý dự án tỉnh (Ban QLDA tỉnh)
PPSC	Ban Điều phối dự án tỉnh
PSC	Ban Điều phối dự án
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TA	Hỗ trợ kỹ thuật

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN</b> .....	<b>4</b>
<b>1.1- Thiết kế và lập dự án</b> .....	<b>4</b>
1.1.1- Mục tiêu phát triển dự án: .....	4
1.1.2- Khung kết quả và các chỉ số về kết quả thực hiện của dự án: .....	4
1.1.3- Phương thức vay mượn của dự án: .....	6
1.1.4- Khảo sát cơ bản và qui định bắt buộc về báo cáo ( chế độ báo cáo ):.....	6
1.1.5- Các điều kiện tín dụng và các điều ước: .....	7
1.2.1- Hợp phần 1: Đầu tư Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai .....	10
1.2.3- Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (PDRS) .....	11
1.2.4- Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế (PMIS) .....	12
<b>1.3- Tài chính dự án</b> .....	<b>13</b>
1.3.1-Theo DCA và các Hiệp định tài trợ không hoàn lại (Grant) .....	13
1.3.2-Sau điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án:.....	14
1.3.3-Điều chỉnh ngày kết thúc dự án: .....	14
<b>1.4- Tổ chức quản lý thực hiện dự án</b> .....	<b>14</b>
1.4.1- Các cơ quan thực hiện: .....	14
1.4.2- Văn phòng Ban quản lý dự án trung ương (CPMO): .....	15
1.4.3- Ban Điều phối Dự án Trung ương (CPCO): .....	15
1.4.4- Các cấp tại địa phương: .....	15
<b>PHẦN II: KẾT QUẢ DỰ ÁN</b> .....	<b>18</b>
<b>2.1-Sự phát triển và những thay đổi của Khung giám sát và đánh giá dự án QLRRTT</b> .....	<b>18</b>
2.1.1-Khung giám sát và đánh giá ban đầu .....	18
2.1.2-Khung giám sát và đánh giá sửa đổi: .....	18
<b>2.2-Mục tiêu và kết quả đã đạt được của toàn dự án:</b> .....	<b>19</b>
2.2.1-Mục tiêu tổng thể:.....	19
2.2.2-Mục tiêu phát triển: .....	19
2.2.3-Kết quả đầu ra của dự án: .....	19
<b>2.3-Mục tiêu và kết quả đạt được của các Hợp phần dự án:</b> .....	<b>23</b>
2.3.1-Những Chỉ số đánh giá việc thực hiện dự án WB4:.....	23
2.3.3-Hợp phần 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Chỉ số C2.3, C2.4 và C2.5) .....	30
2.3.4-Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai: 6 Chỉ số: C3.1, C3.2, C3.3, C3.4, C3.5 và C3.6 .....	35
2.3.5-Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế.....	43
2.3.7-Chi phí và giải ngân theo Hợp phần .....	44
<b>2.4-Tuyển chọn tư vấn và mua sắm</b> .....	<b>47</b>
2.4.1-Quy định chung:.....	47
2.4.2-Quy định đấu thầu công trình xây lắp và mua sắm hàng hoá .....	48
<b>2.5-Việc thực thi của các tư vấn, nhà thầu, nhà cung cấp</b> .....	<b>49</b>
2.5.1-Việc thực thi của tư vấn .....	49
2.5.2-Việc thực thi của nhà thầu xây lắp: .....	49
2.5.3-Nhà cung cấp thiết bị: .....	50
<b>2.6-Việc thực thi của Bên Vay và của cơ quan giám sát</b> .....	<b>50</b>
2.6.1-Cơ quan điều phối dự án.....	50
2.6.2-Cơ quan điều hành dự án: .....	50
<b>2.7-Việc thực thi của các cơ quan Quản lý thực hiện dự án</b> .....	<b>51</b>

2.7.1-Cơ quan quản lý dự án cấp Trung ương: có hai cơ quan:.....	51
2.7.2-Cơ quan quản lý thực hiện dự án cấp Tỉnh: gồm hai cơ quan:.....	51
2.7.3-Giám sát và đánh giá dự án (M&E):.....	52
2.7.4-Những hoạt động về nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai:.....	53
2.8-Phân tích kinh tế dự án Hợp phần 1.....	54
2.8.1 Tổng quan chung về các dự án.....	54
2.8.2 Phân tích kinh tế dự án hậu đầu tư: Mục tiêu và phương pháp.....	55
2.8.3 Dự án “Nâng cấp sửa chữa Hồ Vực Mầu”.....	57
2.8.4 Dự án “Hệ thống tiêu úng Cầu Khải”.....	58
2.8.5 Dự án “Chống xói lở bờ sông Tiền”.....	59
2.8.6 Dự án “Đê biển Ba Tri”.....	60
2.8.7 Dự án “Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng”.....	61
2.8.8 Các dự án cảng trú bão.....	62
2.8.9 Dự án “Hệ thống tiêu thoát nước đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh”.....	77
2.8.10 Dự án “Tăng cường năng lực cảnh báo lũ và giám sát lũ lụt - khu vực đồng bằng Sông Cửu Long” (ĐBSCL).....	80
<b>PHẦN III: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN.....</b>	<b>82</b>
3.1-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của Chính phủ.....	82
3.2-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của Ngân hàng Thế giới.....	84
3.3-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của các tổ chức tài trợ không hoàn lại:.....	84
3.4-Những yếu tố ngoài phạm vi kiểm soát của cơ quan thực hiện dự án và nhà tài trợ:.....	86
3.4.1-Đối với cơ quan quản lý thực hiện dự án:.....	86
3.4.2-Đối với các nhà tài trợ.....	87
<b>PHẦN IV: TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>88</b>
4.1-Khung phân tích tính bền vững của dự án:.....	88
4.1.1-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào lợi ích dự án:.....	88
4.1.2-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào sự tham gia cộng đồng:.....	89
4.1.3-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường năng lực để có thể đủ điều kiện chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam:.....	89
4.2-Đánh giá tính bền vững của các Hợp phần dự án:.....	90
<b>PHẦN V: NHỮNG BÀI HỌC.....</b>	<b>101</b>
5.1-Những bài học về thiết kế dự án:.....	101
5.2-Nghiên cứu khả thi (F/S) các TDA thuộc Hợp phần 1:.....	102
5.3-Thực hiện dự án:.....	104
5.4-Quản lý tài chính:.....	108
5.5-Giám sát và đánh giá dự án:.....	110
<b>PHẦN VI: KẾT LUẬN CHUNG.....</b>	<b>112</b>
6.1-Đánh giá tổng thể dự án:.....	112
6.2-Những kiến nghị:.....	113

## PHẦN I TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

### 1.1- Thiết kế và lập dự án

#### 1.1.1- Mục tiêu phát triển dự án:

Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP) là bước đầu tiên trong việc hỗ trợ Chính phủ thực hiện Chiến lược quốc gia thứ hai nhằm làm giảm tính dễ tổn thương của Việt Nam do thường xuyên xảy ra thiên tai. Dự án NDRMP hỗ trợ cho việc thay đổi quan niệm từ ứng phó với thiên tai sang quản lý rủi ro thiên tai.

+ Mục tiêu phát triển dự án: Để thiết lập và thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện nhằm phòng chống thiên tai, chuẩn bị, giảm thiểu các tác động do thiên tai, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và phục hồi sau thiên tai.

+ Kết quả của dự án: Các kết quả dự kiến như sau:

(i)- Để giảm tổn thương do lũ và bão tại các khu vực dự án, có hai kết quả dự kiến như sau: a)- các bộ trung ương và các tỉnh thực hiện các đầu tư các dự án công trình và phi công trình; và b)- Chính phủ sẽ điều chỉnh cách tiếp cận quản lý thiên tai bao gồm quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM).

(ii)- Để tăng hiệu quả của phục hồi và nỗ lực tái thiết sau thiên tai, có 2 kết quả dự kiến: a)- tăng tiến độ và hiệu quả phân bổ và giải ngân các nguồn tài nguyên sau thiên tai, và b)- dự phòng ngân sách Nhà nước được sử dụng hiệu quả để hỗ trợ xây dựng lại các hạ tầng công cộng sau thiên tai; và

(iii)- Để tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý rủi ro thiên tai cấp quốc gia và địa phương, có hai kết quả dự kiến: a)- Chính phủ sẽ nâng cao năng lực lập kế hoạch chiến lược cho đầu tư công trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa trên các phân tích đầy đủ về kỹ thuật, xã hội, môi trường và kinh tế; và b)- các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và trung ương liên quan có đủ năng lực thể chế và chuyên môn để thu thập, phân tích, và phổ biến thông tin quản lý rủi ro.

#### 1.1.2- Khung kết quả và các chỉ số về kết quả thực hiện của dự án:

PDO	Các chỉ số về kết quả thực hiện của Dự án	Sử dụng Thông tin về Kết quả thực hiện Dự án
Chính phủ Việt Nam đã xây dựng và thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thiên tai toàn diện để phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó, giảm nhẹ tác động và phục hồi sau thiên tai.	Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia lần thứ 2 và Kế hoạch Hành động (2001-2010) Trung tâm Quản lý Thảm họa Thiên tai (DMC), cơ quan thường trực của Ủy ban Phòng chống Lụt bão trung ương được tăng cường.	
<b>Kết quả trước mắt</b>	<b>Các Chỉ số về Kết quả trước mắt</b>	<b>Sử dụng Thông tin về</b>

		<b>Kết quả trước mắt để Giám sát</b>
<p><b>Kết quả 1:</b> Chính phủ xây dựng năng lực về lập kế hoạch chiến lược cho các hạng mục đầu tư công trình giảm nhẹ thiên tai</p>	<p><b>Kết quả 1:</b> Số lượng các tỉnh đã hoàn thành xong Kế hoạch Đầu tư Giảm nhẹ Thiên tai</p>	<p><b>Kết quả 1:</b> Năm thứ 1- Năm thứ 2: Nếu số lượng nghiên cứu khả thi được lập ít, có thể cần đến việc xây dựng năng lực/ hỗ trợ kỹ thuật bổ sung.</p>
<p><b>Kết quả 2:</b> Các cơ quan liên quan ở cấp trung ương và tỉnh có đủ năng lực chuyên môn và thể chế để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về quản lý rủi ro</p>	<p><b>Kết quả 2:</b> Tỷ lệ % số người thuộc các cộng đồng mục tiêu (như đồng bằng sông Cửu long) báo cáo rằng hệ thống cảnh báo sớm về bão lũ đã được cải thiện</p>	<p><b>Kết quả 2:</b> Năm thứ 1- Năm thứ 4: Nếu mức độ người dân báo cáo thấp về những cải thiện, có thể phải xem xét lại hệ thống thông tin</p>
<p><b>Kết quả 3:</b> Chính phủ xây dựng năng lực thực hiện chiến lược các hạng mục đầu tư công trình về giảm nhẹ thiên tai</p>	<p><b>Kết quả 3:</b> Số lượng nghiên cứu khả thi được lập cho các tiểu dự án mà được chương trình này tài trợ Số lượng các tiểu dự án đã hoàn thành</p>	<p><b>Kết quả 3:</b> Năm thứ 1- Năm thứ 4: Mức độ hoàn thành dự án thấp có thể do những trở ngại trong thủ tục đấu thầu mua sắm...v.v.</p>
<p><b>Kết quả 4:</b> Chính phủ đưa nội dung CBDRM vào trong phương pháp tiếp cận về quản lý thiên tai của mình</p>	<p><b>Kết quả 4:</b> Số lượng các bản kế hoạch xã an toàn được lập</p>	<p><b>Kết quả 4:</b> Năm thứ 1- Năm thứ 4: Có thể do chưa chú ý nhiều đến công tác đào tạo và huy động cộng đồng</p>
<p><b>Kết quả 5:</b> Tăng cường năng lực ứng phó, xét về phương diện tốc độ và hiệu quả trong việc phân bổ và giải ngân các nguồn lực sau thiên tai</p>	<p><b>Kết quả 5:</b> Quy trình đánh giá thiệt hại được xem xét lại Việc phân bổ hỗ trợ sau thiên tai được dựa trên mục tiêu, các tiêu chí đánh giá Hoàn thành đánh giá nhu cầu chi tiết về việc thành lập Trung tâm</p>	<p><b>Kết quả 5:</b> Năm thứ 1- Năm thứ 4: Tỷ lệ giải ngân thấp có thể cho thấy chính phủ chưa thể chế hóa đầy đủ các quy định mới về việc sử dụng ngân sách dự phòng</p>

(Nguồn: PAD, 2005)

**1.1.3- Phương thức vay mượn của dự án:**

Dự án sẽ được tài trợ cho giai đoạn thứ nhất của Chương trình cho vay theo hai giai đoạn (APL) để hỗ trợ cho Chương trình Quản lý rủi ro thiên tai. Việc sử dụng phương thức vay này là phù hợp để đạt được chương trình với sự thay đổi bền vững của giai đoạn trong cách tiếp cận giải quyết thiên tai ở Việt Nam, bao gồm sự phát triển cần thiết của cơ cấu tổ chức để ủng hộ cho những thay đổi này. Cần phải có thời gian cho việc thành lập và tăng cường một khuôn khổ cơ sở nhiều cấp và ngang ngành mới phù hợp với cách tiếp cận chính thể đồng bộ đối với việc quản lý rủi ro thiên tai. Việc cho vay vốn theo hai giai đoạn với chương trình trung gian phù hợp để chuyển từ giai đoạn thứ nhất sang giai đoạn hai có thể được coi là phương thức tốt nhất để có được những thay đổi bền vững.

**1.1.4- Khảo sát cơ bản và qui định bắt buộc về báo cáo ( chế độ báo cáo ):**

Ngoài các sổ tay hướng dẫn thiết kế và vận hành cũng như các tài liệu đào tạo liên quan đến hệ thống giám sát và đánh giá, Công ty tư vấn sẽ chuẩn bị các báo cáo theo yêu cầu bao gồm:

- Báo cáo khởi đầu được nộp trong vòng một tháng kể từ khi có huy động chính thức
- Các báo cáo quý bao gồm cả bộ mẫu biểu theo dõi thống nhất AMT hoàn chỉnh
- Báo cáo bán thường niên và báo cáo thường niên
- Báo cáo phân tích và đánh giá kinh tế sau dự án
- Báo cáo cuối cùng

**Bảng 1.1: Các báo cáo của công ty tư vấn**

Báo cáo	Định dạng báo cáo	Tần suất báo cáo	Đối tượng nhận	Thời gian nộp
Báo cáo khởi đầu	06 (sáu) bản in (cùng với tập tin tài liệu tương ứng) bằng tiếng Anh và tiếng Việt)	Một tháng sau khi ký kết hợp đồng	CPO	T8/2009
Báo cáo quý	06 (sáu) bản in (cùng với tập tin tài liệu tương ứng) bằng tiếng Anh và tiếng Việt)	Hàng quý	CPO	T10/2009, T1/2010, T4/2010
Báo cáo năm	06 (sáu) bản in (cùng với tập tin tài liệu tương ứng) bằng tiếng Anh và tiếng Việt)	Một năm	CPO	T12/2009
Báo cáo phân	06 (sáu) bản in (cùng với	Nửa tháng trước khi	CPO	T1/2010

tích và đánh giá kinh tế	tập tin tài liệu tương ứng) bằng tiếng Anh và tiếng Việt)	hết hạn hợp đồng		
Báo cáo cuối cùng	06 (sáu) bản in bằng tiếng Việt và tiếng Anh cùng 01 (một) đĩa ghi CD	Kết thúc hợp đồng	CPO	T6/2010

Do một số tiêu dự án thuộc hợp phần 1 không thể hoàn thành vào ngày 30/6/2010, WB và Chính phủ Việt Nam đã đồng ý kéo dài thời gian dự án thêm 12 tháng, thời hạn hoàn thành mới là ngày 30/6/2011. Theo phụ lục B của yêu cầu báo cáo của Hợp đồng sửa đổi, Công ty tư vấn sẽ ban hành thêm các báo cáo sau:

**Bảng 1.2: Các báo cáo bổ sung theo Hợp đồng sửa đổi**

STT	Tên Báo cáo	Số lượng	Ngôn ngữ	Thời gian thực hiện
1	Dự thảo Báo cáo M&E quý 1 năm 2011	12	6 bản tiếng Việt 6 bản tiếng Anh 1 đĩa CD bằng cả 2 thứ tiếng	Cuối tháng 3/2011
2	Báo cáo M&E chính thức quý 1 năm 2011	12	6 bản tiếng Việt 6 bản tiếng Anh 1 đĩa CD bằng cả 2 thứ tiếng	Cuối tháng 4/2011
3	Báo cáo AMT Quý 1 năm 2011	12	6 bản tiếng Việt 6 bản tiếng Anh 1 đĩa CD bằng cả 2 thứ tiếng	Cuối tháng 3/2011
4	Báo cáo AMT Quý 2 năm 2011	12	6 bản tiếng Việt 6 bản tiếng Anh 1 đĩa CD bằng cả 2 thứ tiếng	Tháng 6/2011
5	Báo cáo M&E Hoàn thành	12	6 bản tiếng Việt 6 bản tiếng Anh 1 đĩa CD bằng cả 2 thứ tiếng	Cuối tháng 6/2011

#### **1.1.5- Các điều kiện tín dụng và các điều ước:**

**Các điều kiện về hiệu quả:** Ngoài những đòi hỏi thông thường, những điều kiện dưới đây cần phải đáp ứng được về hiệu quả của việc cho vay:

- Ủy ban chỉ đạo dự án được thành lập
- Sách hướng dẫn thực hiện dự án, bao gồm sách hướng dẫn quản lý tài chính và thu hồi vốn, đã được thông qua bởi tất cả các cơ quan có chức năng
- Văn phòng quản lý dự án trung ương đã được thành lập và được cung cấp nhân lực phù hợp với yêu cầu của Hiệp hội

- Một văn phòng hợp tác dự án trung ương được thành lập ở Trung tâm khí tượng thủy văn ở khu vực phía Nam và hai Đơn vị quản lý dự án cấp tỉnh đã được thành lập ở hai tỉnh Bến Tre và Nghệ An và tất cả các đơn vị có đội ngũ cán bộ phù hợp với tiêu chuẩn của Hiệp hội

- Đội ngũ quản lý tài chính thu hồi vốn của văn phòng quản lý dự án trung ương và ba đơn vị quản lý dự án đã hoàn thành việc huấn luyện phù hợp với yêu cầu của Hiệp hội

### **Các điều kiện về giải ngân**

Đối với Hợp phần 3, việc chuẩn bị cho Sách hướng dẫn thực hiện dự án được chấp thuận bởi Ngân hàng thế giới và được thông qua bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính sẽ là điều kiện cho việc giải ngân cho những chi phí cho việc tái xây dựng sau thiên tai

### **Các điều khoản thực hiện:**

Những thoả thuận dưới đây được lập ra để bảo đảm việc thực hiện và giám sát thích hợp của dự án đang được chuẩn bị này:

- Mỗi một tỉnh nơi thực hiện dự án cụ thể là một tiểu dự án được lựa chọn theo khoản 1 hoặc một khu vực được lựa chọn theo khoản 2, sẽ thành lập và duy trì một đơn vị quản lý dự án cấp tỉnh

- Mỗi cơ quan tham gia chịu trách nhiệm cho việc thực hiện tiểu dự án sẽ thành lập và duy trì một Văn phòng hợp tác dự án trung ương có đội ngũ phù hợp với Hiệp hội - Mỗi khu vực thực hiện hoạt động quản lý nguy cơ thiên tai cấp cơ sở theo khoản 2 sẽ thành lập một Ủy ban hợp tác quản lý rủi ro thiên tai cấp cơ sở

- Những kế hoạch và chính sách phù hợp sẽ được duy trì để giám sát và đánh giá việc thực hiện dự án và những mục tiêu đạt được dựa trên nền tảng tốt cùng với những nhân tố đáp ứng được nhu cầu của Hiệp hội và một kế hoạch được đề ra cho việc đánh giá và giám sát đó sẽ được chuẩn bị và được đệ trình lên Hiệp hội để xét duyệt trước 30/7/2006.

- Những bản báo cáo tiến trình nửa năm sẽ được đệ trình lên Hiệp hội để xét duyệt trước 15/1 và 15/8 mỗi năm, bắt đầu vào 15/1/2006. Những bản báo cáo này sẽ bao gồm kết quả của việc giám sát và đánh giá hoạt động thực hiện được chiếu theo các khoản trên bắt đầu vào 13/1/2007, cũng như một phần phù hợp với công tác bảo vệ xã hội và môi trường

- Một chương trình làm việc hàng năm và một kế hoạch tài chính cho toàn bộ dự án cho những năm tới, bao gồm danh sách của những tiểu dự án mới theo khoản 1, sẽ được trình Hiệp hội xét duyệt trước 30/12 mỗi năm

- Theo như khoản 3 của dự án:

+ Sự phân tích dự đoán độc lập về những tiến trình đánh giá thiệt hại của Chính phủ và quá trình quản lý nguồn vốn sau thiên tai sẽ được hoàn thành, phù hợp với những điều khoản mà được Hiệp hội chấp thuận trước 30/7/2006



+ Một chuyên gia đánh giá thiệt hại sẽ được bổ nhiệm ở Trung tâm xử lý thiên tai để giúp cho Bộ Tài chính và các tỉnh trong quá trình thực hiện các bước của dự án trước 31/12/2006

+ Một cơ quan giám sát độc lập, được sự chấp thuận của Hiệp hội sẽ đi vào hoạt động trước 31/12/2006 để thực hiện hàng năm việc giám định vật lý của những công trình tái xây dựng cũng như việc xét duyệt cũ của tất cả hợp đồng trực tiếp (tất cả phải phù hợp với nhu cầu của Hiệp hội).

### **Các điều ước về tài chính**

Những thoả thuận tài chính này phải xin phép Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Tài chính, hai cơ quan trực tiếp thực hiện dự án để duy trì một hệ thống quản lý tài chính thích hợp bao gồm những tài khoản

- Cho khoản 1,2 và 4. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Tài chính sẽ sử dụng phương pháp giải ngân truyền thống và chịu trách nhiệm cho:

+ FMRS cho toàn bộ dự án mà được chuẩn bị bởi Văn phòng quản lý dự án trung ương và được chuyển lên cho Hiệp hội

+ Một tài khoản phù hợp cho toàn bộ dự án mà được chuẩn bị bởi Văn phòng quản lý dự án trung ương để kiểm toán hàng năm bởi những cơ quan kiểm toán độc lập phù hợp với điều lệ của Hiệp hội. Những bản báo cáo kiểm toán sẽ được nộp cho Hiệp hội trong vòng 6 tháng

- Cho khoản 3, Văn phòng hợp tác dự án trung ương của Bộ Tài chính sẽ sử dụng bản báo cáo dựa trên phương pháp giải ngân và sẽ chịu trách nhiệm về :

+ Độ trình báo cáo giám sát tài chính theo quý trong thể thức phù hợp với Hiệp hội

+ Độ trình thông báo tài chính hàng năm lên Văn phòng quản lý dự án trung ương

### **Các điều ước về xã hội và môi trường:**

Những thoả thuận dưới đây được lập ra để đảm bảo rằng dự án đó phù hợp với những chính sách bảo vệ xã hội và môi trường của Ngân hàng thế giới

- Tất cả các hoạt động của dự án sẽ được tiến hành theo như hướng dẫn trong Báo cáo đánh giá môi trường đã được phê duyệt và bất cứ Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro cho môi trường

- Tất cả các hoạt động của dự án sẽ được tiến hành theo như khuôn khổ chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt và bất cứ kế hoạch hành động cho tái định cư nào

- Tất cả các hoạt động của dự án sẽ được tiến hành theo như khuôn khổ chính sách cho vùng dân tộc thiểu số được Chính phủ thông qua và bất cứ kế hoạch phát triển cho vùng dân tộc thiểu số

## **1.2- Các hợp phần (HP) và các tiểu dự án (TDA)**

Dự án NDRMP bao gồm 04 hợp phần như sau:

### **1.2.1- Hợp phần 1: Đầu tư Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai**

+ *Kết quả:* Để giảm thiểu rủi ro thiên tai và tăng cường năng lực phòng chống tại các khu vực bị ảnh hưởng của lũ lụt, bão nhiều nhất thông qua việc thực hiện hiệu quả các biện pháp công trình và phi công trình, cụ thể:

- Cải thiện hiệu quả của các biện pháp công trình giảm nhẹ thiên tai lũ lụt, bão; và
- Nâng cao năng lực trong quan trắc, xây dựng mô hình và dự báo lũ, bão thông qua các khoản đầu tư phi công trình.

+ *Kết quả:* ưu tiên thực hiện các tiểu dự án đầu tư (công trình và phi công trình) phòng, chống và giảm nhẹ ở quy mô vừa phải tại các khu vực hay bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, bão nhất.

+ Các hoạt động chính: Hợp phần này được tài trợ bởi các IDA với tổng ngân sách là 64 triệu USD (thực tế giá trị tính theo hợp đồng gốc là 59,763 triệu USD, giá trị bổ sung là 3,5 triệu USD). Ưu tiên hỗ trợ mười hai tiểu dự án phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở quy mô vừa phải, bao gồm: a)- các tiểu dự án công trình: xây dựng và cải tạo các hạ tầng kiểm soát lũ, bão; và b)- tiểu dự án phi công trình, tập trung nâng cao năng lực quan trắc, xây dựng mô hình, dự báo thiên tai, và tăng cường hệ thống cảnh báo sớm và ứng phó thiên tai.

i) Các tiểu dự án công trình bao gồm:

- Tiểu dự án tiêu úng Cầu Khai, tỉnh Thanh Hóa
- Tiểu dự án Cải tạo hồ chứa Vực Máu, tỉnh Nghệ An
- Tiểu dự án Cảng tránh trú bão Cửa Sốt, tỉnh Hà Tĩnh
- Tiểu dự án Cảng tránh trú bão Cửa Gianh, tỉnh Quảng Bình
- Tiểu dự án nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
- Tiểu dự án Cảng biển tránh trú bão Phú Hải, tỉnh Thừa Thiên-Huế
- Tiểu dự án Cảng tránh trú bão An Hòa tỉnh Quảng Nam
- Tiểu dự án Cảng tránh trú bão Mỹ Á, tỉnh Quảng Ngãi
- Tiểu dự án xây dựng đê biển Ba Tri, tỉnh Bến Tre (khu vực ĐBSCL)
- Tiểu dự án Kè Hồng Ngự, Đồng Tháp (khu vực ĐBSCL)
- Tiểu dự án Hệ thống tiêu thoát nước đường sắt Bắc-Nam

ii) Các tiểu dự án phi công trình:

Hệ thống quan trắc và cảnh báo lũ đồng bằng sông Cửu Long.

### **1.2.2- Hợp phần 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM)**

+ *Kết quả:* Để giảm thiểu rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng phòng chống tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ bão bằng cách tăng cường khả năng của các cá nhân và cộng đồng để chuẩn bị và thực hiện các biện pháp giảm thiểu các rủi ro liên quan đến các nguy cơ từ tự nhiên:

- i. Nâng cao khả năng của các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro và giảm tính dễ tổn thương của người dân với thiên tai;
- ii. Tạo cơ hội cho người nghèo và dễ bị tổn thương tham gia vào một loạt các hoạt động trước, trong và sau thiên tai, bao gồm (a)- nâng cao năng lực cộng đồng và chính quyền địa phương thông qua đào tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng; (b) - lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng để phát triển các kế hoạch an toàn làng xã (SVPs), và (c)- kết hợp kế hoạch an toàn làng xã vào kế hoạch phát triển xã bao gồm các can thiệp về công trình và phi công trình;
- iii. Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các cộng đồng nghèo và chính quyền địa phương nhằm phát triển hệ thống giám sát và đánh giá, và để thực hiện giám sát và đánh giá các hoạt động của dự án về hiệu quả và các tác động;
- iv. Thực hiện các tiểu dự án đầu tư công trình và phi công trình đã được xác định và được ưu tiên trong Kế hoạch an toàn xã;
- v. Phát triển chiến lược mở rộng phương pháp luận của dự án CBDRM tại các tỉnh khác của Việt Nam.

+ *Kết quả*: SCPs ưu tiên phát triển ở 30 xã bị ảnh hưởng của lũ lụt, bão.

+ *Các hoạt động chính*: Trong hợp phần này, cách tiếp cận của dự án CBDRM được sử dụng để nâng cao năng lực của các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Dự án CBDRM kết hợp với các hợp phần khác để giảm sự dễ tổn thương của các xã thường xuyên bị thiên tai bão lũ.

i. Trong giai đoạn đầu tiên: một chương trình thí điểm được JSDF viện trợ kinh phí 1.460.000 USD được thực hiện tại 10 xã thuộc 3 tỉnh (3 xã của tỉnh Hà Tĩnh, 4 xã của tỉnh Thừa Thiên-Huế và 3 xã của tỉnh Bến Tre). Các hoạt động bao gồm việc phát triển các kế hoạch an toàn làng, xã; đào tạo để nâng cao năng lực cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai; cung ứng thiết bị cứu hộ; và xây dựng công trình quy mô nhỏ ở các xã. Giai đoạn đầu tiên hoàn tất vào ngày 25 tháng 3 năm 2009.

ii. Xây dựng trên bài học kinh nghiệm từ một Chương trình thí điểm độc lập của dự án CBDRM, hợp phần này hỗ trợ việc nhân rộng phương pháp tiếp cận sáng tạo của dự án CBDRM tại 20 xã bằng cách chuẩn bị và bắt đầu thực hiện các kế hoạch an toàn làng, xã. Các xã đã được xác định thông qua tham vấn với các tỉnh và huyện trọng điểm, tại đây đều được cấp vốn cho các tiểu dự án công trình, và đặc biệt là khu vực dễ bị tổn thương xác định được khi đánh giá rủi ro. Một danh sách các xã dễ bị tổn thương được thành lập dựa trên các tiêu chí thống nhất như rủi ro thiên tai, các mối liên kết chung với các hợp phần khác của dự án, và cam kết của cộng đồng trong giảm nhẹ các rủi ro do thảm họa.

iii. Giai đoạn hai: Tính đến tháng 4 năm 2009: các xã hưởng lợi được chọn cho giai đoạn tiếp theo thuộc về các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Bình Thuận và Đồng Tháp. Kinh phí cho giai đoạn thứ hai do NFT tài trợ với tổng số vốn 3,3 triệu USD.

### ***1.2.3- Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (PDRS)***

+ Kết quả: Để giảm thiểu rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng phòng chống tại các khu vực bị ảnh hưởng nhất bởi lũ lụt, bão bằng cách cung cấp kinh phí tái thiết các hạ tầng công cộng sau thảm họa nhanh chóng:

i. Hỗ trợ giải quyết tài trợ thường xuyên, đảm bảo tái thiết sau thiên tai nhanh hơn, hạn chế nghèo và tác động làm giảm tăng trưởng kinh tế do thiên tai; và

ii. Tăng cường tốc độ và tính hiệu quả trong việc phân bổ và giải ngân các nguồn tài trợ sau thiên tai và nâng cao hiệu quả sử dụng.

+ Kết quả: Cơ sở hạ tầng công cộng bị hư hỏng do thiên tai được xây dựng lại phù hợp với các yêu cầu sau: i)- kết hợp tính năng chống hiểm họa nhưng không nâng cấp hoặc mở rộng; kết hợp tính năng chống lại đợt thiên tai tiếp theo và ngoài ra các công trình đảm bảo cho việc phòng tránh lũ lụt phù hợp với quy hoạch ngành; ii)- tuân thủ các yêu cầu an toàn của WB; và iii)- được hoàn thành trong thời hạn 12 tháng (bao gồm cả việc cung ứng), kể từ ngày chuyển kinh phí cho các tỉnh có liên quan hoặc các Bộ, ngành; và

Cải thiện quy trình đánh giá thiệt hại và quản lý giảm nhẹ thiên tai và tái thiết các nguồn lực và quy trình báo cáo liên quan tại cả chính quyền trung ương và cấp tỉnh, qua các nghiên cứu chính bao gồm: i)-các hoạt động hiện tại trong việc quản lý các nguồn lực giảm nhẹ thiên tai; ii)-ngân sách thiệt hại do thiên tai; iii)- giám sát độc lập hàng năm; và iv)-Xây dựng thủ tục chi tiết thực hiện Hợp phần 3.

+ *Các hoạt động chính:* Hợp phần này hỗ trợ cho những thiếu hụt về tài chính có tính chất định kỳ trong các nguồn sẵn có từ cộng đồng để tài trợ chi phí cho tái thiết liên quan đến rủi ro do bão, lũ lụt tại địa phương. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải ngân nhanh chóng để hỗ trợ tái thiết sau thiên tai đối với các hạ tầng công cộng quy mô nhỏ, hỗ trợ phục hồi nhanh chóng và giảm việc chuyển hướng nguồn đầu tư hạn chế từ việc đầu tư xây dựng mới thành cải tạo khôi phục lại. Tổng ngân sách cho hợp phần này là 20 triệu USD từ vốn vay IDA. Hợp phần này do Bộ Tài chính thực hiện. Hợp phần được đi kèm với hỗ trợ thể chế, được tài trợ bởi PHRD, để cải thiện quy trình đánh giá thiệt hại và hiệu quả sử dụng nguồn lực công cộng cho tái thiết sau thiên tai. Các tỉnh dưới sự hỗ trợ của hợp phần này bao gồm những tỉnh bị thiệt hại do các cơn bão Xangsane và Lekima như tại Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.

#### ***1.2.4- Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế (PMIS)***

+ Kết quả: Để giảm thiểu rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng phòng chống tại các khu vực bị ảnh hưởng nhất bởi lũ lụt, bão bằng cách:

i) Phát triển quản lý dự án hiệu quả và thiết thực và tổ chức thực hiện, có tính đến bối cảnh quản lý chồng chéo tại địa phương; và

ii) Tăng cường thể chế của chính quyền để đảm bảo phối hợp tốt hơn và tổng hợp giữa các cơ quan khác nhau và các cấp khác nhau về trách nhiệm đối với phòng chống, ứng phó và phục hồi.

+ Kết quả: Có ba nguồn tài trợ cho hợp phần này: khoản tài trợ từ PHRD 4,5 triệu USD, từ NTF 3,2 triệu USD và vốn vay IDA 2 triệu USD. Trong hợp phần này dự án đề xuất sẽ hỗ trợ ba tiểu hợp phần như sau:

\* *Tiểu hợp phần 1:- Hỗ trợ kỹ thuật và quản lý Dự án cho CPMO, PCUs và PPMU qua:* a)- tăng cán bộ cấp Trung ương và tỉnh, và tăng các đầu tư có liên quan và chi phí vận hành; b)- cung cấp thiết bị và phương tiện; c)- cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết bị, các hoạt động đào tạo hỗ trợ quản lý tài chính và môi trường, cũng như chức năng giám sát và đánh giá dự án, bao gồm cả việc giám sát độc lập của Kế hoạch hành động tái định cư (RAP), và d)- cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật, gồm các chuyên gia trong nước và quốc tế, tăng cường quản lý dự án và nâng cao thiết kế kỹ thuật của các tiểu dự án Hợp phần 1.

\* *Tiểu hợp phần 2: - Tăng cường thể chế và đào tạo thông qua:* a)- nghiên cứu kế hoạch phát triển tăng cường thể chế và b)- triển khai chương trình đào tạo toàn diện tập trung vào Ban Kiểm soát lụt bão trung ương (CCFMSC) và CFSCs của địa phương, cũng như các cơ quan Trung ương như DMC của Bộ NN & PTNT, Phòng kỹ thuật thuộc Bộ Tài chính liên quan đến việc quản lý cứu trợ khẩn cấp và nguồn lực tái thiết, và các ban ngành khí tượng thủy văn ở Bộ TN & MT.

\* *Tiểu hợp phần 3:- Tăng cường năng lực Quản lý rủi ro thông qua: cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường:* a)- xác định các rủi ro tại các trung tâm lớn, bao gồm cả việc thiết lập hệ quy chiếu trắc địa, mua lại các hình ảnh vệ tinh, chụp ảnh hàng không, và các đào tạo liên quan; b) - phân tích rủi ro, bao gồm nâng cấp thiết bị hiện có của hệ thống thông tin địa lý (GIS) quốc gia hiện nay, mô hình số, và xây dựng các bản đồ rủi ro và các mô hình thiệt hại do rủi ro; c)- đánh giá rủi ro, bao gồm xây dựng các bản đồ orthophoto và các mô hình số hóa độ cao và hỗ trợ kỹ thuật cho mô hình gió xoáy, thủy triều dâng, sóng bão, triều cường, sóng thần, lưu vực sông và lũ lụt, và các tác động ven biển; và d)- xử lý rủi ro, bao gồm các thiết bị nâng cấp và đào tạo đối với tìm kiếm trên biển và mô hình cứu hộ, mô hình hóa môi trường đối với sự cố tràn dầu, và hỗ trợ kỹ thuật để phát triển kế hoạch dự phòng cho cấp nước và xử lý nước thải.

### **1.3- Tài chính dự án**

#### **1.3.1-Theo DCA và các Hiệp định tài trợ không hoàn lại (Grant)**

Dự án Quản lý RRTT-WB4 có hai nguồn tài trợ:

i)-Vốn vay của Ngân hàng Thế giới (Development Credit Agreement: DCA)

ii)-Vốn tài trợ không hoàn lại (Grant) của JSDF, PHRD và NTF

Cụ thể trong Bảng sau:

**Bảng 1.4: Các nguồn vốn của dự án Quản lý RRTT-WB4**

<b>Nguồn vốn</b>	<b>Tổng số tiền (triệu USD)</b>	<b>Hiệp định vay hoặc tài trợ</b>	<b>Ngày hiệu lực</b>	<b>Ngày đóng TK</b>
<i>Tín dụng vay WB:</i> (IDA-DCA)	86,00	CR.4114-VN	2/3/2006	30/6/2011
<i>Không hoàn lại:</i> JSDF-Nhật Bản	1,46	TF547 53-VN	2/3/2006	31/3/2009
PHRD-Nhật Bản	4,50	TF551 76-VN	2/6/2006	30/6/2011
NTF-Hà Lan	6,50	TF057 158-VN	7/6/2007	30/6/2011
<b>Tổng cộng</b>	<b>98,46</b>			

**1.3.2-Sau điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án:**

+Vốn tài trợ không hoàn tại NTF của Hà Lan: Theo Hiệp định tài trợ TF057228-VN ngày 14/10/ 2006, với số tiền tài trợ: 8,50 triệu USD.

+Trong quá trình thực hiện, ngày 17/3/2010, Ngân hàng Thế giới có thư thông báo Chính phủ Hà Lan quyết định giảm bớt 2 triệu USD trong số tiền ban đầu 8,50 triệu USD, còn 6,50 triệu USD và được sử dụng vào các khoản chi phí trong khuôn khổ dự án QLRRTT-WB4 như sau:

i)-Các hoạt động cấp Xã:.....	2.727.800 USD
ii)-Mua sắm hàng hoá cho các Xã.....	343.000 USD
iii)-Dịch vụ tư vấn.....	2.670.300 USD
iv)- Đào tạo và Hội thảo.....	408.900 USD
v)-Chi phí vận hành tăng thêm.....	350.000 USD
<b>Tổng cộng: .....</b>	<b>6.500.000 USD</b>

**1.3.3-Điều chỉnh ngày kết thúc dự án:**

Theo Hiệp định vay ký giữa CHXHCN Việt Nam và WB (IDA) ngày 2/3/2006, ngày kết thúc dự án là 30/6/2010. Dựa vào tình hình thực tế thực hiện dự án QLRRTT-WB4, cả hai bên đã nhất trí kéo dài thời gian thực hiện dự án thêm 1 năm, tức là dự án sẽ kết thúc vào ngày 30/6/2011. Ngày 12/5/2010, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 765/TTg-QHQT cho ý kiến về việc gia hạn và sửa đổi các Hiệp định của Dự án QLRRTT như sau: Đồng ý việc gia hạn, sửa đổi Hiệp định Tín dụng Phát triển (Cr.4114-VN), Hiệp định Viện trợ của Nhật Bản (TF.054703-VN) và Hiệp định viện trợ của Hà Lan (TF.057258-VN) trong khuôn khổ dự án QLRRTT với các nội dung như kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nêu.

**1.4- Tổ chức quản lý thực hiện dự án****1.4.1- Các cơ quan thực hiện:**

+ Bộ NN & PTNT là cơ quan thực hiện chính:

i) Ủy ban phòng, chống lụt, bão trung ương (CCFSC) do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì sẽ cung cấp chiến lược, chính sách tổng thể và hướng dẫn kỹ thuật phù hợp và đầy đủ để hỗ trợ thực hiện dự án, phù hợp với Chiến lược Quốc gia lần thứ hai. CCFSC sẽ chủ trì việc phối hợp tổng thể giữa các cơ quan khác nhau để tạo điều kiện thực hiện dự án.

ii) Ban chỉ đạo dự án (PSC) do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện quản lý thiên tai. Ban được thành lập để giám sát tổng thể thực hiện dự án. Các thành viên của PSC là đại diện của các cơ quan ban ngành có liên quan như Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, MoD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ...

iii) Ban quản lý các dự án thủy lợi trung ương (CPO) quản lý các dự án đề xuất.

iv) Cục Quản lý đê điều phòng, chống lụt, bão (DDM FSC) có trách nhiệm thẩm định, hướng dẫn, giám sát thực hiện dự án.

+ *Bộ Tài chính là cơ quan thực thi thứ hai:* có trách nhiệm, thông qua Ngân sách nhà nước của Ngân hàng nhà nước (SBV) và Kho bạc nhà nước (STD) thực hiện Hợp phần 3 của dự án.

#### **1.4.2- Văn phòng Ban quản lý dự án trung ương (CPMO):**

Ở cấp trung ương, CPMO được thành lập do CPO và lãnh đạo bởi Phó Giám đốc CPO phụ trách thực hiện và điều phối dự án. CPMO có trách nhiệm thực hiện lập kế hoạch tổng thể và quản lý ngân sách cho dự án, phối hợp với các Bộ, ngành khác của chính phủ, vận hành tài khoản đặc biệt chính, chuẩn bị các báo cáo quản lý dự án theo quý, và giám sát an toàn xã hội, tái định cư và môi trường.

#### **1.4.3- Ban Điều phối Dự án Trung ương (CPCO):**

Việc thực hiện các tiểu dự án không thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn sẽ thuộc trách nhiệm của các Bộ có liên quan. Đối với hệ thống quan trắc và Cảnh báo lũ (tiểu dự án năm 1), Bộ Tài nguyên & Môi trường phân cấp quản lý dự án cho đài Khí tượng thủy văn Nam bộ. Đối với các tiểu dự án không thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn vào những năm tiếp sau, các Ban quản lý dự án (Ban QLDA) có trách nhiệm thực hiện.

#### **1.4.4- Các cấp tại địa phương:**

+ *Ở cấp tỉnh: Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU):* Ở cấp tỉnh, PPMU đã được thành lập và thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND cấp tỉnh) chịu trách nhiệm thực hiện dự án được đề xuất ở cấp tỉnh. Các PPMU hỗ trợ cho Ban phòng chống lụt, bão tỉnh (PCFSC), Ban PCFSC có vai trò là Ban chỉ đạo dự án của tỉnh (PPSC). Ban này hỗ trợ thực hiện tất cả các hợp phần của dự án bằng cách cung cấp hướng dẫn các chính sách giảm nhẹ thiên tai của tỉnh, đảm bảo nguồn vốn đối ứng, đối

thoại ban đầu về tái định cư/bồi thường đất và phối hợp với các sở liên quan khác của tỉnh để hỗ trợ việc thực hiện các tiểu dự án được lựa chọn trong phạm vi thẩm quyền của họ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN & PTNT) của tỉnh đóng vai trò là Văn phòng thường trực của PPSC và Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị tư vấn lập kế hoạch đóng vai trò quan trọng để hỗ trợ các PPMU trong việc lựa chọn và thực hiện đầu tư các tiểu dự án.

+ *Ở cấp huyện / xã:* Cơ chế được phát triển cho dự án sẽ giúp đảm bảo sự tham gia tích cực của các huyện và các xã trong tất cả các hoạt động dự án từ lập kế hoạch, giám sát và đánh giá, vận hành và bảo dưỡng. Các cộng đồng hưởng lợi đảm bảo tham gia tích cực trong việc xác định các biện pháp can thiệp đầu tư, đề xuất các giải pháp kỹ thuật, kế hoạch giảm nhẹ các tác động tiềm năng và sự an toàn xã hội



### Sơ đồ tổ chức quản lý thực hiện dự án

Cấu trúc của dự án	Các cơ quan chính phủ có liên quan	Nhiệm vụ/trách nhiệm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các kế hoạch tổng thể, chính sách và các chỉ dẫn kỹ thuật.</li> <li>- Điều phối toàn bộ các tổ chức chính phủ khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dự án</li> </ul>
		Giám sát việc thực hiện toàn bộ dự án
		Thẩm định, chỉ dẫn, giám sát và kiểm tra việc thực hiện dự án
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động quản lý toàn bộ dự án theo từng ngày.</li> <li>- Thực hiện việc giám sát và đánh giá tổng thể</li> <li>- Ban điều phối dự án trung ương của Bộ Tài nguyên Môi trường là trạm Khí tượng Thủy văn miền Nam</li> <li>- Ban điều phối dự án trung ương của Bộ Tài chính là đơn vị quản lý dự án đường sắt hiện có và Cơ quan quản lý đường bộ số 7</li> </ul>
		Cung cấp các chỉ dẫn, chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh, đảm bảo các nguồn hỗ trợ của đối tác, khởi sự việc tái thiết/ đối thoại về sự đền bù đất và điều phối với các cơ quan cấp tỉnh khác có liên quan để hỗ trợ cho việc thực hiện các tiểu dự án được lựa chọn trong nghĩa vụ pháp lý của họ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện dự án được đề xuất ở cấp tỉnh</li> <li>- Giám sát các hoạt động cộng đồng cấp tỉnh, và địa phương</li> </ul>
		Thực hiện các tiểu dự án cấp tỉnh và xã

**CCFSC:** Ủy ban trung ương về phòng chống bão lũ  
**PSC:** Ban chỉ đạo dự án  
**MOF:** Bộ Tài chính  
**MARD:** Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn  
**DMSFCD:** Văn phòng phòng chống bão lũ và quản lý đê điều

**CPCO:** Ban điều phối dự án trung ương  
**CPO/CPMO:** Văn phòng dự án trung ương/ Văn phòng quản lý dự án trung ương  
**PCFSC:** UB phòng chống bão lũ tỉnh  
**PPSC:** Ban chỉ đạo dự án cấp tỉnh  
**PPMU:** Cơ quan quản lý dự án cấp tỉnh

## PHẦN II: KẾT QUẢ DỰ ÁN

### 2.1-Sự phát triển và những thay đổi của Khung giám sát và đánh giá dự án QLRRTT

#### 2.1.1-Khung giám sát và đánh giá ban đầu

Theo WB, để giám sát và đánh giá việc thực hiện dự án QLRRTT, có những tài liệu chính như sau: PAD (Hồ sơ thẩm định dự án), PIM (Sổ tay thực hiện dự án) hoặc OM (Sổ tay vận hành), GPP (Kế hoạch tổng thể đầu thầu).

Đối với Chính phủ Việt Nam, Nghị định 131/2006/NĐ-CP ban hành ngày 9/11/2006 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA là Khung giám sát và đánh giá các dự án ODA nói chung trong đó có dự án QLRRTT-WB4.

Tháng 10/2007: CPO tuyên tư vấn lập Khung giám sát và đánh giá (chi tiết) thực hiện dự án QLRRTT. Tư vấn đã cố gắng làm rõ mối liên hệ giữa các kết quả đầu ra trong PAD với các hoạt động và các sản phẩm của GPP.

- Tháng 12/2008: sau khi tham vấn rộng rãi cộng đồng những người tham gia và được điều chỉnh, Khung giám sát và đánh giá được CPO phê duyệt.

- Tháng 7/2009: CPO tuyên chọn một công ty tư vấn nhằm mục đích thiết lập, vận hành và duy trì Hệ thống giám sát và đánh giá dự án dựa trên Khung giám sát và đánh giá được phê duyệt. Công ty tư vấn đã có 3 báo cáo gồm: i)-Báo cáo giám sát và đánh giá dự án Quý 3/2009; ii)-Báo cáo giám sát và đánh giá dự án năm 2009; và iii)-Báo cáo giám sát và đánh giá dự án Quý 1/2010.

- Tháng 6/2010: Đoàn giám sát lần thứ 11 của WB tiến hành từ 7-18/6/2010, đã đánh giá phương pháp luận và báo cáo tại thời điểm đó về giám sát và đánh giá thực hiện dự án QLRRTT là không đạt yêu cầu (unsatisfactory). WB yêu cầu CPO chỉ thị Công ty tư vấn trong vòng 1 tháng phải chuẩn bị một Khung giám sát và đánh giá có điều chỉnh, trong đó phải phản ánh được các hoạt động thực tế thực hiện dự án và phải bao gồm sự chính xác hơn nữa đối với các chỉ số nhằm đánh giá các thành tựu của các kết quả đầu ra của dự án. WB cũng yêu cầu Công ty tư vấn cung cấp thêm nhiều hơn trước đây về các đánh giá chi tiết và có phân tích về việc thực thi dự án, phải lưu ý đến những thay đổi của Hợp phần 4 để đưa vào Khung giám sát và đánh giá sửa đổi.

- Tổng các Chỉ số của Khung giám sát và đánh giá ban đầu: gồm 50 Chỉ số (Indicators)

#### 2.1.2-Khung giám sát và đánh giá sửa đổi:

Khung giám sát và đánh giá sửa đổi (Revised M&E Framework for NDRMP) được tư vấn hoàn thành ngày 23/7/2010 và WB phê duyệt ngày 14/10/2010. Khung giám sát và đánh giá mới đã phản ánh được các hoạt động tại thời điểm lúc đó (tháng 7/2010) của Kế hoạch đầu thầu tổng thể (GPP), đồng thời cố gắng trả lời những vấn đề WB phê

phần trong Khung giám sát và đánh giá ban đầu, đồng thời cũng tạo thuận lợi hơn cho việc phân tích các thành tựu thực tế. Bất cứ nơi nào có thể, các Chỉ số sẽ được lựa chọn để hướng dẫn việc phân tích các kết quả đầu ra, những vấn đề và những giải pháp có thể. Công dụng chủ yếu của Khung giám sát và đánh giá ở thời điểm hiện tại là để đóng góp các số liệu cho việc chuẩn bị Báo cáo hoàn thành dự án khi kết thúc dự án vào tháng 6/2011.

Tổng các Chỉ số của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi: gồm 23 Chỉ số (Indicators)

**Bảng 2.1: Chỉ số (Indicators) trong Khung giám sát và đánh giá ban đầu và Khung giám sát và đánh giá sửa đổi**

Hợp phần	Khung giám sát và đánh giá		Chỉ số (Indicators)	
	Khung ban đầu	Khung sửa đổi	Tăng (+)	Giảm (-)
HP1	23	7		16
HP2	4	5	1	
HP3	8	6		2
HP4	15	5		10
CỘNG=	50	23	1	28
SO SÁNH:	50-23:	= 27	28-1	= 27

*Nguồn: Khung giám sát và đánh giá thực hiện dự án QLRRTT (23/7/2010)*

## 2.2-Mục tiêu và kết quả đã đạt được của toàn dự án:

Như đã đề cập đến ở Phần I của báo cáo này, dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP-WB4) là giai đoạn I của Chương trình Quản lý rủi ro thiên tai của Việt Nam, là bước đầu tiên trong việc hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Chiến lược Quốc gia lần thứ hai nhằm giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương do thiên tai thường xuyên xảy ra tại Việt Nam. Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB4) đã hỗ trợ mạnh mẽ cho sự thay đổi nhận thức ở các cấp từ trung ương đến địa phương chuyển từ ứng phó với thiên tai (disaster response) sang quản lý rủi ro thiên tai (disaster risk management), đồng thời áp dụng thành công tiếp cận mới về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Community-Based Disaster Risk Management).

Theo văn kiện dự án, các mục tiêu ban đầu và kết quả của toàn dự án như sau:

**2.2.1-Mục tiêu tổng thể:** nhằm giảm tổn thất về người, về kinh tế và tài chính do thiên tai và đảm bảo phục hồi nhanh sau thiên tai trong cộng đồng nghèo ở những vùng xung yếu thường xuyên có thảm họa thiên tai xảy ra.

**2.2.2-Mục tiêu phát triển:** nhằm thiết lập và phát triển một Khung chương trình toàn diện cho việc phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra ở Việt Nam.

**2.2.3-Kết quả đầu ra của dự án:**

i) *Nâng cao năng lực cơ quan cấp trung ương và địa phương về tổ chức quản lý rủi ro thiên tai*, với hai kết quả mong đợi:

- Chính phủ phát triển năng lực lập kế hoạch chiến lược đầu tư cho các công trình giảm thiểu rủi ro thiên tai, dựa trên phân tích đầy đủ về kỹ thuật, xã hội, môi trường và kinh tế; và
- Cơ quan cấp trung ương và cấp tỉnh liên quan có năng lực tổ chức và các điều kiện kỹ thuật cho việc thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về quản lý rủi ro thiên tai.

ii) *Giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương do bão lũ trong các vùng dự án*, với hai kết quả mong đợi:

- Các Bộ và các tỉnh thực hiện đầu tư công trình và phi công trình; và
- Chính phủ chấp nhận và áp dụng cách tiếp cận “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.

iii) *Tăng hiệu quả các hoạt động phục hồi và tái thiết sau thiên tai*, với hai kết quả mong đợi:

- Nâng cao hiệu quả phân bổ và tốc độ giải ngân các nguồn kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai; và
- Sử dụng hiệu quả ngân sách dự phòng của Nhà nước để hỗ trợ tái thiết sau thiên tai.

Bảng 2.2 tóm tắt kết quả thực hiện các mục tiêu và kết quả đầu ra của toàn dự án tính đến 30/6/2011.

**Bảng 2.2: Đánh giá thực hiện các Mục tiêu và Kết quả đầu ra của toàn dự án WB4**

VẤN KIẾN DỰ ÁN	THỰC HIỆN	ĐÁNH GIÁ
<p><b>+Mục tiêu tổng quát:</b>            Nhằm giảm tổn thất về người, về kinh tế và tài chính do thiên tai và đảm bảo phục hồi nhanh sau thiên tai trong cộng đồng nghèo ở những vùng xung yếu thường xảy ra thiên tai.</p>	<p><b>+Thực hiện được:</b>            -Giảm thiệt hại về người, tài sản, các cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông;            -Hỗ trợ tái thiết kịp thời và nhanh chóng sau thiên tai;            -Giúp xoá đói giảm nghèo ở các công đồng nghèo thường bị thiên tai;            -Sẵn sàng chuyển sang Giai đoạn II Chương trình quốc gia quản lý rủi ro thiên tai.</p>	<p><b>+Đạt được Mục tiêu tổng quát của toàn dự án</b></p>
<p><b>+Mục tiêu phát triển:</b>            Nhằm thiết lập và phát triển Khung chương trình toàn diện về phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra ở Việt Nam.</p>	<p><b>+Thực hiện được:</b> khá toàn diện:            -Đầu tư toàn diện: TDA Công trình và TDA Phi công trình (Hợp phần 1);            -Nâng cao hiểu biết các cấp từ xã đến tỉnh: cấp xã có Kế hoạch làng-xã an toàn hơn (SVPs, SCPs) (HP2), tỉnh có Kế hoạch tổng hợp quản lý rủi ro thiên tai (IDRMPs)</p>	<p><b>+Đạt được hầu hết nội dung của Mục tiêu Phát triển của toàn dự án.</b></p>

	<p>(HP4);</p> <p>-Đầu tư toàn diện HP2: Kế hoạch xã an toàn hơn (phi công trình) đi đôi với đầu tư công trình cầu, đường nhỏ do ấp, xã quản lý;</p> <p>-Hỗ trợ cứu trợ khẩn cấp sau thiên tai kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả;</p> <p>+<i>Chưa thực hiện được:</i></p> <p>-Không hoàn thành TDA mua sắm và lắp đặt hệ thống cảnh báo lũ Đồng bằng sông Cửu Long (Chủ dự án: Đài KT-TV Nam Bộ, Bộ TN&amp;MT).</p>	<p><b>+Không đạt</b></p>
<p><b>+Các kết quả đầu ra mong đợi:</b></p> <p>i)-Nâng cao năng lực cơ quan cấp trung ương và địa phương về tổ chức quản lý rủi ro thiên tai: gồm:</p> <p>a)-Chính phủ phát triển năng lực lập kế hoạch chiến lược đầu tư cho các công trình giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa trên phân tích đầy đủ về kỹ thuật, xã hội, môi trường và kinh tế;</p> <p>b)-Cơ quan cấp trung ương và cấp tỉnh liên quan có năng lực tổ chức và điều kiện kỹ thuật về thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về quản lý rủi ro thiên tai.</p> <p>ii)-Giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương do bão, lũ trong các vùng dự án: gồm:</p> <p>a)-Các Bộ và các tỉnh thực hiện đầu tư công trình và phi công trình;</p> <p>b)-Chính phủ chấp nhận và áp dụng cách tiếp cận “Quản lý rủi ro thiên tai dựa</p>	<p>+<i>Thực hiện được:</i></p> <p>-Tiếp cận mới: từ “đôi phó với thiên tai” (bị động) chuyển sang “quản lý rủi ro thiên tai” (chủ động).</p> <p>-Kế hoạch tổng hợp quản lý rủi ro thiên tai (IDRMPs) cấp tỉnh được phê duyệt và lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế-xã hội các tỉnh tham gia DA.</p> <p>+Không thực hiện được: Đài KT-TV Nam Bộ (Bộ TN&amp;MT) không hoàn thành TDA mua sắm và lắp đặt hệ thống cảnh báo lũ Đồng bằng sông Cửu Long, làm cho khả năng kỹ thuật thu thập, phân tích và phổ biến về cảnh báo lũ sông Mê Công bị hạn chế như trước khi có dự án này.</p> <p>+<i>Thực hiện được:</i></p> <p>-Do lồng ghép Kế hoạch tổng hợp Quản lý rủi ro thiên tai của tỉnh (IDRMPs) với các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển KT-XH của tỉnh, nên Bộ và các tỉnh thực hiện được hài hoà giữa đầu tư công trình và phi công trình.</p> <p>-Chấp nhận và áp dụng tiếp cận “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”, cụ thể nhất là thiết lập và thực hiện “Kế hoạch làng-xã an toàn hơn”.</p>	<p><b>+Đạt được:</b></p> <p><b>-Tiếp cận mới;</b></p> <p><b>-Thiết lập, phê duyệt và lồng ghép IDRMPs;</b></p> <p><b>+Chưa đạt được: nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long.</b></p> <p><b>+Đạt được kết quả đầu ra.</b></p> <p><b>+Đạt được kết quả đầu ra.</b></p>

<p>vào cộng đồng”</p> <p>iii)-Tăng hiệu quả các hoạt động phục hồi và tái thiết sau thiên tai, gồm:</p> <p>a)-Nâng cao hiệu quả phân bổ và tốc độ giải ngân các nguồn kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai;</p> <p>b)-Sử dụng hiệu quả ngân sách dự phòng của Nhà nước để hỗ trợ tái thiết sau thiên tai.</p>	<p><u>+Thực hiện được:</u></p> <p>Nhờ áp dụng quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng:</p> <p>-Hiệu quả phân bổ vốn và tốc độ giải ngân</p> <p>-Hiệu quả ngân sách dự phòng của Nhà nước</p>	
---	---	--

## 2.3-Mục tiêu và kết quả đạt được của các Hợp phần dự án:

### 2.3.1-Những Chỉ số (Indicator) đánh giá việc thực hiện dự án WB4:

Căn cứ vào Khung giám sát và đánh giá được sửa đổi ngày 23/7/2010 và được WB thông qua ngày 14/10/2010, có 3 loại chỉ số gồm Chỉ số hoạt động, Chỉ số kết quả và Chỉ số đầu ra với tổng số gồm 23 Chỉ số thuộc 4 Hợp phần của dự án. Tuy nhiên theo quy định của WB, tùy theo yêu cầu đánh giá của các loại báo cáo khác nhau sẽ yêu cầu những chỉ số khác nhau, cụ thể là:

- Với các báo cáo Quý: yêu cầu phân tích 10 Chỉ số
- Với các báo cáo Năm và báo cáo Hoàn thành dự án: yêu cầu phân tích 13 Chỉ số.

**Bảng 2.3: Các Chỉ số trong Khung giám sát và đánh giá sửa đổi 23/7/2010 và yêu cầu chỉ số của các loại báo cáo theo quy định của WB**

Hợp phần	Phân loại các Chỉ số			Phân loại báo cáo	
	Chỉ số hoạt động	Chỉ số Đầu ra	Chỉ số kết quả	Báo cáo Quý	Báo cáo Năm và B.C Hoàn thành
Hợp phần 1 <b>C1</b>	C1.1 C1.2 C1.3 C1.4 C1.5	C1.6	C1.7	C1.1 C1.2 C1.3 C1.4	C1.5 C1.6 C1.7
Hợp phần 2 <b>C2</b>	C2.1 C2.2	C2.3	C2.4 C2.5	C2.1 C2.2	C2.3 C2.4 C2.5
Hợp phần 3 <b>C3</b>	C3.1 C3.2 C3.3	C3.4	C3.5 C3.6		C3.1 C3.2 C3.3 C3.4 C3.5 C3.6
Hợp phần 4 <b>C4</b>	C4.1 C4.2 C4.3	C4.4	C4.5	C4.1 C4.2 C4.3 C4.4	C4.5
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>13</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>13</b>

*Nguồn: Khung giám sát và đánh giá dự án NDRMP-WB4, sửa đổi, ngày 23/7/2010  
Phụ lục 1: Khung giám sát và đánh giá sửa đổi*

Theo Bảng trên, báo cáo Năm và báo cáo Hoàn thành dự án cần phân tích 13 Chỉ số thuộc cả 4 Hợp phần, trong đó Hợp phần 1 có 3 Chỉ số, Hợp phần 2 có 3 Chỉ số, Hợp phần 3 có 6 Chỉ số và Hợp phần 4 có 1 Chỉ số.

Cũng theo yêu cầu của WB quy định trong Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, với nội dung của Báo cáo hoàn thành dự án WB4, nội dung cụ thể của 13 Chỉ số được xác định trong Bảng 2.4 dưới đây.



**Bảng 2.4: Nội dung các Chỉ số cần phân tích trong Báo cáo hoàn thành dự án WB4**

<b>HỢP PHẦN 1 C1</b>	<b>HỢP PHẦN 2 C2</b>	<b>HỢP PHẦN 3 C3</b>	<b>HỢP PHẦN 4 C4</b>
<p><u>Chỉ số hoạt động C1.5:</u> Tiêu chí lựa chọn các TDA (được nêu trong tài liệu thẩm định DA và Sổ tay hướng dẫn thực hiện DA) được áp dụng đúng.</p>	<p><u>Chỉ số đầu ra C2.3:</u> -Số lượng các khoá tập huấn ToT; -Số lượng Kế hoạch xã an toàn hơn (SCPs) -Số lượng trang thiết bị cứu sinh...</p>	<p><u>Chỉ số hoạt động C3.1:</u> Lựa chọn các TDA phù hợp trong số các công trình bị tàn phá do mưa to, bão, ngập lụt, sạt lở đất... để hưởng nguồn hỗ trợ từ HP3.</p>	<p><u>Chỉ số kết quả C4.5:</u> -Số cán bộ được nâng cao kiến thức và năng lực quản lý RRTT; -Đánh giá thành tựu liên quan IDRMP tại 12 tỉnh, lồng ghép với phát triển KT-XH các tỉnh</p>
<p><u>Chỉ số đầu ra C1.6:</u> Số lượng và loại hình các TDA công trình và phi công trình được thực hiện thành công theo các tiêu chí được lựa chọn.</p>	<p><u>Chỉ số kết quả C2.4:</u> -% số người trong xã được nâng cao nhận thức và năng lực quản lý RRTT; -Kế hoạch xã an toàn hơn (SCPs): Số lượng và lồng ghép phát triển KT-XH xã; -Người trong cộng đồng nghèo tham gia quản lý RRTT</p>	<p><u>Chỉ số hoạt động C3.2:</u> Thiết kế và thực hiện các TDA phục hồi cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng của thiên tai.</p>	
<p><u>Chỉ số kết quả C1.7:</u> -Đánh giá sau DA về mức độ giảm rủi ro thiên tai của các TDA trên cơ sở so sánh với kết quả phân tích trước DA; -Nghiên cứu tác động của các TDA về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.</p>	<p><u>Chỉ số kết quả C2.5:</u> Nghiên cứu tác động của Kế hoạch xã an toàn hơn (SCPs) dựa trên các đánh giá sau khi thực hiện giảm thiểu rủi ro thiên tai</p>	<p><u>Chỉ số hoạt động C3.3:</u> Tuân thủ các chính sách an toàn xã hội và môi trường của WB (EMPs).</p>	
		<p><u>Chỉ số đầu ra C3.4:</u> Đối với các công trình hạ tầng công cộng bị thiệt hại do thiên tai: số lượng và chủng loại công trình được phục hồi phù hợp các chỉ tiêu lựa chọn và thực hiện nêu trong Hướng</p>	

		vận hành HP3.	
		<u>Chỉ số kết quả C3.5:</u> Đánh giá sự thu hẹp các thiếu hụt về tài chính cho công tác phục hồi sau thiên tai (ở trung ương và địa phương)	
		<u>Chỉ số kết quả C3.6:</u> Giám sát tác động của các hoạt động dịch vụ tư vấn và đầu tư cho HP3.	

Nguồn: Phụ Lục 1, Khung giám sát và đánh giá, sửa đổi, 23/7/2010

### 2.3.2-Đánh giá Hợp phần 1 (Đầu tư phòng chống và giảm nhẹ thiên tai:

Theo quy định của WB trong Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, với Báo cáo hoàn thành, Hợp phần 1 được đánh giá theo 3 Chỉ số sau: C1.5 (chỉ số hoạt động), C1.6 (chỉ số đầu ra) và C1.7 (chỉ số kết quả). Kết quả phân tích các chỉ số Hợp phần 1 được nêu trong Bảng 2.5 dưới đây.

**Bảng 2.5: Hợp phần 1 (Đầu tư phòng chống và giảm nhẹ thiên tai), gồm 12 TDA, Chỉ số hoạt động C1.5**

<b>C1.5: Tiêu chí lựa chọn các TDA được áp dụng đúng: (nêu trong Báo cáo thẩm định PAD và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án OM)</b>	<b>Thực tế lựa chọn 12 TDA công trình và phi công trình thuộc Hợp phần 1</b>
<p style="text-align: center;">TIÊU CHÍ GIÁM SÁT CÁC TDA CÔNG TRÌNH VÀ PHI CÔNG TRÌNH</p> <p>1)-TDA chứng minh được khả năng phòng chống và giảm nhẹ RRTT.</p> <p>2)-TDA phù hợp với Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.</p>	<p>-Tuân theo đúng 6 Tiêu chí lựa chọn 11 TDA công trình, -Tuân theo đúng Tiêu chí lựa chọn 1 TDA phi công trình</p> <p>-12 TDA lựa chọn hoàn toàn phù hợp với Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, v lược này (Quyết định 172/2007/QĐ-T.</p>

Created with

<p>3)-Chi phí TDA: dưới 10 triệu USD và có các chỉ số hiệu quả kinh tế phù hợp.</p>	<p>-Đầu tư mọi TDA đều ở mức dưới 10 triệu USD và có kết quả phân tích kinh tế nêu trong Nghiên cứu khả thi (F/S) phù hợp.</p>
<p>4)-TDA CÔNG TRÌNH: thể hiện rõ năng lực xử lý và giảm thiểu RRTT cũng như khả năng phòng ngừa và giảm nhẹ các tác động xấu đối với tính mạng, tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế, môi trường và sự phát triển bền vững.</p>	<p>-11 TDA công trình: có khả năng xử lý và giảm nhẹ thiên tai, phòng ngừa và giảm nhẹ các tác động xấu đối với tính mạng, tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế... nói riêng và môi trường, phát triển bền vững nói chung.</p>
<p>5)-Các TDA thể hiện tính đa dạng.</p>	<p>-Đa dạng về biện pháp: có biện pháp công trình và biện pháp phi công trình.          -Đa dạng về biện pháp công trình: 11 TDA công trình gồm: 5 TDA cảng tránh trú bão, 5 TDA cơ sở hạ tầng thủy lợi (hồ chứa, trạm bơm, khu tiêu úng, kè chống xạt lở, đê biển), 1 TDA cơ sở hạ tầng giao thông đường sắt.</p>

Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4 Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) của 12 TDA của Hợp phần 1 Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành.  
 Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.4 sẽ được cập nhật đến 30/6/2011

**Bảng 2.6: Chỉ số đầu ra C1.6**

<p>C1.6: Tiêu chí về số lượng và loại hình các TDA công trình và phi công trình</p>	<p>Thực tế thực hiện 12 TDA công trình và phi công trình thuộc Hợp phần 1</p>
<p>SỐ LƯỢNG VÀ LOẠI HÌNH CÁC TDA CÔNG TRÌNH VÀ PHI CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN THÀNH CÔNG THEO CÁC TIÊU CHÍ LỰA CHỌN:</p>	<p>A-Biện pháp công trình: 11 TDA được lựa chọn đầu tư thuộc HP1, gồm:          +5 cảng tránh trú bão ven biển Cửa Gianh (Quảng Bình), Cửa Nam và Mỹ Á (Quảng Ngãi)</p>

	<p>+5 công trình cơ sở hạ tầng thủy lợi: TB Cầu Khai (Thanh Hoá), hồ chứa Vực Mầu (Nghệ An), tiêu úng Hải Lăng (Quảng Trị), kè chống sạt lở bờ sông Tiên ở thị trấn Hồng Ngự (Đồng Tháp) và đê biển Ba Tri (Bến Tre).</p> <p>+1 công trình cơ sở hạ tầng giao thông: Cải tạo hệ thống thoát nước dọc tuyến đường sắt Hà Nội-TP Hồ Chí Minh (địa bàn 8 tỉnh miền Trung).</p> <p>B-<u>Biên pháp phi công trình</u>: 1 TDA: Tăng cường năng lực cảnh báo và giám sát lũ lụt Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).</p>
--	---

Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi ngày 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4

Báo cáo Nghiên cứu khả thi (F/S) của 12 TDA thuộc Hợp phần 1.

Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành.

Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.5 sẽ được cập nhật đến 30/6/2011

**Bảng 2.7: Chỉ số Kết quả C1.7**

<b>C1.7: Tiêu chí đánh giá mức độ giảm rủi ro thiên tai của các TDA</b>	<b>Thực tế thực hiện 12 TDA công trình và phi công trình thuộc Hợp phần 1</b>
<p><b>Công trình và phi công trình</b></p> <p><b>TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:</b></p> <p>1)- Đánh giá sau dự án về mức độ giảm RRTT của các TDA trên cơ sở so sánh với kết quả phân tích trước dự án được thực hiện trong quá trình lựa chọn dự án;</p>	<p>+<u>Mức độ giảm rủi ro thiên tai của các TDA</u>: TDA Hệ thống tiêu úng Cầu Khai tiêu úng cho 4.300 ha của 11 xã và thị trấn huyện Yên Định (Thanh Hoá); TDA sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Vực Mầu đã giải quyết triệt để mối đe dọa vỡ đập vì lũ vượt tần suất bằng cách mở thêm 2 cửa tràn, sau khi hoàn thành vừa tưới 3.400 ha vừa cấp nước cho khu CN Hoàn Mai 6,8 triệu m<sup>3</sup>/năm; TDA chống lũ vùng trũng huyện Hải Lăng (Quảng Trị) bảo vệ cho 12 xã thuộc huyện Hải Lăng với số dân 64.000 người, và 5.200 ha diện tích lúa 2 vụ trong đê; TDA đê biển Ba Tri (Bến Tre) dài 32 km với 19 công dưới đê có tác dụng chống xâm nhập mặn do triều cường, nước dâng và bão, bảo vệ an toàn cho 10.700 ha và dân số 41.000 người (Tuy nhiên đến nay còn một vài hạng mục công trình chưa xong); TDA kè sông Tiên tại TT Hồng Ngự (Đồng Tháp) có tổng an toàn lâu dài cho thị trấn Hồng Ngự tạo cảnh quan môi trường đô thị; Tl</p>

<p>2)-Nghiên cứu tác động của các TDA về mặt Kinh tế - Xã hội – Môi trường:</p>	<p>tuyến đường sắt HN-TP.HCM liên quan địa bàn 8 tỉnh, đã phát huy hiệu quả, giúp cải thiện rõ rệt tình trạng ngập lụt do mưa lớn trên tuyến đường sắt Thống Nhất, (nhất là hệ thống thoát nước ga Huế), đã giảm nhẹ ảnh hưởng mưa lũ đối với vận tải đường sắt, an toàn chạy tàu được đảm bảo. Đối với 5 TDA xây dựng cảng tránh trú bão cũng phát huy hiệu quả, nhưng số liệu các địa phương chưa tổng hợp.</p> <p>+Tác động về kinh tế, xã hội, môi trường: Trong Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) của 11 TDA công trình và 1 TDA phi công trình thuộc Hợp phần 1, bất kỳ TDA nào, dù theo đúng mẫu F/S của WB hay chỉ không, các TDA đều có phần nghiên cứu đánh giá tác động về môi trường-xã hội và phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án. Ví dụ: TDA “Chống lũ cho vùng trũng huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị” do Công ty tư vấn và chuyển giao công nghệ trường Đại học Thủy lợi Hà Nội thực hiện năm 2008, trong đó có: Phần 6: Phân tích về xã hội và nhu cầu tái định cư; Phần 7: Đánh giá tác động môi trường, gồm đánh giá tác động môi trường trước, trong và sau khi có dự án; Phần 8: Phân tích về kinh tế, trong đó tính toán xác định các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế gồm NPV, EIRR, B/C.</p>
---	--

Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi ngày 13/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4; Báo cáo Nghiên cứu khả thi (F/S) của 12 TDA thuộc Hợp phần 1; Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành. Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.6 sẽ được cập nhật đến 30/6/2011.

### 2.3.3-Hợp phần 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) (Chỉ số C2.3, C2.4 và C2.5)

**Bảng 2.8: Chỉ số đầu ra C2.3**

C2.3: TIÊU CHÍ	THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 2
<p>1)-Số lượng các khoá tập huấn (ToT) được thực hiện và số lượng người dân địa phương tham gia và các khoá học này.</p> <p>2)-Số lượng và loại hình hoạt động nâng cao nhận thức / đào tạo về “Quản lý RRTT” được thực hiện tại các xã được lựa chọn và số lượng người dân tham gia vào các hoạt động nâng cao năng lực.</p> <p>3)-Số lượng các “Kế hoạch xã an toàn hơn” (SCPs) được hoàn thành và thông qua.</p> <p>4)-Số lượng của mỗi loại thiết bị cứu sinh được cung cấp tại mỗi xã.</p> <p>5)-Số lượng và chủng loại các công trình qui mô nhỏ được xây dựng tại mỗi xã.</p>	<p>+Đào tạo TOT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Giai đoạn 1: 3 tỉnh, 10 xã, số TOT: 192 người, số khoá tập huấn: 3 khoá</li> <li>-Giai đoạn 2: 7 tỉnh, 20 xã, số TOT: 34 người, số khoá tập huấn: 7 khoá</li> <li>Tổng cộng: 10 tỉnh, 30 xã, số TOT: 226 người, số khoá tập huấn: 10 khoá</li> </ul> <p>+Đào tạo cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Giai đoạn 1: số lớp đào tạo: 12 lớp, số người được đào tạo: (không tổng kết)</li> <li>-Giai đoạn 2: số lớp đào tạo: 294 lớp, số người được đào tạo: 12.304 người</li> <li>Tổng cộng: số lớp đào tạo: 306 lớp, số người được đào tạo: 12.304 người</li> <li>(Ghi chú: Chỉ tổng kết được số người đào tạo GD 2 là 12.304 người)</li> </ul> <p>+Kế hoạch xã an toàn hơn (SCPs) được hoàn thành và phê duyệt: 30 xã, 30 SCPs:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Giai đoạn 1: 3 tỉnh, 10 xã, có 10 SCPs;</li> <li>-Giai đoạn 2: 7 tỉnh, 20 xã, có 20 SCPs;</li> </ul> <p>+Số lượng thiết bị cứu sinh: GD 1 không có số liệu tổng kết; Số liệu GD2 như sau: thuyền cứu hộ: 33 cái; canô: 11 chiếc; lồng bơi: 1 cái; áo phao: 9.537 cái; loa cầm tay: 172 cái; máy tính và máy in: 49 bộ; máy photocoppy: 15 cái; máy FAX: 14 cái; máy phát điện: 25 cái; hệ thống loa phát thanh bộ đàm: 103 bộ; nhà bạt: 18 cái; đèn pin, đèn mũ: 1.094 cái; áo mưa: 65 cái; phao cứu sinh: 501 cái; giày ủng: 65 đôi; Radiô: 997 cái; tủ tài liệu: 42 cái; máy bộ đàm: 7 bộ; máy chiếu Projector: 1 cái; Bình nóng lạnh: 2 bình; máy cưa xăng cầm tay: 48 cái; hệ thống VP: 9 bộ;</p>

	<p>+Số lượng, chủng loại công trình nhỏ được xây dựng: Gồm i)- Đường tránh lũ; ii)-Nhà tránh bão; iii)-Cổng các loại; iv)-Kênh; v)-Cầu; vi)-Kè rọ đá chống xói lở;</p> <p>-Giai đoạn 1: 3 tỉnh, 10 xã, không có số liệu tổng kết.</p> <p>-Giai đoạn 2: 7 tỉnh, 20 xã: tổng cộng: Đường tránh lũ nhựa đường và bê tông: 16.274m; Cổng: 23 cái; Kênh: 2.200m; Kè rọ đá chống xói lở: 400m.</p>

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4  
Phụ lục 2, Tiêu chí lựa chọn các TDA thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2.*

*Báo cáo “Kế hoạch làng-xã an toàn hơn” của các PPMUs*

*Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án.*

*Community Based Disaster Risk Management (End of Project Report) JSDF, Phase I: 3 provinces, 10 Communes (March 31, 2009)*

*Báo cáo đánh giá kết thúc Hợp phần 2 (NTF) Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, Giai đoạn II: 7 tỉnh, 20 xã*

Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.7 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011

**Bảng 2.9: Chỉ số Kết quả C2.4**

C2.4: TIÊU CHÍ	THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 2
1)-Tỷ lệ % số người trong các xã được lựa chọn để nâng cao nhận thức và năng lực trong quản lý RRTT.	<p>+Chưa có số liệu tổng kết đầy đủ của 10 xã GD1 và 20 xã GD2, cụ thể như sau:                      -GD1: Số dân của 10 xã: 68.596 người; số người được đào tạo: không tổng kết                      -GD2: Số dân của 20 xã: không tổng kết; số người đào tạo: 12.304 người  <i>Vì vậy không tính được tỷ lệ % số người trong các xã được đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực quản lý RRTT.</i></p>
2)-Các hoạt động được xác định trong các “Kế hoạch xã an toàn hơn” được cộng đồng chấp nhận.	<p>+<i>Nội dung SCPs có nhiều hoạt động được cộng đồng chấp nhận:</i>                      i)-<i>Các hoạt động trước-trong-sau thiên tai, trong mỗi giai đoạn đều có hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão xã và của mỗi gia đình; ii)-Công tác trực ban về lũ lụt, thông tin và báo cáo; iii)-Lập phương án cứu trợ cho khu trọng điểm của xã; iv)-Công tác giám sát và đánh giá thực hiện SCPs hàng năm; v)-Vấn đề vốn đầu tư, và vi)-Phân công nhiệm vụ.</i></p>
3)-Các “Kế hoạch xã an toàn hơn” được tích hợp vào các kế hoạch phát triển của xã.	<p>+<i>Một trong những quan điểm chỉ đạo khi xây dựng SCPs là: “Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương”</i></p>
4)-Các xã phát triển thêm và cập nhật “Kế hoạch xã an toàn hơn” của họ bằng cách bổ sung thêm các hoạt động sau khi hoàn thành Hợp phần (được đánh giá tối thiểu ở 15 xã, lưu ý nguồn tài chính cho bất cứ các hoạt động bổ sung nào).	<p>+<i>Sau khi Hợp phần 2 hoàn thành, sau mùa mưa bão lũ hàng năm, các xã sẽ đánh giá tình hình thực hiện SCPs của năm, bổ sung thêm những hoạt động cần thiết, xác định nguồn vốn chống bão lụt...</i></p>
5)-Những người trong cộng đồng nghèo được khuyến khích tham gia và có	<p>+<i>Có lớp tập huấn riêng cho</i></p>



vai trò quan trọng trong công tác với các đại diện chính quyền địa phương trong các hoạt động quản lý RRTT có sự tham gia của cộng đồng.	<i>bảo, lũ lụt thường quan tâm và ưu tiên cho các hộ nghèo, neo đơn, hộ trong diện chính sách,</i>
--	--

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)-WB4*

*Phụ lục 2, Tiêu chí lựa chọn các TDA thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2;*

*Báo cáo “Kế hoạch xã an toàn hơn” của các PPMUs;*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.8 sẽ được cập nhật đến 30/6/2011*

*Báo cáo của các PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án*

**Bảng 2.10: Chỉ số Kết quả C2.5**

<b>C2.5: Nghiên cứu các hoạt động của các “Kế hoạch xã an toàn hơn” dựa trên các đánh giá sau khi thực hiện giảm thiểu RRTT.</b>	<b>THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 2</b>
<p>CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC GIÁM SÁT TẠI MỖI XÃ TRONG CẢ GIAI ĐOẠN 1 VÀ GIAI ĐOẠN 2:</p> <p>1)-Nhận thức của cộng đồng và kiến thức về khái niệm “Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng” và các công cụ trước và sau khi Hợp phần được hoàn thành.</p> <p>2)-Thái độ đối với thiên tai và hành vi của các cộng đồng địa phương thay đổi được xem là kết quả của dự án.</p> <p>3)- Đầu tư được thực hiện cho phòng chống và giảm nhẹ thiên tai tại các cộng đồng được lựa chọn có sử dụng nguồn vốn từ địa phương.</p>	<p><i>+Cộng đồng được nâng cao nhận thức về “QLRRTT dựa vào cộng đồng”; được trang bị kiến thức về kỹ thuật cơ bản phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong tình hình cụ thể của địa phương;</i></p> <p><i>+Thái độ đối với thiên tai chủ động hơn, tích cực hơn; do nhận thức thay đổi cho nên hành vi cũng thay đổi theo, tham gia cùng cộng đồng xây dựng Kế hoạch làng xã an toàn hơn, dần dần có ý thức tuân thủ mệnh lệnh của B.</i></p> <p><i>+Thực hiện chủ trương xã hội chống thiên tai; thực hiện p.</i></p>

<p>4)-Bất cứ tác động có lợi nào khác của các hoạt động Quản lý RRTT được các cộng đồng địa phương báo cáo có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.</p>	<p><i>châm “Chủ động phòng, tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”</i></p> <p><i>+Thực hiện Quan điểm chỉ đạo nêu trong ‘Kế hoạch làng, xã an toàn hơn’ là: “Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương”</i></p>
---	---

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4*

*Phụ lục 2, Tiêu chí lựa chọn các TDA thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2;*

*Báo cáo “Kế hoạch xã an toàn hơn” của các PPMUs;*

*Báo cáo của các PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án.*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.9 sẽ được cập nhật đến 30/6/2011*

### 2.3.4-Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai: 6 Chỉ số: C3.1, C3.2, C3.3, C3.4, C3.5 và C3.6

**Bảng 2.11: Chỉ số hoạt động C3.1**

C3.1: Lựa chọn các TDA phù hợp trong số các công trình bị tàn phá do bão, mưa to, ngập lụt, trượt lở đất... để hưởng nguồn tài trợ từ Hợp phần 3.	THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 3
<p><b>CÁC TIÊU CHÍ GIÁM SÁT CÁC ĐỢT THIÊN TAI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN WB4:</b></p> <p>1)- Đáp ứng được các Tiêu chí lựa chọn công trình đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ Hợp phần 3:</p> <p>2)-Các cơ quan cấp tỉnh nộp danh sách các TDA có khả năng tham gia HP3.</p> <p>3)-Các TDA phù hợp được PCU lựa chọn, danh sách ngắn được trình lên WB để thông qua.</p> <p>4)-Các cơ quan có liên quan được thông báo (nguồn và kinh phí), các quyết định đầu tư được ban hành.</p> <p>5)-PPMUs / PMUs được thành lập.</p> <p>6)-Các thủ tục rút vốn và thanh toán cho các nhà thầu được thiết lập và được thông báo cho các Ban quản lý dự án của các tỉnh (PPMUs).</p> <p>7)-Hướng dẫn các PPMUs thực hiện theo đúng các chính sách an toàn của WB.</p>	<p>+165 công trình-TDA được lựa chọn là những công trình bị thiệt hại do cơn bão Xangsane và Lekima, thuộc đối tượng được hỗ trợ tái thiết (gồm các công trình công cộng như trường học, trạm y tế, các cơ sở hạ tầng như công trình thủy lợi, giao thông...).</p> <p>+Sau khi Bộ TC thông báo về nguồn vốn hỗ trợ, UBND các tỉnh, thành phố lập danh sách các TDA tiềm năng nộp cho Ban điều phối HP3.</p> <p>+Ban điều phối HP3 tổng hợp, lập danh sách các TDA cần hỗ trợ để tái thiết, sau đó gửi nộp WB để WB xem xét tài trợ.</p> <p>+Sau khi WB có thư “không phản đối”, Ban điều phối HP3 gửi thông báo đến UBND tỉnh, thành phố có TDA đề nghị được tài trợ tái thiết.</p> <p>+UBND các tỉnh, thành phố có TDA được hỗ trợ tái thiết của HP3 ra Quyết định duyệt Danh mục các TDA đầu tư tái thiết, Quyết định thành lập Ban quản lý dự án tỉnh (PPMUs).</p> <p>+Mở Tài khoản đặc biệt (TKĐB) cho TDA và làm thủ tục rút vốn từ WB về TKĐB; Làm thủ tục cấp vốn về tài khoản của Chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thanh toán cho các nhà thầu.</p> <p>+Các PPMUs của các tỉnh phải thực hiện nghiêm các chính sách an toàn về xã hội và môi trường của WB.</p>

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4.*

*Báo cáo thẩm định dự án Quản lý rủi ro thiên tai(DAP), WB, 24/6/05*

*Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án.*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.10 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011*

**Bảng 2.12: Chỉ số hoạt động C3.2**

C3.2: Thiết kế và thực hiện các TDA phục hồi cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng của thiên tai	THỰC TẾ THỰC HIỆN CÁC TDA THUỘC HỢP PHẦN 3
<p style="text-align: center;">CÁC TIÊU CHÍ GIÁM SÁT CHO MỖI TDA:</p> <p>1)-Các thiết kế chi tiết, đặc điểm kỹ thuật và các hồ sơ đấu thầu được hoàn thành và thông qua.</p> <p>2)-Nhận và đánh giá hồ sơ thầu, trao thầu.</p> <p>3)-Quy trình mua sắm, đấu thầu được tuân thủ.</p>	<p>+Thiết kế các TDA được hỗ trợ của HP3 đều do các đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Xây dựng ban hành. Thẩm định thiết kế do các tư vấn hoặc các Ban QLDA (PPMUs) thực hiện. Những TDA có yêu cầu kỹ thuật phức tạp sẽ do các Sở chuyên ngành thẩm định. Hầu hết các công trình xây dựng (trường học, trạm y tế...) đều áp dụng thiết kế mẫu, tuy nhiên một số trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung về khảo sát, thiết kế.</p> <p>+Các kế hoạch đấu thầu được lập và trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chỉ định thầu: Trình duyệt kết quả đánh giá hồ sơ thầu và xác định nhà thầu trúng thầu (Với gói thầu thực hiện đấu thầu), hoặc nhà thầu được chỉ định thi công (Với gói thầu thực hiện chỉ định thầu)</p> <p>+Quy trình mua sắm, đấu thầu được tuân thủ: Việc lựa chọn các nhà thầu tư vấn và xây lắp được thực hiện dưới 2 hình thức: Chỉ định thầu và đấu thầu trong nước. Không có tình trạng chủ đầu tư hoặc địa phương tự thực hiện. (Không tổ chức đấu thầu quốc tế vì không có gói thầu xây lắp nào có giá trị tương đương hoặc lớn hơn 2.000.000 USD và cũng không có gói thầu mua sắm nào có giá trị tương đương hoặc lớn hơn 150.000 USD ). Cả hai hình thức chọn nhà thầu đều phù hợp với quy định của Hiệp định tin dụng phát triển và Sổ tay hoạt động. Các nhà thầu tư vấn và xây lắp đều là các doanh nghiệp cổ phần hoặc tư nhân, có đăng ký kinh doanh, độc lập về tài c cách hợp lệ để thực hiện TD.</p> <p>+Tiến độ thực hiện của các</p>

<p>4)-Tuân thủ các quy định pháp lý về xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.</p> <p>5)-Các mốc tiến độ thực hiện đạt được theo kế hoạch (nêu trong kế hoạch thi công của nhà thầu).</p> <p>6)-Các TDA được hoàn thành trước khi mùa mưa bão tiếp theo bắt đầu hoặc trong vòng 12 tháng (kể cả cung ứng thiết bị) từ ngày cấp vốn cho các tỉnh có dự án, hoặc các cấp thuộc Bộ.</p> <p>7)-Quy trình quản lý tài chính được tuân thủ.</p> <p>8)- Đạt các mốc giải ngân theo đúng tiến độ đã vạch ra (nêu trong hợp đồng).</p> <p>9)-Kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao.</p> <p>10)-Hoàn thành việc thanh, quyết toán công trình TDA</p>	<p><i>của các TDA thuộc HP3: nói chung đạt tiến độ đề ra, giải ngân có một số TDA bị chậm.</i></p> <p><i>+Giám sát thực hiện dự án: Các PMU giám sát tiến độ thực hiện các TDA: i)-Các cuộc họp giữa PMU với các nhà thầu được tổ chức đều đặn; ii)-Các chủ đầu tư gửi văn bản cho PMU và các nhà thầu yêu cầu đảm bảo kết hợp tiến độ thi công và chất lượng công trình. Vì vậy nhiều TDA có kỹ thuật đơn giản như trường học, trạm y tế, kênh mương... được hoàn thành trước hoặc đúng thời hạn của hợp đồng. Một số TDA là cơ sở hạ tầng đòi hỏi kỹ thuật phức tạp như cầu, đường, hồ chứa, đập tràn... bị chậm tiến độ do mất nhiều thời gian tiến cho công tác khảo sát và thiết kế, gặp thời tiết bất lợi như mưa, bão phía tạm ngừng thi công, thậm chí có nơi vừa thi công vừa phải phục vụ tưới cây trồng...</i></p> <p><i>+Quy định cấp phát vốn và thanh quyết toán: nói chung thực hiện đúng quy định của Việt Nam và WB trong Sổ tay hoạt động, tuy nhiên cũng có một số TDA chậm thanh toán cho nhà thầu. Chứng từ và sổ sách kế toán được lưu trữ đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán.</i></p> <p><i>+Công việc giám sát, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành công trình: được thực hiện đúng theo quy định của VN, tuy nhiên một số địa phương chưa chú trọng khâu thành lập Ban quản lý công trình và thiếu quy chế bảo quản vận hành công trình để kéo dài tuổi thọ.</i></p>
--	--

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi ngày 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4.*

*Báo cáo thẩm định dự án (DAP), WB, 24/6/2005*

*Báo cáo của các PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án.*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.11 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011*

**Bảng 2.13: Chỉ số hoạt động C3.3**

<b>C3.3: Tuân thủ chính sách an toàn xã hội và môi trường của WB.</b>	<b>THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 3</b>
<p><b>TIÊU CHÍ GIÁM SÁT CHO MỖI TDA CÔNG TRÌNH</b></p> <p>1)-Các “Kế hoạch quản lý môi trường” (EMPs) và “Kế hoạch hành động tái định cư” (RAPs) được chuẩn bị và thông qua.</p> <p>2)-Các “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số” được chuẩn bị (nếu cần thiết) dựa trên các tác động tự nhiên và mở rộng đối với cộng đồng dân tộc thiểu số.</p> <p>3)-Yêu cầu về “Kế hoạch quản lý môi trường”, “Kế hoạch hành động tái định cư”, “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số” được tuân thủ và báo cáo bởi Ban quản lý dự án các tỉnh PPMUs/PCU trong việc tuân thủ các chính sách và các hướng dẫn có liên quan của WB</p>	<p><i>Tình hình Thực hiện Khung chính sách an toàn về xã hội và môi trường của WB của các TDA thuộc HP3 gồm:</i></p> <p><i>+EMPs: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường: căn cứ vào Sổ tay hoạt động, đối với các TDA thuộc Nhóm C về tác động môi trường, các PMU đã thực hiện Chứng thực an toàn môi trường dưới các hình thức khác nhau.</i></p> <p><i>+RAPs: Kế hoạch tái định cư, đền bù, hỗ trợ các hộ bị ảnh hưởng: có 10 TDA bị ảnh hưởng về khía cạnh xã hội. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện theo đúng các quy định của Việt Nam.</i></p> <p><i>+Đối với cộng đồng Dân tộc thiểu số: Kế hoạch tuyên truyền đến người dân, đặc biệt là bà con người thiểu số; các công trình tái thiết được xây dựng lại ngay tại vị trí công trình cũ mọi người dân đều biết (kể cả người dân thiểu số), do vậy các PMU không tổ chức xây dựng “Chiến lược truyền thông đối với người dân tộc thiểu số”.</i></p> <p><i>+Do vậy nói chung các TDA tái thiết thuộc HP3 đã tuân thủ đúng chính sách an toàn về xã hội và môi trường của WB. Các TDA đã báo cáo với PPMUs/PCUs.</i></p> <p><i>+Không có TDA nào nằm trong khu vực cấm hoặc nhạy cảm.</i></p> <p><i>+Không có hộ dân nào bị ảnh hưởng nghiêm trọng.</i></p>

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4.*

*Báo cáo thẩm định dự án (DAP), WB, 24/6/2005*

*Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án.*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.12 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011*

**Bảng 2.14: Chỉ số đầu ra C3.4**

C3.4:	TIÊU CHÍ	THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 3
<p>1)-Đối với các công trình hạ tầng công cộng bị thiệt hại do thiên tai, số lượng và loại hình công trình được phục hồi phù hợp với các tiêu chí lựa chọn và thủ tục thực hiện được mô tả trong Sổ tay hướng dẫn vận hành Hợp phần 3 (OM).</p> <p>2)-Tài liệu hướng dẫn thực hiện Hợp phần 3 (OM) được sửa đổi, bổ sung và áp dụng đầy đủ</p> <p>3)-Các nghiên cứu then chốt được thực hiện gồm:</p> <p>i)-Thực tế hiện nay về quản lý các nguồn lực hỗ trợ tái thiết sau thiên tai;</p> <p>ii)-Các kết quả của ngân sách cho tái thiết sau thiên tai được thể hiện.</p> <p>4)-Các thủ tục cải tiến về phân bổ nguồn hỗ trợ sau thiên tai được soạn thảo và đưa vào thực hiện.</p> <p>5)-Công ty tư vấn được tuyển dụng để thực hiện giám sát độc lập hàng năm.</p>	<p>+Số lượng và loại hình công trình được tái thiết theo đúng hướng dẫn trong “Sổ tay hướng dẫn vận hành Hợp phần 3” (OM): tổng số 165 công trình thuộc địa bàn của 8 tỉnh (Quảng Nam, Đà Nẵng, TT Huế, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá và Ninh Bình) trong đó gồm loại công trình sau:</p> <p>i)-Trường học: 53 TDA</p> <p>ii)-Cơ sở y tế: 20 TDA</p> <p>iii)-Công trình giao thông: 41 TDA</p> <p>iv)-Công trình thủy lợi: 51 TDA</p> <p>+Các nghiên cứu được thực hiện bao gồm:</p> <p>i)-Nguồn vốn tài trợ HP3 được Bộ Tài chính (PCU là đại diện) trực tiếp quản lý, đã phát huy hiệu quả hỗ trợ kịp thời sau thiên tai.</p> <p>ii)-Nguồn vốn từ HP3 đã được Bộ Tài chính (PCU) phân bổ và giải ngân kịp thời, tạo điều kiện cho việc tái thiết các cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng thiết yếu sau thiên tai được thực hiện nhanh và hiệu quả hơn.</p> <p>+Các thủ tục về phân bổ vốn tài trợ của HP3 được thực hiện tốt, tạo ra nguồn tài trợ hỗ trợ tái thiết sau thiên tai cho VN sau khi HP3 của dự án QLRRTT-WB4 kết thúc.</p> <p>+Công ty tư vấn giám sát độc lập MONACO đã được Bộ Tài chính-PCU tuyển chọn làm nhiệm vụ giám sát độc lập thường niên HP3 trong khuôn khổ của dự án QLRRTT-WB4.</p>	

Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4

Báo cáo thẩm định dự án (DAP), WB, 26/4/2005

Báo cáo các PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát đánh giá sửa thành dự án.

Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.13 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011

**Bảng 2.15: Chỉ số Kết quả C3.5**

C3.5:	TIÊU CHÍ	THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 3
1)- Đánh giá sự thu hẹp các thiếu hụt về tài chính cho công tác phục hồi sau thiên tai (ví dụ: giảm các thiếu hụt về tài chính ở cấp trung ương hoặc cấp tỉnh).		+Mức thiếu hụt ngân sách cho tái thiết sau thiên tai năm 2000 là 46 triệu USD, năm 2003 là 130 triệu USD, tương ứng khoảng 42%-50% tổng nhu cầu chi tiêu trong giai đoạn sau thiên tai xảy ra. Đáp ứng yêu cầu này nếu chỉ trông chờ vào ngân sách trong nước là rất khó khăn.
2)-Các thủ tục đánh giá thiệt hại sau thiên tai được cải thiện và đưa vào thực hiện.		+Với số tiền 320 tỷ VNĐ của HP3 để tài trợ tái thiết sau cơn bão Xangsane và Lekima trên địa bàn 8 tỉnh, thành phố, tuy không thể đáp ứng được toàn bộ nhu cầu của các địa phương (ví dụ: thiệt hại cơ sở hạ tầng ở TT Huế là 660 tỷ VNĐ nhưng được tài trợ trong HP3 là 30 tỷ VNĐ, thiệt hại ở Thanh Hoá là 1.100 tỷ VNĐ, được hỗ trợ tái thiết 42 tỷ VNĐ), nhưng đã góp phần làm thu hẹp khoảng cách về thiếu hụt về tài chính cho tái thiết ở cả Trung ương và địa phương.
3)-Hiệu quả công tác phân bổ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ phục hồi sau thiên tai được nâng cao.		
4)-Việc tái thiết cơ sở hạ tầng công cộng thiết yếu sau thiên tai được thực hiện nhanh hơn nhờ thực hiện Hợp phần 3 (ví dụ: ít có sự chậm trễ hơn trong quá trình phê duyệt kinh phí phân bổ và giải ngân các nguồn kinh phí này).		+Quá trình thực hiện HP3 đã tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan (giữa Trung ương và địa phương, giữa các Bộ, ngành liên quan ở Trung ương, giữa Việt Nam và WB...), đồng thời nâng cao hiệu quả tổng thể đối với việc phân bổ và sử dụng các nguồn vốn kết hợp, gồm vốn của Chính phủ, vốn của các nhà tài trợ và vốn đối ứng của các địa phương cho công tác phục hồi sau thiên tai.
5)-Việc sử dụng các nguồn lực hỗ trợ phục hồi sau thiên tai của Chính phủ hiệu quả hơn thông qua việc thúc đẩy ứng dụng các hướng dẫn và các tiêu chí là kết quả của Hợp phần 3.		+Thiến độ giải ngân từ Tài khoản đặc biệt của PCU về tài khoản của các PMUs tại Kho bạc Nhà nước ở các tỉnh, thành phố có công trình tái thiết: Tất cả các tỉnh, thành phố đều xác nhận rằng nguồn vốn do HP3 tài trợ đủ để thực hiện các công việc tái thiết các cơ sở hạ tầng thiết yếu sau thiên tai được thực hiện.
6)-Công tác quản lý ngân sách của Chính phủ cho phòng chống thiên tai		



<p>được tăng cường theo đúng đề xuất của Công ty tư vấn.</p>	<p>+Việc ban hành “Sổ tay hướng dẫn vận hành HP3” : trong đó hướng dẫn Quy trình lựa chọn và thực hiện các TDA cụ thể được cấp vốn hỗ trợ, nên đã đảm bảo việc quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thái thiết sau thiên tai của HP3, và đạt được mục tiêu của HP3.</p>
--	---

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4.*

*Báo cáo thẩm định dự án (DAP), WB, (26/4/2005)*

*Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.14 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011*

**Bảng 2.16: Chỉ số Kết quả C3.6**

<b>C3.6: GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG CỦA CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THUỘC HỢP PHẦN 3</b>	<b>THỰC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 3</b>
<p>Các tiêu chí được giám sát/đánh giá sau dự án gồm các hoạt động trong suốt quá trình thực hiện Hợp phần 3:</p>	<p><i>Công ty tư vấn MONACO được tuyển chọn thực hiện dịch vụ tư vấn giám sát các hoạt động của Hợp phần 3 trong khuôn khổ dự án QLRRT-WB4, được đánh giá có chất lượng dịch vụ tương đối tốt. Trong suốt quá trình thực hiện HP3, MONACO đã tiến hành giám sát các TDA theo những tiêu chí quy định như sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1-Tính hợp lệ của TDA</li> <li>2-Chất lượng thiết kế, chất lượng thi công công trình             <ol style="list-style-type: none"> <li>i)-Chất lượng thiết kế</li> <li>ii)-Chất lượng thi công</li> </ol> </li> <li>3-Dự toán công trình, những căn cứ để lập dự toán</li> <li>4-Sự tuân thủ chính sách an toàn của WB về môi trường tự nhiên và xã hội</li> <li>5-Về công tác Dân tộc thiểu số (DTTS)</li> <li>6-Đánh giá việc thực hiện quy trình đấu thầu, mua sắm:             <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hình thức chọn nhà thầu</li> <li>-Quy trình thực hiện chỉ định thầu các gói thầu tư vấn</li> <li>-Quy trình thực hiện đấu thầu cạnh tranh trong nước</li> <li>-Thực hiện đấu thầu cạnh tranh trong nước với các gói thầu xây lắp</li> </ul> </li> <li>7-Tiến độ triển khai, thi công, nghiệm thu công trình</li> <li>8-Thanh toán và quyết toán công trình hoàn thành</li> <li>9-Đánh giá hiệu quả TDA</li> </ol>

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4.*

*Báo cáo thẩm định dự án (PAD), WB, (26/4/2005)*

*Báo cáo của PPMUs của các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, dự án.*

*Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.15 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011*

### 2.3.5-Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế

**Bảng 2.17: Chỉ số Kết quả: C4.5**

C4.5:	TIÊU CHÍ	THỨC TẾ THỰC HIỆN HỢP PHẦN 4
<p>1)-Số cán bộ từ các cơ quan khác nhau cấp trung ương và địa phương được nâng cao kiến thức và năng lực về quản lý RRTT.</p> <p>2)-Số người từ các xã được tham gia vào các hoạt động đặc thù của Hợp phần 4 (ví dụ: các hoạt động IAE?), được nâng cao nhận thức và năng lực về quản lý RRTT.</p> <p>3)-Số cán bộ từ các cơ quan các cấp khác nhau được nâng cao nhận thức về mục đích của các hoạt động IAE (?) và hiệu quả của công tác IAE (?) được tăng cường trong quản lý RRTT.</p> <p>4)- Đánh giá mức độ mà các hoạt động của Hợp phần 4 làm cầu nối với các hoạt động của các Hợp phần khác và phát triển mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan chính Quản lý RRTT và các cộng đồng liên quan (ví dụ: mức độ mà các hoạt động Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng (CBDRM) đã được tích hợp vào các Kế hoạch/Chiến lược quản lý RRTT.</p> <p>5)- Đánh giá những thành tựu liên quan đến chuẩn bị “Kế hoạch quản lý tổng hợp rủi ro thiên tai” (IDRMPS) tại 12 tỉnh, bao gồm cả quy mô mà đánh giá RRTT đã được lồng ghép vào chương trình phát triển kinh tế-xã hội và kế hoạch đầu tư của tỉnh.</p>		<p>+Số lượng cán bộ được nâng cao kiến thức và năng lực về quản lý RRTT...</p> <p>+Số lượng người các xã tham gia vào các hoạt động của HP4...</p> <p>+Số lượng cán bộ từ cấp tỉnh trở xuống được nâng cao nhận thức...</p> <p><i>+Hợp phần 4 (Quản lý dự án và tăng cường thể chế) có 3 Tiểu hợp phần: THP1: Hỗ trợ kỹ thuật và quản lý dự án; THP2: Tăng cường thể chế và đào tạo; THP3: Tăng cường năng lực quản lý RRTT. Vì vậy các hoạt động của HP4 có quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ các Hợp phần khác của dự án QLRRTT và hỗ trợ mạnh mẽ cho chính sách quốc gia. Ví dụ: HP2 về Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng (CBDRM) là minh họa rất rõ cho quan điểm của Chính phủ trong Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, 1 trong 7 chương trình của Biện pháp phi công trình là “Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng” rất được chú trọng.</i></p> <p><i>+Một trong những thành tựu lớn, có giá trị thực tiễn đáng kể của HP4 là “Kế hoạch quản lý RRTT tổng hợp” của 12 tỉnh (IDRMPS) được lồng ghép vào các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Để phát huy hơn nữa thành tựu này, cần phải đẩy mạnh công tác in ấn xuất bản và phổ biến xuống cấp huyện và cấp xã, để mở rộng sự tham gia của cộng đồng.</i></p>

*Nguồn: Phụ lục 1, Khung giám sát và đánh giá (sửa đổi 23/7/2010) về việc thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP)- WB4. Báo cáo thẩm định dự án (PAD), WB, 24/6/2005).*

*Báo cáo của PPMUs các tỉnh theo yêu cầu nội dung của Khung giám sát và đánh giá sửa đổi, theo 13 Chỉ số của Báo cáo hoàn thành dự án. Các số liệu và thông tin trong Bảng 2.16 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011.*

### 2.3.6-Ngân sách toàn dự án và phân bổ nguồn vốn cho các Hợp phần

Dự án quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP-WB4) với Hiệp định tín dụng Cr.4114-VN ký ngày 2/3/2006, có hiệu lực ngày 30/5/2006, ngày đóng khoản vay (cũ) 30/6/2010, ngày đóng khoản vay (điều chỉnh) 30/6/2011, có tổng kinh phí dự án 110,5 triệu USD, trong đó vốn nước ngoài 98,46 triệu USD gồm 86 triệu USD vốn vay (IDA) và 12,46 triệu USD vốn viện trợ không hoàn lại, phân vốn đối ứng là 12,04 triệu USD.

**Bảng 2.18: Tổng ngân sách dự án và phân bổ nguồn vốn các Hợp phần**

(đ/v: triệu USD)

Hợp phần	Tổng Ngân sách	Vốn nước ngoài					Vốn đối ứng
		IDA	JSDF	HRD	NTF	Tổng vốn nước ngoài	
HP1	74,24	64,0				64,0	10,24
HP2	4,96		1,46		3,3	4,76	0,2
HP3	20,0	20,0				20,0	
HP4	11,3	2,0		4,5	3,2	9,7	1,6
<b>CỘNG:</b>	<b>110,5</b>	<b>86,0</b>	<b>1,46</b>	<b>4,5</b>	<b>6,5</b>	<b>98,46</b>	<b>12,04</b>

Nguồn: Hiệp định tín dụng Cr.4114-VN;

Công văn số 1024/BNN-HTQT ngày 12/4/2010 của Bộ NN&PTNT gửi Ngân hàng Nhà nước và các Bộ

Liên quan đề nghị gia hạn Hiệp định dự án QLRRTT và tái cơ cấu vốn cho HP3.

### 2.3.7-Chi phí và giải ngân theo Hợp phần

#### 2.3.7.1-Hợp phần 1: Đầu tư ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai

**Bảng 2.19: Luỹ kế giải ngân các TDA thuộc Hợp phần 1 đến 28/2/2011**

TIÊU DỰ ÁN	Giá trị hợp đồng		Luỹ kế giải ngân đến ngày 28/2/2011	
	USD	VND	USD	VND
1-An Hoà	2.249.551,58	39.680.795.043	2.764.498,8	50.669.671.500
2-Ba Tri	7.132.445,11	123.223.998.700	5.927.211,07	107.593.134.000
3-Cầu Khai	4.650.403,27	79.959.636.800	4.686.892,84	84.789.937.565
4-Cửa Gianh	3.204.430,08	50.026.027.000	3.232.273,23	58.633.509.940
5-Cửa Sót	1.374.878,19	24.089.282.000	1.564.627,45	28.693.440.785
6-Hải Lăng	8.212.094,67	144.036.579.726	8.655.036,09	157.844.895.328
7-Hồng Ngự	9.315.045,38	163.082.963.000	8.463.780,36	152.918.847.000
8-Lũ Mê Công	3.838.115,15	67.422.375.000	3.785.230,54	68.160.983.492
9-Mỹ Á	3.670.283,81	64.145.586.295	3.702.184,35	66.223.444.000
10-Phú Hải	1.537.992,16	27.007.847.000	1.379.353,74	25.039.230.000
11-Đường sắt B-N	8.117.643,94	141.869.076.919	7.936.867,08	138.657.289.334
12 Vực Mầu	6.130.345,05	101.340.669.397	6.105.958,05	106.742.813.000
13-P.Lg.Nhượng	162.480,12	3.049.441.000	191.010,18	3.581.441.000
14-CPO	167.465,53	2.794.607.940	227.210,83	4.078.584.412
<b>CỘNG:</b>	<b>59.763.174,04</b>	<b>1.037.728.903.820</b>	<b>58.622.134,61</b>	<b>1.053.627.221.356</b>

Nguồn: Chuyên gia tư vấn giám sát và đánh giá, CPO

Ghi chú: số liệu trong Bảng 2.18 sẽ được cập nhật đến ngày 31/12/2011

### 2.3.7.2-Hợp phần 2: Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng

**Bảng 2.20. Ngân sách và thực hiện Hợp phần 2**

Giai đoạn thực hiện	Nguồn tài trợ	Vốn phân bổ (triệu USD)	Quy mô thực hiện		Bình quân (USD/xã)	Thời gian kết thúc
			Số xã	Số tỉnh		
Giai đoạn I	JSDF	1,46	10	3	146.000	3/2009
Giai đoạn II	NTF	3,30	20	7	165.000	1/2010
<b>CỘNG:</b>		<b>4,76</b>	<b>30</b>	<b>10</b>		

*Nguồn: Báo cáo của PPMUs các tỉnh tham gia Hợp phần 2*

*Community-based disaster risk management, End of Project report, JSDF, March 31,2009*

### 2.3.7.3-Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai

a)- Đầu tư thuộc Hợp phần 3: Cơ quan điều phối dự án thuộc Bộ Tài chính đã hoàn thành chương trình đầu tư cho Hợp phần 3 với vốn đầu tư 16,89 triệu USD nhằm hỗ trợ tái thiết sau cơn bão Xangsene năm 2006 và cơn bão Likema năm 2007 thuộc địa bàn 8 tỉnh miền Trung với tổng số 165 tiểu dự án. Số tiền còn lại 3,75 triệu USD được phân bổ cho tỉnh Quảng Nam hỗ trợ tái thiết sau bão Lekima. Các hoạt động xây dựng thuộc Hợp phần 3 được đánh giá là thực hiện một cách tốt đẹp, giải ngân đạt 100 (16,89 triệu USD+3,75 triệu USD=20,64 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 9/2009.

b)-Hoạt động tăng cường năng lực thuộc Hợp phần 3: Cơ quan điều phối dự án của Bộ Tài chính chỉ giải ngân 16% của 590.000 USD được phân bổ thuộc vốn tài trợ không hoàn lại của PHRD.

**Bảng 2.21. Phân loại các Tiểu dự án thuộc Hợp phần 3**

Phân bổ theo tỉnh, thành phố	Số TDA	Phân bổ theo loại công trình	Số TDA
1-Quảng Nam	67	1-Trường học	56
2-T.P. Đà Nẵng	20	2-Cơ sở y tế	17
3-T.P.Huế	20	3-Công trình Giao thông	42
4-Quảng Bình	10	4-Công trình Thủy lợi	50
5-Hà Tĩnh	9		
6-Nghệ An	7		
7-Thanh Hoá	15		
8-Ninh Bình	17		
<b>CỘNG:</b>	<b>165</b>	<b>CỘNG:</b>	<b>165</b>

*Nguồn: Báo cáo tiến độ Quý I/2010, Dịch vụ tư vấn giám sát các hoạt động hỗ trợ tái thiết Sau thiên tai (Hợp phần 3), Công ty tư vấn MONACO*

**Bảng 2.22: Phân bổ kinh phí và giải ngân Hợp phần 3 (đ/v: Tỷ VNĐ)**

Phân bổ vốn và giải ngân	Luỹ kế giải ngân đến 31-12-2009	Giải ngân Quý I-2010	Luỹ kế giải ngân đến 31-3-2010
I-Vốn phân bổ HP3			320
II-Vốn cấp phát từ HP3	317,532		317,532
III-Đã giải ngân	293,212	22,666	315,878
i)-Từ nguồn vốn HP3	288,079	22,666	310,745
ii)-Từ vốn của tỉnh	5,133		5,133
IV-Còn lại thuộc vốn HP3	29,453	6,787	6,787
i)-Tại PPMUs			
ii)-Tại Kho bạc NN	29,474	6,787	6,787
V-Số tiền cần được cấp bổ sung từ HP3			2,468

Nguồn: Công ty MONACO, Báo cáo giám sát Quý I/2010-HP3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai.

### **2.3.7.4-Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế**

**Bảng 2.23: Phân bổ vốn, luỹ kế giải ngân đến hết năm 2010 và dự kiến kế hoạch giải ngân năm 2011 của Hợp phần 4 (đ/v: triệu VNĐ)**

Các hoạt động chính	Phân bổ vốn NTF, PHRD, IDA	Luỹ kế giải ngân đến hết 2010	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kế hoạch giải ngân năm 2011		
				Quý I	Quý II	Quý III
1-Chuyên gia TV quốc tế	4.343,704	4.343,712	100%	0	0	0
2-Công ty TV quốc tế	55.614,862	33.882,854	61%	8.550,0	9.751,427	3.430,583
3-Chuyên gia TV trong nước	8.723,964	6.687,276	77%	1.342,273	396,093	298,281
4-Công ty TV trong nước	18.088,608	10.638,546	59%	2.092,071	2.394,0	2.964,0
5-Đào tạo trong nước	7.156,787	5.520,358	77%	408,766	285,0	942,666
6-Đào tạo nước ngoài	13.447,098	2.650,339	20%	798,0	6.042,0	3.956,75
7-Thiết bị	31.114,077	4.606,426	15%	2.073,66	1.501,0	22.933,0
8-Quản lý DA	9.710,90	7.062,0	73%	2.545,294	57,0	46,607
<b>Cộng (triệu VNĐ)</b>	<b>148.200,0</b>	<b>75.391,511</b>	<b>50,9%</b>	<b>17.810,067</b>	<b>20.426,520</b>	<b>34.541,887</b>
<b>Cộng (USD)</b>	<b>7.800.000</b>	<b>3.967.974</b>	<b>50,9%</b>	<b>937.372</b>	<b>1.075.080</b>	<b>1.819.573</b>

Nguồn: Nguyễn Thu Quế, Điều phối viên Giám sát và đánh giá, CPO

Ghi chú: Tỷ giá bình quân 19.000 VNĐ / 1 USD

Luỹ tích giải ngân đến hết tháng 12/2010: đạt tỷ lệ 50,9% : là quá thấp.

Thiết bị: giải ngân mới chỉ đạt được 15%: là quá chậm

Đào tạo trong nước: giải ngân mới đạt 20%: cũng bị chậm.

Số liệu trong Bảng 2.22 sẽ được cập nhật đến 31/12/2011

### 2.3.8-Chi phí và giải ngân toàn dự án

**Bảng 2.24. Kết quả giải ngân toàn dự án**

Hợp phần	Phân bổ vốn (triệu USD)	Giải ngân		Tỷ lệ đã giải ngân (%)	Vốn còn lại Chưa giải ngân (%)	Ghi chú: cập nhật đến
		(USD)	(tỷ VNĐ)			
HP1	74,20	58.622.134	1.053,627	79%	21%	đến 28/2/2011
HP2	4,96	4.760.000		96%	4%	đến tháng 1/2010
HP3	20,04	20.040.000	(320)	100%		đến 31/3/2010
HP4	11,30	3.967.974	(75,391)	35,1%	64,9%	đến 31/12/2010
<b>CỘNG:</b>	<b>110,50</b>	<b>87.390.108</b>		<b>79%</b>	<b>21%</b>	

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu giải ngân của 4 Hợp phần, do đó có sự khác nhau về thời điểm cập nhật*

*Ghi chú: Các số liệu trong Bảng 2.24 sẽ được cập nhật đến kết thúc dự án kéo dài là ngày 30/6/2011*

#### Nhận xét:

- Với Hợp phần 1: Tính đến 28 tháng 2/2011, tỷ lệ giải ngân đạt 79%, còn lại chưa giải ngân chiếm 21%, bằng 1/5 tổng vốn phân bổ của HP1; tại thời điểm cập nhật còn 4 tháng, vì vậy hoàn thành Hợp phần 1 là rất khó khăn, trong đó trọng tâm nhất vẫn là TDA tăng cường khả năng dự báo, cảnh báo lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long do Đài Khí tượng-Thủy văn Nam Bộ (Bộ TN&MT) làm chủ dự án.

- Với Hợp phần 4: Tính đến 31/12/2010, tỷ lệ giải ngân đạt 35,1%, còn lại chưa giải ngân chiếm 64,9%, gần bằng 2/3 tổng số vốn phân bổ của HP4; tại thời điểm cập nhật còn 6 tháng, vì vậy việc hoàn thành HP4 là rất khó khăn, đòi hỏi cả 2 yếu tố: tiến độ thực hiện phải nhanh và tốc độ giải ngân cũng phải rất nhanh mới kịp hoàn thành đúng 30/6/2011.

### 2.4-Tuyển chọn tư vấn và mua sắm

#### 2.4.1-Quy định chung:

Hoạt động đấu thầu mua sắm trong dự án QLRRTT (WB4) được thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn của WB gồm: “Đấu thầu mua sắm trong khuôn khổ các khoản vay IBRD và các khoản tín dụng IDA” (5/2004) và “Tuyển chọn và thuê tư vấn bởi các Bên vay WB” (5/2004) cùng với các quy định nêu trong Hiệp định pháp lý. Đối với mỗi hợp đồng được Khoản tín dụng tài trợ, các phương pháp đấu thầu mua sắm và tuyển chọn tư vấn, các chi phí ước tính và các yêu cầu khác...cần được xét duyệt trước với khung thời gian thực hiện sẽ được Bên Vay và WB thống nhất trong Kế hoạch đấu thầu của toàn dự án. Kế hoạch đấu thầu được cập nhật hàng năm hoặc khi cần thiết.

## 2.4.2-Quy định đấu thầu công trình xây lắp và mua sắm hàng hoá

**Bảng 2.25: Quy định đấu thầu công trình xây lắp và mua sắm hàng hoá**

Mục đích đấu thầu	Hình thức đấu thầu			
	Cạnh tranh quốc tế (ICB)	Cạnh tranh trong nước (NCB)	Chào hàng cạnh tranh (Shopping)	Giao thầu trực tiếp (DC) và sử dụng lực lượng tại chỗ (Force Account)
1-Đấu thầu công trình xây lắp	-Giá trị gói thầu: > 2 triệu USD và < 10 triệu USD sử dụng Hồ sơ thầu chuẩn mực của WB;  -Với giá trị gói thầu > 10 triệu USD, sẽ thực hiện sơ tuyển và Hồ sơ sơ tuyển nhà thầu chuẩn mực và Hồ sơ đấu thầu chuẩn mực.	-Giá trị gói thầu từ 30.000 USD - đến 2 triệu USD; -cơ sở hạ tầng công cộng quy mô nhỏ, giá trị nhỏ, phân tán -Sử dụng Hồ sơ đấu thầu chuẩn mực NCB trong đấu thầu xây lắp.	-Công trình quy mô rất nhỏ, giá trị gói thầu < 30.000 USD	-Công trình tái thiết các cơ sở hạ tầng công cộng (HP3), và được WB đồng ý trước. Được thuê thực hiện thông qua: i- Giao thầu trực tiếp (DC) cho các nhà thầu tư nhân đủ tiêu chuẩn; ii-Lực lượng tại chỗ, gồm cả các doanh nghiệp nhà nước.
2-Đấu thầu mua sắm hàng hoá	Hợp đồng hàng hoá có giá trị > 150.000 USD	Hợp đồng hàng hoá từ 30.000 USD-đến 150.000 USD	Hợp đồng hàng hoá < 30.000 USD	Hàng hoá và thiết bị ứng phó với thiên tai khẩn cấp thuộc HP3, được sự chấp thuận trước của WB.

Nguồn: Phụ lục 8: Quy định đấu thầu thuộc dự án QLRRTT, Hồ sơ thẩm định dự án (PAD), 24/6/2005, WB

## 2.4.3-Quy định đấu thầu tuyển chọn tư vấn

**Bảng 2.26. Quy định đấu thầu tuyển chọn tư vấn**

Những căn cứ đấu thầu tuyển chọn Tư vấn	Dịch vụ đấu thầu tư vấn
1-Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở Chi phí và Chất lượng (QCBS)	Các dịch vụ quan trọng như: Lập Báo cáo khả thi, thiết kế kỹ thuật chi tiết, quản lý hợp đồng và giám sát thi công...có giá trị > 100.000 USD; Sử dụng Mẫu Hồ sơ mời thầu chuẩn mực (RFP) của WB.
2-Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở Chất lượng (QBS)	Các dịch vụ tư vấn giám sát dự án, tăng cường năng lực để đáp ứng các yêu cầu nêu tại Mục 3.2 của Sổ tay hướng dẫn tuyển chọn tư vấn.
3-Tuyển chọn tư vấn theo Trình độ năng lực (CQ)	Các dịch vụ chủ yếu do các công ty tư vấn trong nước cung cấp, để giám sát môi trường và xã



	trợ kỹ thuật và đào tạo, có giá trị < 100.000 USD
4-Tuyển chọn tư vấn theo giá chào thấp nhất (LCS)	Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho các công trình xây lắp đơn giản và kiểm toán tài chính.
5-Tuyển chọn chuyên gia tư vấn cá nhân (IC)	Đối với các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn quản lý dự án, đáp ứng các yêu cầu nêu trong Mục V, đoạn 5.1 của Sổ tay hướng dẫn thuê tư vấn.

*Nguồn: Phụ lục 8: Quy định đấu thầu thuộc dự án QLRRTT, Hồ sơ thẩm định dự án (PAD), 24/6/2005, WB*

## **2.5-Việc thực thi của các tư vấn, nhà thầu, nhà cung cấp**

### **2.5.1-Việc thực thi của tư vấn**

Trong quá trình thực hiện dự án QLRRTT-WB4, nhờ tổ chức đấu thầu đúng luật, các tư vấn được chọn nói chung đạt được trình độ theo yêu cầu của dự án. Ví dụ ở Hợp phần 1, với 11 TDA công trình và 1 TDA phi công trình, các công ty tư vấn thiết kế được chọn thực hiện các Nghiên cứu khả thi (F/S) đều có đủ tư cách pháp nhân, có trình độ tay nghề khá, phát huy được thế mạnh chuyên ngành (thủy lợi thiết kế trạm bơm, hồ chứa, kè bảo vệ bờ..., giao thông cảng-đường thủy thiết kế các cảng tránh trú bão...). Tuy nhiên trong số 12 F/S của 12 TDA, hầu hết các công ty tư vấn thiết kế không theo mẫu thiết kế F/S của WB, chỉ có duy nhất TDA chôn lũ cho vùng trũng Hải Lăng (Quảng Trị) làm đúng mẫu của WB gồm 10 chương, là kết quả của Công ty tư vấn và chuyển giao công nghệ trường Đại học Thủy lợi Hà Nội. Đây là một yếu điểm của tư vấn thiết kế trong nước. Về tư vấn giám sát HP3 (Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai, có 165 TDA thuộc 8 tỉnh), là công ty tư vấn MONACO, trình độ chuyên nghiệp và bài bản, đáng tin cậy. Về tư vấn giám sát môi trường có Công ty phát triển hạ tầng Thăng Long INFRA-Thanglong &RAMBOLL Nature AB, cũng là một tư vấn điển hình về lĩnh vực môi trường. Ngào ra có thể kể đến Công ty cổ phần đầu tư phát triển tài nguyên và môi trường (REEN.JSC), tham gia dịch vụ tư vấn giám sát và đánh giá (M&E) dự án QLRRTT, các kết quả nhìn chung đáp ứng được yêu cầu của dự án.

Đặc biệt ở HP4 (Quản lý dự án và tăng cường thể chế), hầu hết các hợp đồng thuộc hợp phần này đều là hợp đồng tư vấn, gồm 8 lĩnh vực: i)-Tư vấn cá nhân quốc tế (6 gói thầu); ii)-Công ty tư vấn quốc tế (7 gói thầu); iii)-Tư vấn cá nhân trong nước (23 gói thầu); iv)-Công ty tư vấn trong nước (9 gói thầu); v)- Đào tạo trong nước(21 gói thầu); vi)- Đào tạo nước ngoài (8 gói thầu); vii)-Thiết bị (8 gói thầu), và viii)-Quản lý dự án (3 gói thầu), với tổng số 85 gói thầu và tổng dự toán 148.200 triệu VNĐ (tương đương 7.800.000 USD, tỷ giá trung bình 19.000 VNĐ/1USD). Đánh giá chung các hợp đồng tư vấn của HP4 là tốt, trong số 85 gói thầu, chỉ có 1 gói thầu phải chấm dứt hợp đồng vì lý do sức khỏe, 1 gói thầu phải chấm dứt hợp đồng vì không có giấy phép bay của Bộ Quốc phòng, và 1 gói thầu phải chấm dứt hợp đồng vì không hoàn thành đúng hạn. Tỷ lệ phải huỷ hợp đồng là khá nhỏ.

### **2.5.2-Việc thực thi của nhà thầu xây lắp:**

+Hợp phần 1 có 11 TDA công trình, tổ chức đấu thầu thi công xây lắp, đến nay chỉ còn TDA đê biển Ba Tri (Bến Tre) bị chậm tiến độ, một số dự

số hạng mục công trình phụ, còn hầu hết đã hoàn thành xây lắp. Mỗi TDA lại chia ra gồm nhiều gói thầu xây lắp và huy động nhiều nhà thầu cùng thi công. Yếu điểm đáng kể nhất của nhà thầu xây lắp 11 TDA này là thiết bị thi công cũ, công suất yếu, năng lực tài chính yếu. Những điểm yếu này thường làm chậm tiến độ thi công.

+Hợp phần 3 có 165 TDA, trong đó gồm 56 trường học, 17 trạm y tế, 42 công trình giao thông và 50 công trình thủy lợi. Đây là các công trình công cộng hoặc các cơ sở hạ tầng có quy mô nhỏ bị phá hủy do 2 cơn bão Xangsane và Lekima. Các nhà thầu đã huy động nhân lực và máy móc thi công, đáp ứng yêu cầu khẩn cấp cứu trợ sau thiên tai, khôi phục đời sống nhân dân vùng có bão.

### **2.5.3-Nhà cung cấp thiết bị:**

+Hợp phần 4: các gói thầu cung cấp thiết bị văn phòng cho văn phòng dự án, văn phòng Tổng cục Thủy lợi (Bộ NN&PTNT), xe chuyên dùng cho Ủy ban phòng chống lụt bão Trung ương, Cục phòng chống lụt bão và quản lý đê điều.

+Hợp phần 3: là hợp phần tái thiết sau thiên tai, ngoài kinh phí tài trợ hầu hết giành cho khôi phục 165 công trình, phần nhỏ còn lại giành cho trang bị an toàn và cứu sinh, như thuyền, áo phao, đèn pin, máy nổ v.v....

## **2.6-Việc thực thi của Bên Vay và của cơ quan giám sát**

### **2.6.1-Cơ quan điều phối dự án**

Có hai cơ quan làm nhiệm vụ điều phối dự án:

i)-Ủy ban phòng chống lụt bão Trung ương (CCFSC) do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban, có nhiệm vụ:

+Hướng dẫn về mặt kỹ thuật, chính sách và chiến lược tổng thể để hỗ trợ thực hiện Dự án sao cho thống nhất và phù hợp với Chiến lược quốc gia lần thứ 2 và Kế hoạch hành động của Chính phủ về Quản lý giảm nhẹ thiên tai.

+Điều phối tổng thể các cơ quan của Chính phủ trong việc thúc đẩy thực hiện Dự án đúng như thiết kế. Các hoạt động điều phối bao gồm: lập kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai liên ngành, huy động các nguồn lực cần thiết để chuẩn bị các đề án đầu tư, phổ biến thông tin về Dự án, về chất lượng các hoạt động đào tạo vì lợi ích quản lý rủi ro thiên tai...

ii)-Ban chỉ đạo Dự án cấp cao (PSC) do Bộ trưởng hoặc một Thứ trưởng Bộ NN&PTNT làm Trưởng ban với các thành viên gồm đại diện các Bộ, ngành liên quan: Văn phòng Chính phủ, các Bộ NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT, GT-VT, Tài chính, Y tế, GD-ĐT, Ngân hàng NNVN...

+PSC chịu trách nhiệm về quản lý rủi ro nói chung và theo dõi quá trình thực hiện toàn bộ Dự án nói riêng.

+PSC họp định kỳ 6 tháng một lần và trong một số trường hợp cụ thể đánh giá tiến độ thực hiện dự án và đưa ra các phương án giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

### **2.6.2-Cơ quan điều hành dự án:**

Có hai cơ quan điều hành Dự án:

i)-Cơ quan điều hành thứ Nhất: Bộ NN&PTNT, là cơ quan điều hành các Hợp phần 1, 2 và 4 của Dự án. Bộ đã giao nhiệm vụ quản lý dự án QLRRTT cho Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) và Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều (DDMSFC) chịu trách nhiệm thẩm định kỹ thuật, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện toàn bộ Dự án.

ii)-Cơ quan điều hành thứ Hai: Bộ Tài chính, thông qua Vụ Ngân sách và Kho bạc Nhà nước, là các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện Hợp phần 3 của dự án QLRRTT.

## **2.7-Việc thực thi của các cơ quan Quản lý thực hiện dự án**

### **2.7.1-Cơ quan quản lý dự án cấp Trung ương: có hai cơ quan:**

a)-Ban Quản lý dự án Trung ương (CPMO): Để quản lý trực tiếp toàn bộ các hoạt động thực hiện dự án QLRRTT từ khởi đầu đến kết thúc, Bộ NN&PTNT đã thành lập CPMO do một Phó Giám đốc CPO làm Trưởng ban, chịu trách nhiệm điều phối và thực hiện dự án. CPMO chịu trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động và lập dự toán ngân sách thực hiện toàn bộ dự án, phối hợp với các Bộ, ngành khác có liên quan, vận hành Tài khoản đặc biệt (SA), lập báo cáo tổng hợp hằng Quý về công tác quản lý dự án (PMR), và theo dõi việc thực hiện tái định cư, các biện pháp an toàn về môi trường và xã hội.

*Về nhân sự và tổ chức của CPMO:* Đối với Bộ NN&PTNT, Trưởng ban CPMO là Giám đốc dự án, được hỗ trợ bởi 3 cán bộ phụ trách chương trình theo dõi 3 Hợp phần (HP1: Đầu tư phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai; HP2: Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng; HP4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế), một kế toán trưởng, một chuyên gia cao cấp về đấu thầu mua sắm, một điều phối viên cho lĩnh vực đào tạo và một chuyên gia về giám sát và đánh giá thực hiện dự án (M&E).

Đối với Bộ Tài chính: Chỉ định một cán bộ phụ trách chương trình Hợp phần 3 (Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai) và đặt trong Kho bạc Nhà nước.

Một số chuyên gia kỹ thuật trong nước và quốc tế và nhân viên hành chính được thuê theo hợp đồng ngắn hạn để hỗ trợ cho Giám đốc dự án và các cán bộ phụ trách chương trình và hỗ trợ công tác quản lý dự án.

b)-Ban điều phối dự án Trung ương (CPCO): Quản lý và điều phối các Tiểu dự án không thuộc Bộ NN&PTNT, các TDA này thuộc trách nhiệm quản lý của những Bộ, ngành có liên quan, ví dụ: i)- Đối với TDA theo dõi và cảnh báo lũ Đồng bằng sông Cửu Long: Bộ TN&MT phân cấp quản lý dự án cho Đài Khí tượng-Thủy văn Nam Bộ. ii)- Đối với TDA Hệ thống thoát nước đường sắt Bắc-Nam (đoạn miền Trung), Bộ GT-VT chỉ định Ban quản lý đường sắt quản lý thực hiện...

### **2.7.2-Cơ quan quản lý thực hiện dự án cấp Tỉnh: gồm hai cơ quan:**

a)-Ban quản lý dự án Tỉnh (PPMUs):

Theo quyết định của UBND các tỉnh tham gia dự án, các Ban quản lý dự án Tỉnh (PPMUs) được thành lập, chịu trách nhiệm toàn bộ việc thực hiện dự án QLRRTT thuộc tỉnh. Trong trường hợp các hoạt động dự án có liên quan đến các tỉnh khác, PPMUs được đặt dưới sự điều hành trực tiếp của UBND tỉnh.

*Về nhân sự và tổ chức của PPMUs:* gồm một Giám đốc và một số cán bộ chủ chốt phụ trách chuyên ngành liên quan, một cán bộ chuyên trách về đấu thầu và mua sắm thiết bị, một kế toán, một cán bộ phụ trách kế hoạch dự án. Nhằm tránh sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức và để đảm bảo tính bền vững về thể chế, PPMUs hỗ trợ Ban phòng chống lụt bão cấp tỉnh (PCFSC)-được coi là cơ quan đóng vai trò của Ban chỉ đạo dự án cấp tỉnh (PPSC).

Sở NN&PTNT đóng vai trò là cơ quan thường trực của Ban phòng chống lụt bão tỉnh (PCFSC); Sở KH-ĐT đóng vai trò là cơ quan tư vấn lập kế hoạch dự án thuộc tỉnh. Đây là những cơ quan đóng vai trò chủ chốt hỗ trợ PPMUs lựa chọn và thực hiện các TDA đầu tư của Tỉnh trong khuôn khổ dự án QLRRTT.

b)-Ban chỉ đạo dự án Tỉnh (PPSC) thuộc Ban phòng chống lụt bão Tỉnh:

PPSC hỗ trợ thực hiện tất cả các hợp phần dự án thông qua việc hướng dẫn công tác giảm nhẹ thiên tai của tỉnh, đảm bảo nguồn vốn đối ứng thực hiện dự án, đề xuất đối thoại về đền bù đất đai, tái định cư, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan hỗ trợ thực hiện các TDA của Tỉnh.

### **2.7.3-Giám sát và đánh giá dự án (M&E):**

Trong quá trình thực hiện dự án QLRRTT, các hoạt động giám sát và đánh giá dự án có tầm quan trọng đặc biệt và được Bên Vay triển khai thực hiện khá tốt.

+Tầm quan trọng của việc giám sát và đánh giá dự án: Điều quan trọng là Bên vay phải có khả năng đánh giá xem liệu dự án QLRRTT có khả năng tác động đến năng lực quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam hay không? Điều quan trọng không kém là khả năng, đặc biệt là khâu phân tích cuối cùng, có thể đáng giá được là liệu dự án trên thực tế có đem lại những ảnh hưởng lớn và rõ rệt đối với năng lực của quốc gia về quản lý rủi ro thiên tai một cách có hiệu quả không? Vì nếu không có các hoạt động giám sát và đánh giá, sẽ không đưa ra được một đánh giá xác thực nào về các vấn đề nêu trên. Việc xây dựng các tiêu chuẩn cơ bản và các chỉ số mong đợi có thể xem như là một định hướng có giá trị trong các hoạt động thực hiện dự án. Các hoạt động giám sát và đánh giá dự án bao gồm: i)-Giám sát và đánh giá trong khuôn khổ trách nhiệm của CPMO là cơ quan nhận được sự hỗ trợ từ Trung tâm quản lý thiên tai (DMC); và ii)- Các hoạt động tăng cường thể chế nhằm nâng cao năng lực quản lý.

+Nội dung việc giám sát và đánh giá dự án:

-Quá trình thực hiện dự án sẽ chịu sự giám sát ở mọi cấp từ Trung ương đến cấp xã. Việc giám sát và đánh giá toàn dự án thuộc trách nhiệm của CPMO, là cơ quan có sự hỗ trợ của Trung tâm quản lý thiên tai DMC.

-Tại cấp TDA: PPMUs tại các tỉnh có nhiệm vụ giám sát, theo dõi các hoạt động tại cấp địa phương, tỉnh và cộng đồng, cũng như các hoạt động của các Bộ, ngành liên quan. Hệ thống thông tin hiện có được xây dựng cho Ban phòng chống lụt bão Trung ương (CCFSC) và các Ban PCLB trực thuộc tỉnh và huyện đóng vai trò là cầu nối cung cấp thông tin. Nói chung, CPMO có nhiệm vụ thu thập thông tin từ các Ban quản lý dự án tỉnh (PPMUs) và UBND tỉnh, huyện và xã.

+Những hoạt động dự kiến đã được thực hiện nhằm hỗ trợ giám sát và đánh giá việc thực hiện dự án QLRRTT:

- a)-Xây dựng các tiêu chuẩn cơ bản đánh giá kết quả thực hiện dự án ở các cấp quản lý;
- b)-Đánh giá định kỳ các TDA so với kết quả được báo cáo;
- c)-Hỗ trợ kỹ thuật trong việc giám sát và đánh giá các quyết định đầu tư, đấu thầu và trao hợp đồng;
- d)-Thực hiện các nghiên cứu sâu hơn mang tính chiến lược về năng lực quản lý rủi ro thiên tai của quốc gia trong các lĩnh vực tái thiết, tài trợ và chia sẻ rủi ro, lập mô hình dài hạn xem xét mức độ tổn thương và rủi ro quốc gia;
- e)-Kiểm toán tài chính và lập báo cáo.

+Vai trò của các tổ chức tại địa phương trong việc giám sát và đánh giá thực hiện dự án:

Các tổ chức tại địa phương đóng vai trò quan trọng trong công tác giám sát và đánh giá dự án, điều này phù hợp với cơ chế tham gia của cộng đồng và phương thức thực hiện từ cấp cơ sở của Hợp phần 2. Vai trò quan trọng này sẽ được chính thức hoá và được kết nối thông qua các Kế hoạch xã an toàn hơn (SCPs) và thông qua sự tham gia của các xã cũng như các tổ chức tại địa phương trong quá trình thực hiện dự án sau này và kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm.

#### ***2.7.4-Những hoạt động về nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai:***

Các cấp tham gia dự án QLRRTT của Việt Nam, đặc biệt là CPMO và các Ban quản lý dự án của các tỉnh (PPMUs), nội dung tăng cường năng lực về quản lý rủi ro thiên tai luôn được coi trọng và thực hiện đầy đủ.

+Nội dung công tác nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai gồm: Kiến thức và những hiểu biết cơ bản về giám sát các điều kiện thời tiết, mưa, dòng chảy; mối quan hệ giữa biện pháp công trình và phi công trình; áp dụng mô hình kỹ thuật số với hệ thống cơ sở dữ liệu GIS cho mục đích giảm nhẹ thiên tai; đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng tránh và quản lý rủi ro thiên tai...

+Các hoạt động được dự án hỗ trợ đã góp phần tăng cường khả năng ứng phó và quản lý rủi ro, nâng cao chất lượng giám sát và đánh giá (M&E) thực hiện dự án bao gồm:

- a)-Xây dựng các chuẩn quốc gia và chương trình đào tạo để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về rủi ro thiên tai và lập mô hình tổn thất gắn với rủi ro.
- b)-Xây dựng hệ thống tham chiếu đo đạc không gian quốc gia, trạm thu nhận sóng vệ tinh từ xa, quan trắc thám không và DEM phục vụ cho quản lý rủi ro.
- c)-GIS chi tiết, DEM và năng lực lập mô hình thủy lực và mô hình thủy động lực để dự báo lũ sông và bão ven biển tại hai khu vực chính thường xảy ra thiên tai.
- d)-Xây dựng và nâng cao năng lực dự báo và theo dõi khí tượng-thủy văn tại các khu vực này thông qua đào tạo, mua sắm và lắp đặt, chuyển giao kỹ thuật dự báo lũ Đồng bằng sông Cửu Long.

e)-Xây dựng và thực hiện các chương trình phối hợp giữa nhiều cơ quan chức năng, có sự tham gia của các Bộ, ngành liên quan.

## **2.8-Phân tích kinh tế dự án Hợp phần 1**

### **2.8.1 Tổng quan chung về các dự án**

a) Phần này tập trung phân tích kinh tế của các dự án thuộc Hợp phần I. Đó là các dự án đầu tư nâng cấp các công trình đã xuống cấp và xây mới 5 cảng biển tránh trú bão tại 12 tỉnh (xem Bảng 2.27).

b) Mục tiêu chung của các dự án là:

- Đảm bảo sau khi xây dựng xong vận hành tốt, đóng góp vào quá trình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trong vùng được hưởng lợi;
  - Giảm thiệt hại về cơ sở vật chất cũng như tài sản của người dân trong vùng bị ảnh hưởng hàng năm;
  - Tạo điều kiện và tiền đề phát triển kinh tế trong vùng, đồng thời góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân trong thời gian tới;
- Cải tạo và nâng cao cơ sở hạ tầng kỹ thuật kinh tế, xã hội nhằm tạo sự phát triển bền vững trong vùng. Tạo điều kiện để bảo vệ đất sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng đất, cũng như góp phần bảo vệ môi trường.

**Bảng 2.27: Tổng quan các tiểu dự án và đánh giá chung**

TT	Tên của tiểu dự án	Tỉnh	Đánh giá chung				
			Phù h	Hì	Năng l	Bền vững	Tác đ
1	Nâng cấp sửa chữa Hồ Vực Mầu	Nghệ An	=	>			
2	Hệ thống tiêu úng Cầu Khai	Thanh Hoá	=	=			
3	Chống xói lở bờ sông Tiền	Đồng Tháp	=	=			
4	Đê biển Ba Tri	Bến tre	=	=			
5	Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng	Quảng Trị	=	=			
6	Cảng tránh trú bão Cửa Sót	Hà Tĩnh	=	=			
7	Cảng tránh trú bão Cửa Gianh	Quảng Bình	=	=			
8	Cảng tránh trú bão Phú Hải	Thừa Thiên Huế	=	=			
9	Cảng tránh trú bão An Hoà	Quảng Nam	=	=			
10	Cảng tránh trú bão Mỹ Á	Quảng Ngãi	=	=			
11	Hệ thống tiêu thoát nước đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh	Toàn tuyến Bắc - Nam	=	=			
12	Tăng cường năng lực cảnh báo lũ và giám sát lũ lụt - khu vực đồng bằng Sông Cửu Long	ĐBSCL	=	=			

**Ghi chú:** Đánh giá chung

- So sánh đánh giá Tỉnh theo cấp “Tăng” >, “Giảm” < và “Không thay đổi đáng kể” =

### 2.8.2 Phân tích kinh tế dự án hậu đầu tư: Mục tiêu và phương pháp

Nội dung nghiên cứu:

- Tuyệt đối: Thay đổi lợi ích & chi phí
- Tương đối: Thay đổi các chỉ tiêu kinh tế
- Phát hiện cần thiết: Nguyên nhân, lý do

Đánh giá trước đầu tư

Đánh giá hậu đầu tư

Thời gian

a) *Đánh giá hậu đầu tư* so với trước đầu tư để thấy sự thay đổi tuyệt đối về lợi ích và chi phí, thay đổi tương đối về các chỉ tiêu kinh tế trong khuôn khổ một CBA. Cuối cùng là phát hiện các nguyên nhân và lý do cho những thay đổi đó. Mục tiêu của đánh giá kinh tế dự án trước và sau đầu tư gồm:

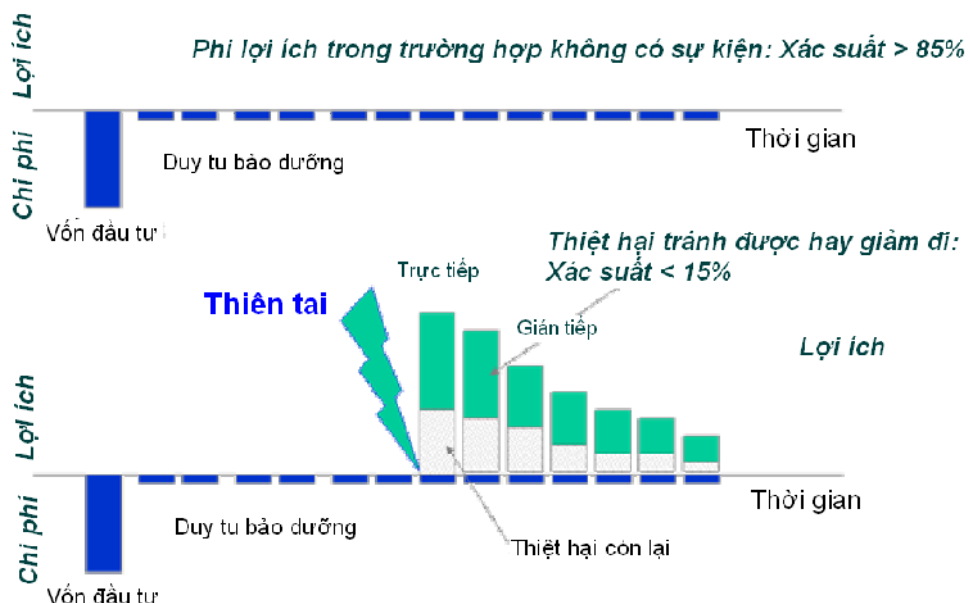
- Đánh giá lại mục tiêu và hiệu quả đầu tư.
- Đề xuất phân cấp quản lý dự án nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của dự án trong quản lý vận hành các công trình giảm nhẹ thiên tai.
- Quản lý và chia sẻ thông tin để nâng cao việc điều phối và nhận thức trong quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Tư vấn cho cơ quan các cấp trong việc xây dựng chính sách và chiến lược trong quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực về quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho cấp tỉnh và cấp trung ương.
- Đề xuất phân bổ nguồn lực và hỗ trợ để đạt được hiệu quả sử dụng nguồn lực trong quản lý thiên tai (gồm việc hỗ trợ xây dựng và tài trợ cho các dự án ưu tiên trong quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai).

b) Phương pháp được áp dụng ở đây gồm:

- Đi khảo sát thực địa để thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp liên quan đến khu vực hưởng lợi của dự án.
- Phỏng vấn theo bảng hỏi với phi/bán cấu trúc; chụp ảnh điển hình.
- Phân tích CBA theo: (i) TCVN 8213:2009 về “Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới, tiêu”; (ii) Hướng dẫn phân tích kinh tế dự án của ADB và (iii) Tài liệu về “Phân tích lợi ích – chi phí của dự án quản lý rủi ro do thiên tai ở các nước đang phát triển” của tổ chức GTZ.
- Các chỉ tiêu đánh giá cơ bản: Các chỉ tiêu kinh tế và tài chính của NPV, IRR, B/C. Lưu ý, trong đánh giá dự án thì các lợi ích không lượng hóa được, lợi ích phi thị trường và lan truyền thì không phải là đối tượng nghiên cứu ở đây.

c) Đây là một dạng loại công trình “Giảm nhẹ / phòng chống thiên tai” hay “Quản lý rủi ro” nên cần lưu ý về dòng tiền mặt tiêu biểu như sau:



d) Đánh giá chung: Trong quá trình đánh giá kinh tế hậu đầu tư của từng dự án thì tập trung vào nghiên cứu các mặt sau:

- *Tính phù hợp*: Về mục tiêu, kế hoạch, phương pháp và chiến lược thực hiện phù hợp với nhu cầu của lĩnh vực GNNT.



- *Hiệu quả*: Dự án GNTT đạt được trong mục tiêu ban đầu và của giai đoạn hiện tại, và giai đoạn tiếp theo về mặt kinh tế, kế hoạch và tiến độ thực hiện của các dự án.
- *Năng lực*: Những kết quả đạt được trong mối tương quan về nguồn lực, thời gian, tài chính và con người.
- *Bền vững*: Những kết quả đạt được hiện tại sẽ tiếp tục đạt được trong giai đoạn hoàn thiện tiếp theo.
- *Tác động*: Đưa ra minh chứng hoặc chỉ số tác động một cách tổng thể của dự án GNTT đến lĩnh vực phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

### 2.8.3 Dự án “Nâng cấp sửa chữa Hồ Vực Máu”

*Tình trạng trước dự án:*

Hồ chứa được xây dựng từ 1978-1986 trên sông Hoàng Mai, có nhiệm vụ tưới cho 4690 ha của 14 xã có tỷ lệ nghèo tương đối cao. Ngoài ra hồ chứa còn cấp nước cho Nhà máy xi măng Hoàng Mai và nước sinh hoạt cho dân vùng hưởng lợi. Nhờ có hồ Vực Máu mà sản xuất nông nghiệp được chủ động, đạt năng suất cao, cải thiện một cách đáng kể đời sống dân trong vùng.

*Đánh giá chung:*

- Có những lợi ích tăng lên rõ rệt so với trước đầu tư như cấp nước sinh hoạt và công nghiệp cũng như nuôi trồng thủy sản.
- Chỉ tiêu đánh giá: Được cải thiện và sẽ duy trì

*Những phát hiện chính:*

- Đơn vị quản lý vận hành Hồ Vực Máu hiện tại do Xí nghiệp thủy lợi thuộc Công ty KTCTTL Bắc Nghệ An
- Cần xây dựng quy trình vận hành hồ và định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình đầu mối.
- Trong tương lai thành lập thị xã Hoàng Mai thì Hồ sẽ phát huy hiệu quả nhiều hơn nữa trong việc cấp nước cho đô thị.

Mục tiêu dự án trước đầu tư	Đạt được sau đầu tư
- Cấp không đều nước tưới cho 3431 ha	- Cấp đều nước tưới cho 3431 ha
- Cấp nước sinh hoạt: 40.000 hộ dân khu đô thị Hoàng Mai và huyện Quỳnh Lưu	- Cấp nước sinh hoạt: 40.000 hộ dân khu đô thị Hoàng Mai và huyện Quỳnh Lưu
- Cấp nước cho công nghiệp 6,8 triệu m <sup>3</sup> /năm	- Cấp nước cho công nghiệp 11,388 tr. m <sup>3</sup> /năm
- Tạo nguồn cho 110 ha nuôi trồng thủy sản	- Nuôi trồng thủy sản lòng hồ và tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản trong khu vực là 400 ha.
- - Cắt giảm lũ cho hạ lưu	- Cắt giảm lũ cho hạ lưu

Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu khi lập dự án		Chỉ tiêu ở thời điểm đánh giá	
	Tài chính	Kinh tế	Tài chính	Kinh tế
NPV (10 <sup>9</sup> VND)	339,125		88,954	
IRR	18,96%		33%	
B/C	4,13		1,884	

#### 2.8.4 Dự án “Hệ thống tiêu úng Cầu Khải”

*Tình trạng trước dự án:*

Đến mùa mưa lũ do hệ thống thoát nước cầu Khải không đáp ứng hết yêu cầu thoát nước tiêu úng nên hàng năm ngập trên 1000 ha lúa. Ngoài ra còn gây ngập úng cơ sở hạ tầng như: nhà cửa, giếng nước ăn, đường giao thông, trường học, trạm xá.

*Đánh giá chung:*

- Dự án có hiệu quả kinh tế rất cao trong năm đầu tiên đưa vào khai thác.
- Dự án hoàn thành làm tiền đề cho các dự án tiếp theo các cấp ngành trong khu vực, ví dụ đầu tư kinh phí nuôi cá, đầu tư thêm trạm bơm và người dân đầu tư thêm nuôi cá.

*Những phát hiện chính:*

- Đơn vị quản lý vận hành là Công ty Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Mã. Điều này là phù hợp với Pháp lệnh khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi giao cho đơn vị chuyên ngành về thủy lợi.
- Song còn 2 xã Yên Phú và Yên Giang (mất trắng khoảng 300 ha) vì 2 xã này không nằm trong vùng tiêu úng của trạm bơm cầu Khải. Tỉnh Thanh Hóa cũng đang đề xuất WB làm trạm bơm Yên Phú để tiêu thoát nước cho 2 xã này. Nếu tiêu không được thì sẽ mất 400 ha lúa + 400 ha màu. Năm 2010 Yên Phú bị mất mùa do cơn bão số 3 (đã có 2 máy bơm đẩy ra trạm bơm Cầu Khải) nhưng không kịp do máy bơm tiêu công suất kém. Ngoài ra còn một số nhà dân bị ngập ở 5 thôn có 13 nhà.
- Tạo tiền đề để huyện nuôi trồng thủy sản, tạo con đường giao thông nội đồng cho người dân thu hoạch lúa. Ngoài ra còn nhiều công trình phụ trợ trên kênh đã được xây dựng.

Mục tiêu dự án trước đầu tư	Đạt được sau đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết tình trạng ngập úng vào mùa mưa lũ cho trên 1000 ha lúa</li> <li>- Giải quyết ngập úng cho cơ sở hạ tầng như: nhà cửa, giếng nước ăn, đường giao thông, trường học, trạm xá.</li> <li>- Việc tiêu nước chủ động góp phần cải tạo đất, tăng năng suất cây trồng, chuyển dịch thời vụ để trồng thêm 1 vụ ngô trên diện tích 400 ha trước đây thường bị ngập úng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm bơm cầu Khải đã đi vào hoạt động tốt và tiêu úng cho hơn 3000 ha lúa ngay năm đầu tiên hoạt động</li> <li>- Trong quá trình nạo vét làm sâu đáy kênh nên trữ lượng nước nhiều hơn. Vì vậy trạm bơm tưới Định Tăng và Yên Lạc trước đây chỉ hoạt động được 3 ngày nay đã hoạt động được 7 ngày</li> <li>- Trong vùng còn có 300-400 ha nuôi cá + lúa trước đây và</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh trên phần diện tích 45 ha của vùng Hón Éo.</li> </ul>	<p>hay mất trắng (trung bình ngập 4 năm/lần) nay không còn lụt nữa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm tiền đề để huyện nuôi trồng trên 200 ha (vốn đầu tư 20 tỷ đồng) thủy sản, tạo con đường giao thông nội đồng cho người dân thu hoạch lúa. Ngoài ra còn rất nhiều công trình phụ trợ trên kênh đã được xây dựng.</li> </ul>
--	--

Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu khi lập dự án		Chỉ tiêu ở thời điểm đánh giá	
	Tài chính	Kinh tế	Tài chính	Kinh tế
NPV (10 <sup>9</sup> VND)				
IRR				
B/C				

### 2.8.5 Dự án “Chống xói lở bờ sông Tiền”

*Tình trạng trước dự án:*

Huyện Hồng ngự nằm ở phía bắc tỉnh Đồng Tháp, là huyện đầu nguồn sông Tiền với đặc thù 6 tháng chống hạn hán, 6 tháng chống mưa lũ. Hàng năm phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề do thiên tai xảy ra, nhất là vấn đề sạt lở đất ven bờ sông Tiền. Vào mùa lũ với sức nước chảy từ thượng nguồn về rất mạnh, hiện tượng sạt lở đất thường xuyên xảy ra ở các xã Long khánh A, Long Thuận, Phú Thuận A, Phú Thuận B và Thường Lạc thị trấn Hồng ngự với tổng chiều dài 10000 m, sâu 2-3 m. Hàng năm diện tích mất đi khoảng 50000 m<sup>2</sup>, hàng trăm hộ dân bị ảnh hưởng phải di dời đến nơi an toàn, ước thiệt hại hàng tỉ đồng. Riêng tại địa phương thị trấn Hồng Ngự (nay là phường An Thạnh), đã xảy ra sạt lở nghiêm trọng vào năm 1992 và năm 2001 tại khu vực gói thầu xây lắp số 3.

*Đánh giá chung:*

- Dự án có hiệu quả kinh tế.
- Dự án hoàn thành làm tiền đề cho các dự án tiếp theo các cấp ngành trong khu vực, ví dụ đầu tư kinh phí nuôi cá, đầu tư thêm trạm bơm và người dân đầu tư thêm nuôi cá.

*Những phát hiện chính:*

Mục tiêu dự án trước đầu tư	Đạt được sau đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp kè để chống sạt lở nghiêm trọng hàng năm</li> <li>- Giảm rủi ro nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân, hàng trăm hộ dân phải di dời đến nơi an toàn</li> <li>- Hàng năm diện tích mất đi khoảng 50000 m<sup>2</sup>, hàng trăm hộ dân bị ảnh hưởng phải di dời đến nơi an toàn, ước thiệt hại hàng tỉ đồng. Riêng tại địa phương thị trấn Hồng Ngự (nay là phường An Thạnh), đã xây ra sạt lở nghiêm trọng vào năm 1992 và năm 2001 tại khu vực gói thầu xây lắp số 3.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kè xây dựng xong đã đem lại hiệu quả rất lớn cho vùng hưởng lợi, đảm bảo an toàn cho người dân sống dọc theo hai bên bờ sông.</li> <li>- Không gây xói lở, giảm thiệt hại rất lớn về người và của cho nhân dân trong vùng</li> <li>- Tạo cảnh quan đẹp cho thị trấn Hồng Ngự và tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện vận tải trên sông chạy theo luồng ổn định.</li> </ul>

Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu khi lập dự án		Chỉ tiêu ở thời điểm đánh giá	
	Tài chính	Kinh tế	Tài chính	Kinh tế
NPV (10 <sup>9</sup> VND)				
IRR				
B/C				

### **2.8.6 Dự án “Đê biển Ba Tri”**

*Tình trạng trước dự án:*

Vùng dự án là vùng có cơ cấu thành phần kinh tế khá phong phú và đa dạng. Hoạt động sản xuất có ý nghĩa kinh tế trong vùng là: Nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, cây ăn trái trên đất thổ cư, chăn nuôi trâu, bò, heo, dê, gà, vịt...), ngư nghiệp (nuôi tôm biển, nuôi nghêu, sò ngoài bãi biển, cá trong ao đầm, ruộng muối, ruộng vườn, khai thác nội đồng và đông, biển), lâm nghiệp (trồng rừng phòng hộ, khai thác củi, lá dừa nước...), diêm nghiệp (sản xuất muối), công nghiệp (các cơ sở thu mua chế biến thủy hải sản, cảng cá...) và dịch vụ tiểu thủ công nghiệp (buôn bán nhỏ, chợ, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp nhỏ: trại ương giống, các giống, thức ăn tôm).

*Đánh giá chung:*

- Dự án có hiệu quả kinh tế.

*Những phát hiện chính:*

- Trong những năm gần đây phong trào nuôi tôm sú công nghiệp đang phát triển mạnh ở hầu hết các xã trong vùng dự án, tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình thời tiết (độ mặn, triều cường, mưa...) nên năng suất chưa ổn định dịch tôm chết trong ao nuôi công nghiệp luôn xảy ra liên tục hàng năm.

Mục tiêu dự án trước đầu tư	Đạt được sau đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu xây dựng đê là phòng chống xâm nhập nước biển do thủy triều, nước dâng và sóng do bão, bảo vệ 41.157 người với 10.728 ha, trong đó 26.886 người với 4810 ha từ huyện lỵ 16 ra biển.</li> <li>- Tạo hạ tầng thuận lợi để ổn định sản xuất, phát triển bền vững kinh tế xã hội nâng cao đời sống nhân dân trong vùng dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình đảm bảo an toàn cho người dân và hàng nghìn ha lúa cũng như nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Công trình đã ngăn mặn và giảm thiệt hại hưởng đến lúa, hoa màu của người dân.</li> <li>- Tạo ra diện mạo mới cho vùng hưởng lợi, là tiền đề cho phát triển kinh tế trong vùng.</li> <li>- Dự án xây dựng đê kết hợp với đường giao thông trong vùng, đảm bảo an toàn giao thông khi di chuyển trên đê.</li> </ul>

Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu khi lập dự án		Chỉ tiêu ở thời điểm đánh giá	
	Tài chính	Kinh tế	Tài chính	Kinh tế
NPV (10 <sup>9</sup> VND)	70	340	65.587	
IRR	16.73	36.0	17	
B/C	-	-	1,297	

### 2.8.7 Dự án “Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng”

*Tình trạng trước dự án:*

Dự án gồm 12 xã. Đó là một vùng trũng thuộc huyện Hải Lăng. Đây là một vùng thuộc hạ lưu sông Ô Lâu, Thác Ma, Ô Khê và Tân Vĩnh Định. Nhiệm vụ chính của dự án là :

- Phòng chống và giảm thiểu tác động của thiên tai đến cuộc sống, tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế, phát triển bền vững và môi trường trong vùng dự án gồm 12 xã của huyện Hải Lăng.
- Tăng cường thực hiện chiến lược quốc gia về giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2001 đến 2020 ở Việt Nam và chương trình mục tiêu xoá đói giảm nghèo, kế hoạch phát triển kinh tế của xã trong vùng dự án.
- Cải tạo và nâng cao hạ tầng cơ sở kỹ thuật kinh tế, xã hội nhằm tạo sự phát triển bền vững trong vùng. Tạo điều kiện để bảo vệ sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng đất, cũng như góp phần bảo vệ môi trường.

*Đánh giá chung:*

- Dự án có hiệu quả kinh tế cao.

Mục tiêu dự án trước đầu tư	Đạt được sau đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ an toàn cho 60.000 người, tài sản của nhân dân trong vùng dự án trong mùa mưa lũ, nhất là lũ chính vụ</li> <li>- Bảo vệ cho 5271 ha lúa 2 vụ phía trong đê, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương, tăng thu nhập, tạo ra được vùng lúa hàng hoá có chất lượng cao. Chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, lũ đầu vụ Đông xuân đảm bảo kịp thời tổ chức sản xuất. Góp phần cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.</li> <li>- Trong vùng hưởng lợi thường xuyên có lũ sớm, lũ tiểu mãn vào tháng 5, tháng 6 hàng năm ((Lũ sớm thì 10 ngày mới rút, có cơn lũ đến 2 tháng mới rút do đó người dân gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất cũng như phòng tránh lũ). Gây thiệt hại rất lớn về người và của cho nhân dân trong vùng</li> <li>- Người dân hàng năm thường phải sống chung với lũ, sản xuất 2 vụ bấp bênh</li> <li>- Hệ thống dự báo đã xuống cấp không đáp ứng được với sự biến đổi khí hậu phức tạp hiện nay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án xây dựng xong đã đem lại hiệu quả rất lớn cho nhân dân trong vùng, giảm thiệt hại cho hàng nghìn ha lúa vụ hè thu và vụ đông xuân (5271 ha).</li> <li>- Giảm thiệt hại về cơ sở vật chất trong mùa mưa lũ hàng năm.</li> <li>- Sử dụng hiệu quả đất đai trong vùng dự án, đảm bảo sản xuất lúa 2 vụ.</li> <li>- Đường sau khi làm xong đã phục vụ giao thông nông thôn rất tốt (người dân đã giảm được chi phí ngày công lao động trong quá trình chăm sóc lúa và trong quá trình thu hoạch chạy lũ, trước đây mất 0,5-1 tiếng ra đồng làm việc, nay chỉ mất 20 phút)</li> <li>- Đê nâng cao so với đê cũ là 80 cm, đê xây dựng chủ yếu phòng chống lũ sớm và lũ tiểu mãn lúc người dân chưa kịp thu hoạch, bên cạnh đó còn mở rộng nuôi trồng thủy sản gần 300ha của 12 xã thuộc vùng hưởng lợi của dự án.</li> <li>- 2 trạm bơm tiêu Hải Hoà và Hải Dương đã vận hành tốt tiêu úng cho 900 ha lúa trong vùng hưởng lợi</li> <li>- Hệ thống cảnh báo lũ hoạt động tốt đã cung cấp các thông tin đầy đủ cho người dân và các cấp chính quyền để ứng phó kịp thời, chủ động phòng tránh và có những biện pháp hiệu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại về người và tài sản của nhân dân trong vùng.</li> </ul>

Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu khi lập dự án		Chỉ tiêu ở thời điểm đánh giá	
	Tài chính	Kinh tế	Tài chính	Kinh tế
NPV (10 <sup>9</sup> VND)				
IRR				
B/C				

### 2.8.8 Các dự án cảng trú bão

Có tiến hành xây dựng 5 cảng trú bão sau (Chi tiết tại phục lục 6, 7, 8, 9, 10):

Tên cảng	Số tàu trú bão theo dự án (tàu 300CV)	Tỉnh hưởng lợi
Cảng tránh trú bão Cửa Sốt	300	Quảng Trị
Cảng tránh trú bão Cửa Gianh	800	Quảng Bình

Cảng tránh trú bão Phú Hải	570	Thừa Thiên Huế
Cảng tránh trú bão An Hoà	1200	Quảng Nam
Cảng tránh trú bão Mỹ Á	400	Quảng Ngãi

Sau đây là một số hình ảnh về cảng tránh trú bão.



Cảng trú bão Cửa Sót



Cảng trú bão Mỹ Á



Cảng tránh trú bão An Hoà



Cảng tránh trú bão Phú Hải



Cảng tránh trú bão Cửa Gianh





## 1. Lợi ích chung của dự án cảng tránh trú bão

công trình	Mục tiêu của dự án	Trước khi có dự án	Sau khi có dự án
<b>Cảng tránh trú bão</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão để phục vụ neo đậu an toàn trong thời gian mưa bão xảy ra cho các phương tiện tàu thuyền đánh bắt thủy sản của địa phương và các khu vực lân cận.</li> <li>- Khu neo đậu tránh trú bão sẽ được trang bị hệ thống thông tin vô tuyến hiện đại để có thể thông báo bão, liên lạc với các phương tiện đánh bắt ngoài khơi kịp thời về trú bão</li> <li>- Khu neo đậu tránh trú bão sẽ được xây dựng với đầy đủ cơ sở hạ tầng điện, nước, giao thông và dịch vụ hậu cần nghề cá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân chưa có khu tránh trú bão ổn định. Người dân thường phải đi xa tránh trú bão.</li> <li>- Gây thiệt hại rất lớn cho tàu thuyền và ngư cụ của người dân trong mỗi mùa mưa bão</li> <li>- Người dân neo đậu tàu thuyền chủ yếu dọc theo các sông nhỏ, chủ yếu là neo đậu tự do không có tổ chức. Vì vậy vấn đề thiệt hại hàng năm là không tránh khỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành một nơi trú đậu tàu thuyền an toàn khi có bão, làm giảm thiểu thiệt hại về người và phương tiện cho ngư dân đánh bắt trên ngư trường.</li> <li>- Nơi trú bão đồng thời cũng là nơi cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ khu vực đánh bắt. Do vậy cũng tiết kiệm được thời gian, chi phí di chuyển, làm tăng năng suất và hiệu quả khai thác của đội tàu.</li> <li>- Mức độ rủi ro đối với nghề đánh bắt hải sản, các nghề khai thác tài nguyên biển khác như nuôi trồng trên biển, chế biến, cung cấp dịch vụ vv... sẽ được hạ thấp khi có dự án. Do vậy, sẽ tạo tiền đề kích thích sự phát triển kinh tế thủy sản cả về tốc độ, quy mô và chuyển dịch cơ cấu ngành nghề.</li> <li>- Dự án sẽ trực tiếp và gián tiếp tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân.</li> </ul>

## 2. Lợi ích kinh tế của cảng tránh trú bão

Công trình	Lợi ích kinh tế của dự án	Phân cấp quản lý dự án
<b>Cảng tránh trú bão Cửa Sốt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảng đã xây dựng chợ cá : có tất cả 10 gian với diện tích là 30m<sup>2</sup> và cho thuê 300/gian/tháng, đã thu được 4 tháng.</li> <li>- Hiện tại ngân sách tỉnh đã bỏ tiền xây nhà chứa phương tiện cứu hộ của dự án (2 canô) khoảng 580 triệu đồng</li> <li>- Có 2 khu đất quy hoạch đang chuẩn bị cho thuê làm chợ cá và phát triển dịch vụ nghề cá, diện tích khoảng 3ha.</li> <li>- Bão số 3 năm 2010 tàu cập bến vào tránh trú bão và rất an toàn (cảng không thu phí). Con bão số 3 số lượng tàu thuyền cập bến tránh trú bão khoảng 300 tàu từ 16-90CV, 150 tàu 90-250CV. Cảng không bị ùn tắc trong quá trình tránh trú bão, nguyên nhân là do tàu vào trú có công suất bé &lt; 300CV (theo thiết kế)</li> <li>- Khi khu neo đậu tránh trú bão Cửa Sốt hoàn thành, tỉnh đang đầu tư xây dựng cảng cá Xuân Hội-Nghi Xuân(xây dựng đầu năm 2009) tổng mức đầu tư là 132 tỷ, Khoảng cách từ cửa sót đến cảng Xuân Hội là 70km. Dự kiến đến năm 2012 là xong.</li> <li>- Công trình đã đưa vào hoạt động mang lại hiệu quả cao, bên cạnh đó các cấp chính quyền cũng như người dân đã và đang tiếp tục đầu tư nhằm nâng cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- - Hiện trạng phân cấp</li> <li>- Trước năm 2007, Cảng cá Cửa Sốt do UBND huyện Thạch Hà quản lý. Từ năm 2007 đến nay giao cho Ban quản lý các cảng cá của tỉnh Hà Tĩnh quản lý.</li> <li>- Sau khi xây dựng công trình xong thì “Ban quản lý các cảng cá Thạch Kim” Sẽ quản lý cảng tránh trú bão Cửa Sốt.</li> <li>- Hiện trạng quản lý như sau: Quản lý tàu thuyền ra vào và các cơ sở quản lý khai thác nhỏ cho thuê thì do Ban quản lý thu. Quản lý mặt bằng cho thuê, các cơ sở đầu tư lớn do UBND tỉnh quản lý.</li> <li>- Ban quản lý thực hiện hai nhiệm vụ: Công ích cho các tàu thuyền tránh trú bão cho tất cả phân</li> </ul>

	<p>hiệu quả của cảng nhiều hơn nữa. Đầu tư thêm hệ thống chiếu sáng và kè sạt lở trị giá 106 triệu đồng, tổ chức tư nhân cũng đầu tư thêm 1 xưởng sửa chữa đóng tàu 1,3 tỷ đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những ngày thường thu phí theo Quy định của UBND tỉnh, trích nộp Ngân sách 20%, 80% ngân quỹ thu tự chủ.</li> <li>- - Kiến nghị và đề xuất phân cấp quản lý.</li> <li>- Với các dự án đầu tư xây dựng Ban quản lý cảng cá không là chủ đầu tư nên không cùng phối hợp, không cùng giám sát trong quá trình triển khai. Do vậy, không thuận tiện cho công tác quản lý vận hành sau này. Từ năm 2006 chính phủ đã ban hành Nghị định 112/2006/NĐ-CP về quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng giao cho các đơn vị quản lý khai thác, hưởng lợi làm chủ đầu tư. Vì vậy, nên giao cho Ban quản lý các cảng cá làm chủ đầu tư các dự án về cảng, khu neo</li> </ul>
<p><b>Cảng tránh trú bão Mỹ Á</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình cảng biển Mỹ Á khi xây dựng xong mang lại niềm vui cũng như lợi ích rất lớn cho người dân trong vùng hưởng lợi.</li> <li>- Nhiều năm cửa vào là rất nguy hiểm, luồng vào khó khăn do có đá ngầm. Khi chưa có dự án người dân đã góp tiền với mục đích nạo vét luồng lạch là 300 triệu, khoảng 3năm đóng góp một lần và người đứng lên là chủ vận chài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảng biển Mỹ Á được bàn giao cho ban quản lý các cảng cá quản lý và vận hành</li> <li>- Kinh phí duy tu bảo dưỡng, kinh phí hoạt động của t</li> </ul>

	<p>trong vùng (những hộ dân có tàu đóng góp).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình có tác dụng ngăn nước lũ do sông Thoa chảy xuống làm giảm diện tích ngập lụt trong vùng. Giảm thiệt về sản xuất nông nghiệp (2000ha) cũng như thủy sản</li> <li>- Công trình giúp cho các tàu thuyền neo đậu hay bốc dỡ sản phẩm đánh bắt là rất an toàn thuận tiện.</li> <li>- Trong giai đoạn thi công mặc dù chưa xong nhưng đã phát huy tác dụng rất lớn, nhất là công tác tránh trú bão và tiêu biểu là cơn bão số 9 vừa qua. Tháng 10/2009 đã đưa vào sử dụng tránh trú bão cơn bão số 9 và số 11 và thiệt hại của ngư dân là không lớn. Thiệt hại không đáng kể và thiệt hại chủ yếu là do sự chủ quan của người dân.</li> <li>- Bên cạnh đó nhằm phát triển thêm cảng cá tỉnh đã đầu tư làm con đường từ Mỹ Á - Bồ Đề với chiều dài 17 km trị giá gần 12 tỷ đồng (Đường nông thôn loại A), một số hộ tư nhân cũng đầu tư vào cảng nhà xưởng sửa chữa tàu trị giá 2 tỷ đồng và một số xưởng đá tư nhân trị giá mỗi xưởng 200 triệu đồng</li> <li>- Cảng Mỹ Á sau khi đi vào hoạt động đã có một số bất cập: Nhà quản lý vận hành chưa có, chân kê đồ đá gây ra rất nhiều khó khăn cho tàu vào cảng dễ gây thủng và vỡ tàu. Vì vậy ngư dân ở đây phải gia cố thêm 1 phần inóc ở đầu tàu trị giá 3,2 triệu đồng/tàu.</li> <li>- Cảng cá đã đi vào hoạt động nhưng cầu tàu không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Nhân dân đi biển ngần ngại bán chủ yếu vào buổi sáng số lượng</li> </ul>	<p>làm đơn đề nghị lên cấp tỉnh xin kính phí sửa chữa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở thu phí là do quy định UBND tỉnh ban hành 2007</li> <li>- Ban quản lý các cảng cá có 14 biên chế: Quản lý 4 cảng Sa Huỳnh, Thịnh Hòa, Ly Sơn, Mỹ Á</li> <li>- hiện nay ban quản lý rất khó khăn về nhân lực, dự trù ở cảng Mỹ Á cần 5 nhân viên.</li> <li>- Nguồn thu phí là 100% để sử dụng phục vụ và duy trì hoạt động của cảng cá và theo thiết kế mặt bằng của công trình là 10.000 m<sup>2</sup> sau khi hoàn thành công trình sẽ mời các nhà đầu tư và ban quản lý cảng sẽ quản lý trực tiếp cùng với thu phí mặt bằng. Giá cho thuê mặt bằng sẽ lấy theo giá sử dụng mặt bằng đất của nhà nước.</li> </ul>
--	---	--

	<p>tàu về cả 100 chiếc nhưng cầu tàu chỉ đậu được khoảng 5 chiếc do cầu tàu chỉ dài có 50m (Ngày trước khi có công trình chỉ mất 30 phút dỡ hàng bây giờ mất 2 tiếng mới xong) vì vậy mà kéo dài thời gian vận chuyển hàng thủy sản của người dân gây cho cá không tươi, chính vì vậy làm giảm giá trị hàng hóa của người dân. Do đó cần phải mở rộng thêm cầu tàu lên 200m theo kiến nghị của người dân.</p>	
<p><b>Cảng tránh trú bão An Hoà</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án rất thiết thực và mang lại hiệu quả cao trong công tác phòng tránh bão cho tàu thuyền và là tiền đề phát triển trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.</li> <li>- Số lượng tàu thuyền hay neo đậu ở cảng An Hoà thường xuyên 500-700 chiếc, công suất từ 20-400CV. Tổng số tàu thuyền &gt;90CV dao động từ 110-130 chiếc, tàu lớn nhất là 420 CV. Năm 1997(có 56 chiếc &gt;90CV), năm 2009 (có 130 chiếc &gt;90CV) số tàu tránh trú bão khoảng 300 chiếc( mỗi năm có 3-5 cơn bão, mỗi năm trung bình 10 lần vào neo trú).</li> <li>- Số lượt tàu thuyền ngoài tỉnh vào tránh trú bão khoảng 50-70lượt, chưa có dịch vụ sửa chữa</li> <li>- Tàu 350CV tiêu thụ 7lít dầu/1h, vận tốc tàu trung bình 7-8 hải lý/giờ(vận tốc trung bình của tàu 20-90CV là 5-7hải lý/giờ)</li> <li>- Tàu thuyền 2 xã Tam Quang và Tam Giang chiếm khoảng 95% trong vùng Cảng tránh trú bão An Hoà vì vậy dự án mang lại lợi ích rất lớn cho vùng hưởng lợi của dự án.</li> <li>- Bên cạnh đó cảng An Hoà sau khi đưa vào sử dụng cần làm thêm kè chắn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi xây dựng xong bàn giao cho ban quản lý các cảng cá tỉnh Quảng Nam vận hành và quản lý cảng.</li> </ul>

	<p>sóng cho khu neo trú khoảng 200 m kè chắn sóng, hiện giờ người dân không dám neo đậu tránh trú bão do không có kè chắn sóng lên rất nguy hiểm. Hiện giờ người dân vẫn phải neo trú bão trong sông cách khu neo trú 150m nhưng đoạn sông rất nhỏ đổ chủ yếu dọc sông.</p>	
<p><b>Cảng tránh trú bão Phú Hải</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi chưa có dự án thì đó là khu neo đậu từ xa xưa của ngư dân địa phương. Từ trước đến nay tỉnh chưa có khu neo đậu nào cả (diện tích cảng phú Hải là 11000 ha). Số tàu thuyền trong xã phú hải, tàu lớn 30-40 chiếc công suất từ 200-500CV, tàu nhỏ 200 chiếc công suất từ 20-250CV.</li> <li>- Trước khi có dự án khu neo đậu chưa nạo vét người ta phải chạy thêm 1 máy phụ để đẩy thuyền vào, máy phụ này trung bình khoảng 30-50 triệu. Khi có bão một số thuyền nhỏ khiêng máy lên bờ và đánh chìm thuyền rồi lại trực vớt lên. Mỗi lần trực vớt mất khoảng 6-10 công và khoảng 1,5 triệu đồng. Nay dự án đã được hoàn thành Ngư dân không phải mất quá nhiều công sức để đảm bảo an toàn cho tàu thuyền.</li> <li>- Ngư trường khai thác chủ yếu là Thừa Thiên Huế. Khi đến mùa mưa bão vào T9-T11 thì không đi đánh bắt.</li> <li>- Hàng năm vẫn có các hoạt động tập huấn cho ngư dân (tùy thuộc vào nguồn kinh phí mà tổ chức). Các tàu từ 90CV đều trang bị Icom tầm xa (Icom tầm trung khoảng 50 hải lý)</li> <li>- Theo đánh giá của chi cục: Bên cạnh mặt lợi rất lớn đó thì có những yếu tố không tốt khác như môi trường sẽ bị ảnh hưởng bởi dầu cặn, rác, ...(nhưng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi xây dựng xong cảng được bàn giao cho ban quản lý cảng cá Thuận An khai thác và quản lý</li> </ul>

	<p>sau khi thành lập ban quản lý cảng thì ý thức của người dân sẽ tốt hơn về môi trường sống).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần đầu tư cho người dân dịch vụ sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ trao đổi hàng hoá và dịch vụ hầu cần nghề cá khác. Hiện tại người dân xã Phú Hải đã có những đầu tư đáng kể sau khi có dự án:</li> </ul>	
<p><b>Cảng tránh trú bão Cửa Gianh</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảng đi vào hoạt động đã có 2 đợt tàu thuyền vào tránh trú bão tháng 10/2010 tổng cộng gần 800 thuyền. Đợt 1: 350 chiếc, Đợt 2: 450 chiếc loại tàu từ 20-300 CV và không có thiệt hại gì. Những tàu không vào cảng đã gặp nạn (khoảng 8 chiếc).</li> <li>- Ngày thường số tàu neo đậu khoảng 5-7 chiếc, cảng cá đã có nhà điều hành. Ban quản lý cảng đang trình UBND tỉnh tổ chức neo đậu và bốc dỡ tại cảng mới do vị trí thuận lợi, gần quốc Lộ 1A nên thuận tiện cho phương tiện vận tải vào cảng trao đổi hàng hoá.</li> <li>- Hiện tại ban quản lý cảng đã trình UBND tỉnh ban hành quy chế và phương án thực hiện quản vận hành khu neo đậu.</li> <li>- Hiện nay tỉnh đã phê duyệt kế hoạch xây dựng khu xử lý rác thải trị giá 330 triệu đồng và kế hoạch tập huấn cho cán bộ quản lý cảng trị giá 138 triệu đồng.</li> <li>- Cảng đã mang lại hiệu quả rất tốt trong mùa mưa lũ năm 2010.</li> <li>- Tuy nhiên vẫn còn một số thiếu sót: Phần đáy âu thuyền nên bằng nhau (hiện tại ở giữa cao, ngoài trung bình, trong thì sâu). Cầu cảng lên làm dài hơn chỉ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình sau khi xây dựng xong đã được bàn giao ban quản lý cảng cá Cửa Gianh vận hành khai thác</li> <li>- Hiện nay tỉnh đã xây dựng kế hoạch vận hành và quản lý cảng. Kế hoạch đã được xây dựng và đang chờ tỉnh phê duyệt</li> </ul>

	<p>có 150 m là hơi nhỏ, nên có cầu cảng để cho tàu lớn vào và cần đầu tư thêm chợ đầu mối.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ban quản lý cảng cá không được tham gia vào xây dựng nên trong quá trình xây dựng và bàn giao sử dụng có nhiều bất cập.</li><li>- Hiện tại ban quản lý cảng cá chưa có nước sạch để dùng phải mua nước uống và sinh hoạt.</li></ul>	
--	--	--



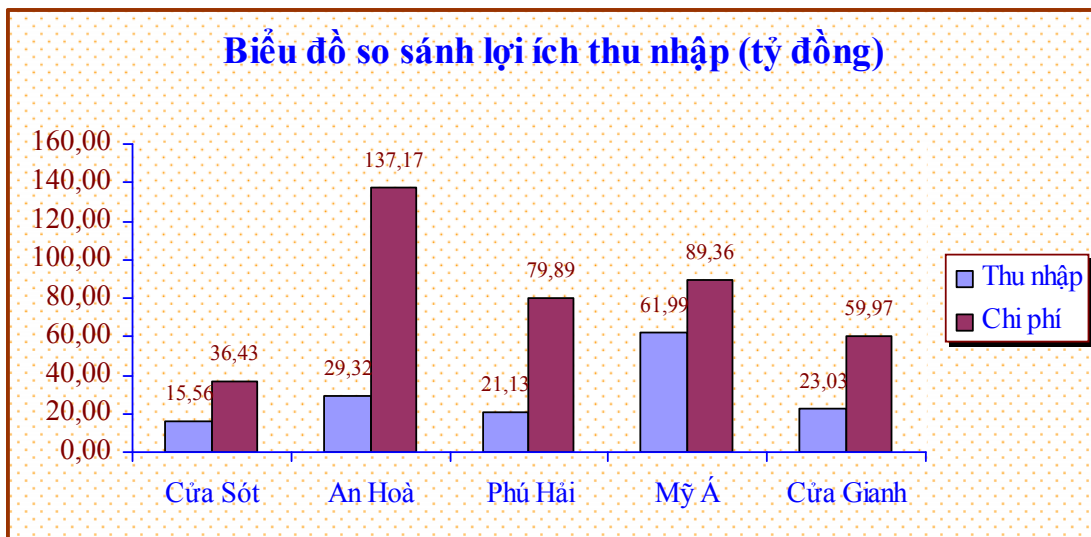
### 3. Tổng hợp chỉ tiêu kinh tế của dự án

Thành phần	Đơn vị	Cửa Sốt	An Hoà	Phú Hải	Mỹ Á	Cửa Gianh
<b>Thu nhập</b>		<b>15,56</b>	<b>29,32</b>	<b>21,13</b>	<b>61,99</b>	<b>23,03</b>
Lợi ích từ thu phí dịch vụ và đầu tư thêm của cảng	10 <sup>9</sup> VND	0,15		6,55088		0,096
Lợi ích giảm thiệt hại từ nuôi trồng thủy sản	10 <sup>9</sup> VND		9,403		41,09	
<i>Lợi ích từ giảm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp</i>	10 <sup>9</sup> VND				8,381	
Lợi ích từ giảm thiểu thiệt hại về tàu thuyền và ngư cụ	10 <sup>9</sup> VND	8,00	7,0	3	3	9,15
Lợi ích từ giảm thiểu mức độ tiêu thụ nhiên liệu do tiết kiệm thời gian di chuyển hàng năm	10 <sup>9</sup> VND	7,07	12,917	11,5775	9,513	13,782

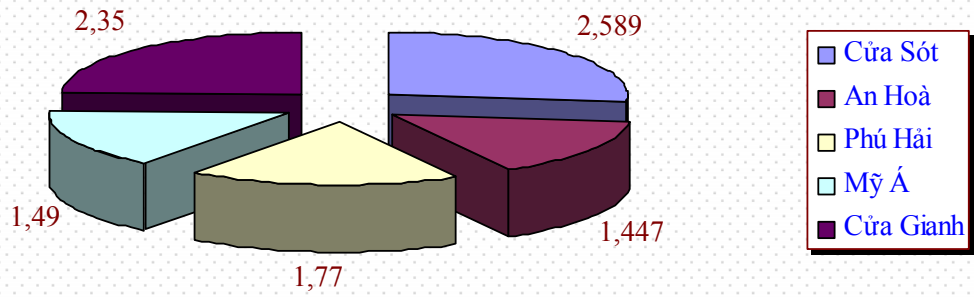
Lợi ích từ giảm chi phí duy tu bảo dưỡng đê hàng năm	10 <sup>9</sup> VND	0,34				
<b>Chi phí</b>		<b>36,43</b>	<b>137,17</b>	<b>79,89</b>	<b>89,36</b>	<b>59,97</b>
Vốn đầu tư	10 <sup>9</sup> VND	32,53	78,928	42,405	79,01	52,462
Chi phí chìm	10 <sup>9</sup> VND		48,77	32,4	0,87	1,21
Chi phí vận hành khai thác hàng năm	10 <sup>9</sup> VND	1,3012	3,157	1,696	3,16	2,098
Chi phí đại tu thay thế	10 <sup>9</sup> VND	2,60	6,31	3,39	6,32	4,20

#### 4. Tổng hợp các chỉ số kinh tế của dự án

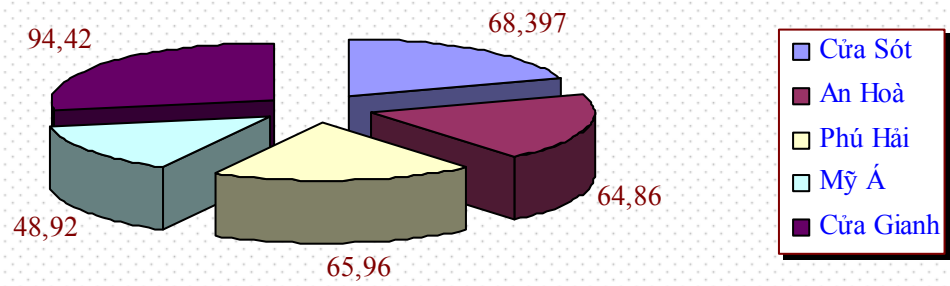
Chỉ tiêu	Đơn vị	Cửa Sốt	An Hoà	Phú Hải	Mỹ Á	Cửa Gianh
NPV	10 <sup>9</sup> VND	68,397	64,86	65,96	48,92	94,42
IRR	%	33%	19%	23%	20%	31%
B/C		2,589	1,447	1,77	1,49	2,35

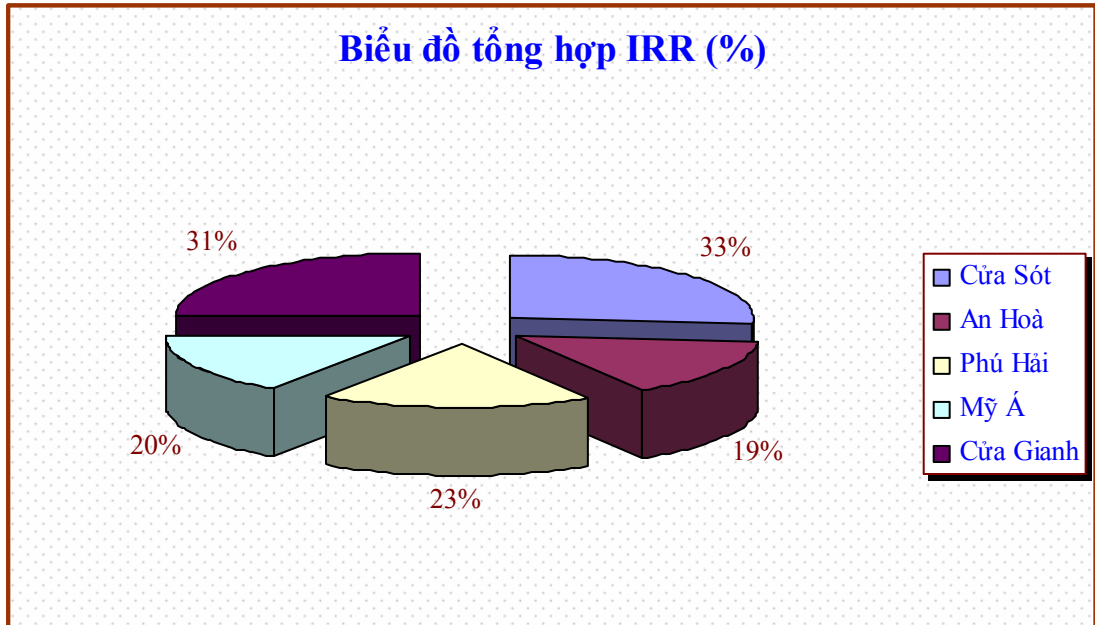


**Biểu đồ tổng hợp B/C**



**Biểu đồ tổng hợp NPV (tỷ đồng)**





- Từ tổng lợi ích và thu nhập của 5 dự án cảng biển cho ta thấy tiêu dự án tránh trú bão cửa sốt tỉnh Hà Tĩnh cho hiệu quả cao nhất . Nguyên nhân chủ yếu do cảng cửa sốt chi phí đầu tư không cao nhưng lại thu được lợi ích cao từ giảm thiệt hại tàu thuyền cũng như, tăng thêm về mặt dịch vụ. Đặc biệt cảng Cửa Sốt còn làm giảm chi phí duy bảo dưỡng cho 1,7 km đê biển. Trước khi xây dựng khu tránh trú bão, cảng đang là cảng cá và đã đưa vào hoạt động rất tốt.
- Bên cạnh đó Cảng tránh trú bão An Hoà tỉnh Quảng Nam B/C = 1,447 là thấp nhất trong 5 cảng. Nguyên nhân chính là cảng An Hoà sau khi đưa vào sử dụng chưa có đê chắn sóng nên hầu như các tàu không dám vào tránh trú bão, cảng chưa có hệ thống điện cũng như nhà quản lý và quy trình vận hành cụ thể. Do đó lợi ích trước mắt mang lại chưa cao. Vì vậy cần phải đầu tư thêm 200m đê chắn sóng khi đó hiệu quả mang lại cho cảng sẽ lớn hơn.

### 2.8.9 Dự án “Hệ thống tiêu thoát nước đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh”

#### a) Mô tả dự án

Tiểu dự án cải tạo hệ thống thoát nước dọc tuyến đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh được chia làm 3 thành phần hạng mục chính: 28 hạng mục cải tạo nền đường, 12 cống hạng mục cống và 1 hạng mục thoát nước ga Huế (xem bảng).

Tỉnh	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Xã hưởng lợi
Hà Tĩnh	Gia cố nền đường	m	2670	Xã Phúc Đông, Xã Hương Thủy huyện Hương Khê
	Gia cố nền đường	m	200	Xã Gia Phố, huyện Hương Khê
Quảng Bình	Gia cố nền đường	m	2240	Xã Kim Hóa, Huyện Tuyên Hóa
	Gia cố nền đường	m	2800	Xã Quảng Sơn huyện Quảng Trạch
	Gia cố nền đường	m	1280	Xã Cự Năm, huyện Bố Trạch
	Gia cố nền đường	m	2225	Xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch,
	Gia cố nền đường	m	600	Phường Nam Lý, thị Xã Đồng Hới
	Gia cố nền đường	m	620	2 Xã Vĩnh Ninh và Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh
	Gia cố nền đường	m	300	Xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy
	Cống	c	1	Xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch
	Cống	c	1	Xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy
Quảng Trị	Gia cố nền đường	m	1550	Xã Trung Sơn, huyện Gio Linh
	Cống	c	3	Xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh
	Cống	c	1	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng
Thừa Thiên Huế	Gia cố nền đường	m	530	Phường Đức, thành phố Huế
	Gia cố nền đường	m	500	Xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc
	Gia cố nền đường	m	560	Xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc
	Cải tạo khu vực thoát nước ga Huế	HT	1	Phường Đức, Thành phố Huế
	Cống	c	1	Xã Mỹ Chánh, huyện Hải Lăng
	Cống	c	1	thị trấn Phú Bài, huyện Hương Thủy
	Cống	c	1	Xã Lộc Hải, huyện Phú Lộc
Quảng Nam	Gia cố nền đường	m	5850	Xã Bình Quý & Bình Chánh, huyện Thăng Bình
	Gia cố nền đường	m	1150	Xã Bình An, huyện Thăng Bình
	Gia cố nền đường	m	850	Xã An Mỹ, huyện Thăng Bình
	Gia cố nền đường	m	1400	Xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành
Bình Định	Gia cố nền đường	m	2850	Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn
	Gia cố nền đường	m	2400	Xã Mỹ Trinh, huyện Hoàn Mỹ
	Gia cố nền đường	m	650	Xã Cát Tiên, huyện Phù Cát
	Gia cố nền đường	m	1000	Thị trấn Tuy Phước - huyện Tuy Phước

Phú Yên	Gia cố nền đường	m	350	Xã An Phú, huyện Tuy An
Khánh Hoà	Gia cố nền đường	m	2950	Xã Vạn Phước huyện Vạn Ninh
	Gia cố nền đường	m	1900	Xã Ninh Lộc, huyện Ninh Hoà
	Gia cố nền đường	m	6000	Xã Cam Hoà, huyện Cam Ranh
	Cống	c	1	Xã Vạn Phước huyện Vạn Ninh
	Cống	c	1	Xã Vạn Phước, huyện Vạn Ninh
	Cống	c	1	Xã Cam Hòa, huyện Cam Ranh
<b>Tổng chiều dài tuyến đường được gia cố</b>		<b>m</b>	<b>43425</b>	
<b>Tổng số cống trên tuyến</b>		<b>c</b>	<b>12</b>	
<b>Hệ thống cải tạo khu vực thoát nước ga Huế</b>		<b>HT</b>	<b>1</b>	

### b) So sánh các chỉ tiêu trước và sau đầu tư

TT	Chỉ tiêu khi lập dự án	Chỉ tiêu sau đầu tư
1	Ga Huế thường hay ngập lụt do hệ thống thoát nước xuống cấp (chiều cao mực nước trong ga thường 20-30 cm)	Hệ thống thoát nước tốt không còn gây ngập lụt trong ga.
2	Diện tích thường xuyên bị ngập 65.060 m <sup>2</sup> , lượng nước 19.518 m <sup>3</sup>	Ga Huế hoàn toàn tiêu thoát nước tốt.
3	Hệ thống ga thường xuyên bị ẩm thấp và ngập nước gây ảnh hưởng đến hành khách và hàng hoá vận chuyển trong ga	Hệ thống ga sạch sẽ và không còn bị ẩm thấp hàng hoá vận chuyển dễ dàng, hành khách đi lại thuận tiện.
4	Ga ngập nước không thể lắp đặt hệ thống điều khiển tự động được gây rất nhiều khó khăn cho cán bộ nhân viên trong quá trình hướng dẫn tàu vào ga	Sau một năm hoạt động, hệ thống thoát nước vận hành rất tốt. Đến nay ga có đủ điều kiện để lắp đặt hệ thống tự động. Hệ thống này giúp cho nhà ga không phải tốn nhân công túc trực thường xuyên để hướng dẫn tàu vào ga.

### c) Hiệu quả dự án

Hiệu quả gồm: Lợi ích xã hội, lợi ích thu được do giảm chi phí duy tu bảo dưỡng, lợi ích thu được do tiết kiệm thời gian của hành khách.

*Lợi ích kinh tế tiểu dự án cải tạo hệ thống đường sắt (về mặt xã hội)*

- Hạn chế sự ngập úng khu vực thượng lưu của các vị trí xây dựng cống mới
- Đảm bảo sự ổn định nền đường sắt trong mưa bão.
- Cải tạo môi trường khu vực dọc các đoạn đường sắt được đầu tư (nhất là ga Huế, ga phục vụ khách du lịch lớn nhất của tuyến).
- Hạn chế tối đa thiệt hại về người và của cải của khách đi tàu, cũng như dân cư sinh sống dọc hai tuyến đường sắt. Đồng thời góp phần ổn định

hội và góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của dân cư sinh sống trong vùng tiểu dự án.

- Góp phần đảm bảo lịch chạy tàu đúng giờ, tiết kiệm thời gian cho khách đi tàu (không bị chậm do sự cố thiên tai).

*Lợi ích thu được từ việc giảm chi phí duy tu bảo dưỡng đường sắt*

Lợi ích từ việc giảm chi phí duy tu bảo dưỡng do hệ thống đường ray không bị ngập trong nước và đảm bảo cho các đoạn đường ray không sớm bị han rỉ do ngập nước trong ngày mưa lũ.

TT	Chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (10 <sup>6</sup> VND)	Thành tiền (10 <sup>6</sup> VND)
1	Chi phí duy tu bảo dưỡng	Km	43,425	186,8	8.111,79

Chi phí trên được tính theo Quyết định 411/QĐ-BXD (31/3/2010) quy định về suất vốn đầu tư của đường sắt và theo tiêu chuẩn ngành – Tiêu chuẩn Việt nam về ngành đường sắt.

*Lợi ích thu được do tiết kiệm thời gian của hành khách khi tàu chậm giờ do ngập lụt*

TT	Chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (10 <sup>3</sup> VND/người)	Thành tiền (10 <sup>3</sup> VND)
1	Tiết kiệm thời gian cho hành khách (tính 1 ngày chậm tàu)	Hành khách	341000	102	34.782.000

*Doanh thu của Ga Huế trong các năm 2008, 2009, 2010*

Doanh thu ga Huế năm 2010 có tăng so với năm 2008, 2009. Đối với hàng hóa và hành lý 3 năm không có sự chênh lệch nhiều, nhưng số lượng hành khách đến Huế có tăng hơn so với 2 năm còn lại. Khi tiểu dự án được đưa vào sử dụng nó cũng đóng góp một phần cho sự phát triển của ga, tạo tâm lý an toàn cho hành khách đi tàu và đảm bảo cho tàu chạy đúng giờ.

TT	Doanh thu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Hàng hoá	10 <sup>3</sup> VND	515.921,43	767.157,00	474.167,76
2	Hành khách	10 <sup>3</sup> VND	50.482.795,35	49.480.418,84	52.447.207,94
	<i>Tàu thống nhất</i>	10 <sup>3</sup> VND	41.450.644,96	37.745.900,02	37.779.834,17
	<i>Tàu địa phương</i>	10 <sup>3</sup> VND	9.032.150,39	11.734.518,82	14.667.373,77
3	Hành lý	10 <sup>3</sup> VND	898.381,18	1.073.484,26	1.048.959,61
	<i>Tàu thống nhất</i>	10 <sup>3</sup> VND	343.720,10	140.836,33	72.861,82
	<i>Tàu địa phương</i>	10 <sup>3</sup> VND	554.661,08	932.647,93	976.097,79
<b>Tổng</b>			<b>51.897.097,96</b>	<b>51.321.060,10</b>	<b>53.970.335,31</b>

Nguồn: Phòng kế hoạch ga Huế cung cấp

### 2.8.10 Dự án “Tăng cường năng lực cảnh báo lũ và giám sát lũ lụt - khu vực đồng bằng Sông Cửu Long” (ĐBSCL)

#### a) Mô tả dự án

Hệ thống gồm 3 thành phần cơ bản:

- Các trạm KTTV tự động (thành phần quan trọng nhất, được lắp đặt tại các vùng khác nhau),
- Các điện thoại di động có thể thu nhận số liệu và tham gia điều khiển,
- Hai trung tâm độc lập điều khiển hệ thống và thu nhận số liệu.

#### b) Đánh giá chung

- *Tăng cường năng lực*: (i) Bổ sung thêm 89 trạm đo thông tin dự báo và (ii) Bổ sung thêm các cột cảnh báo giúp người dân có thông tin tốt hơn.
- *Năng lực cảnh báo đã tăng lên rõ rệt*: Quá trình xử lý hệ thống nhanh hơn trước rất nhiều và khả năng dự báo có thể đạt tới mức độ 90%. Người dân sẽ có nhiều thời gian hơn để chuẩn bị phòng chống cũng như đối phó, không còn ở trong cảnh bị động.
- *Thời gian dự báo*: từ “3 giờ lẫn” xuống còn “5 phút lẫn”
- *Tăng mức độ chính xác và kịp thời trong dự báo*: Tỷ lệ dự báo đúng 85-90%, mức độ “kịp thời” và “chính xác” (xem bảng).

**Bảng đánh giá năng lực dự báo khi có dự án**

TT	Loại thiên tai	Số lần xuất hiện trong các năm				Tỷ lệ dự báo đúng (%)	Mức độ dự báo			
		2006	2007	2008	2009		Kịp thời	Không kịp thời	Chính xác	Không chính xác
1	Bão	16	12	14	14	90-95	x		x	
2	Áp thấp									
3	Gió mùa	20	22	22	20	85-90	x		x	
4	Lũ lụt	5	6	5	5	80				
5	Thủy triều									
6	Triều cường	4	3	6	6	85				
7	Xâm nhập mặn									
8	Hạn hán	3	3	4	3	85-90	x		x	
9	Khác									

#### c) Hiệu quả của dự án

##### Hiệu quả xã hội

- Xây dựng một hệ thống thông tin hiện đại để dự báo, giám sát, tổ chức phòng tránh lũ lụt, đây là giải pháp duy nhất đáp ứng việc triển



chung với lũ. Thực hiện giải pháp này triệt để, chúng ta dự báo trước được hoạt động của lũ lụt, chủ động tổ chức các phương án quy hoạch khu dân cư và phương án thoát lũ hợp lý để con người luôn có cuộc sống ổn định, tài sản và mùa màng không bị thiệt hại;

- Hệ thống thông tin cho phép quản lý chặt việc sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất, định hướng cho quy hoạch chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu đầu tư cho khu vực, hướng tới một cơ cấu hợp lý cho phát triển kinh tế-xã hội của khu vực ĐBSCL.

- Hệ thống thông tin này là cơ sở quan trọng để xây dựng hệ thống hiện đại quản lý hành chính, quản lý lãnh thổ cho các tỉnh trong khu vực, tạo điều kiện ổn định xã hội, nông thôn, giải quyết tốt đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc ít người.

- Hệ thống thông tin này cho phép giám sát tình trạng môi trường trước và sau lũ, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục sớm nhất các hậu quả xấu về môi trường, quy hoạch phát triển đảm bảo các điều kiện bền vững.

### **Hiệu quả kinh tế**

Trong thời gian vài năm gần đây vào mỗi mùa lũ lụt, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bị thiệt hại rất lớn, khi lũ về hàng người bị lũ cuốn trôi (đa số trẻ em và người già) và nhà cửa, đường giao thông, mùa màng bị phá hủy gây thiệt hại lên tới 500 tỷ đồng mỗi năm. Nếu tổ chức phòng tránh lũ lụt tốt, chắc chắn sẽ làm giảm thiệt hại về tài sản. Nếu tính với mức giảm thiệt hại 10% mỗi năm (tương đương 50 tỷ mỗi năm).

### **PHẦN III: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **3.1-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của Chính phủ**

Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (NDRMP-WB4) là dự án lớn, kéo dài và trải trên diện rộng thuộc địa bàn nhiều tỉnh, do đó có nhiều yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của Chính phủ tác động làm ảnh hưởng đến việc thực hiện cũng như kết quả dự án. Các yếu tố đó gồm:

*3.1.1-Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược:*

Ngày 16/11/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 172/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch hành động tập trung thực hiện các Chương trình mục tiêu từ nay đến năm 2020. Đây là văn bản rất quan trọng tầm vĩ mô định hướng chiến lược lâu dài công tác đối phó hiệu quả với thiên tai ở Việt Nam. Chiến lược xác định các nội dung chủ yếu liên quan phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở nước ta, gồm: i)-Quan điểm của Chính phủ; ii)-Nguyên tắc chỉ đạo; iii)-Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; iv)-Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện; v)-Kế hoạch hành động nhằm thực hiện Chiến lược; và vi)- Quy định cụ thể các nội dung đánh giá thực hiện Chiến lược.

Có nhiều nội dung chủ yếu của Chiến lược được cụ thể hoá trong các Hợp phần của dự án dự án QLRRTT-WB4, ví dụ như:

a)-Về tổ chức thực hiện Chiến lược: Chính phủ giao Bộ NN&PTNT và Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với cơ chế bộ máy thực hiện dự án QLRRTT-WB4 do Bộ NN&PTNT làm chủ dự án.

b)-Về mục tiêu của Chiến lược: Rất coi trọng công tác dự báo, nâng cao năng lực dự báo bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, báo tin động đất, cảnh báo sóng thần..., nâng thời gian dự báo bão, áp thấp nhiệt đới trước 72 giờ; đối với các cảng tránh trú bão an toàn cho ngư dân: hoàn thành 100% việc xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch đã được phê duyệt (Hợp phần 1 của dự án WB4 có 5 cảng tránh trú bão được xây dựng).

c)-Về việc đánh giá thực hiện Chiến lược: Chiến lược khẳng định các tiêu chí làm căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, trong đó có tiêu chí về việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch tổng thể, từng dự án cụ thể về phát triển kinh tế-xã hội của các Bộ, ngành, địa phương (Hợp phần 4 của WB4 có việc lập Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của 12 tỉnh nhằm lồng ghép công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của địa phương vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế-xã hội của địa phương ).

d)-Về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược: thể hiện quan điểm mới của Chính phủ đối với công tác phòng, chống thiên tai của Việt Nam, gồm 7 Chương trình mục tiêu về biện pháp phi công trình và 7 Chương trình mục tiêu về biện pháp công trình.

Rõ ràng sự ra đời của Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai cùng với Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược đã chứng minh rằng: Chính phủ Việt Nam đã vận dụng phương pháp tiếp cận mới của thế giới trong lĩnh vực quản lý rủi ro thiên tai, đồng thời cũng chứng minh rằng những dự án như dự án WB4 là rất phù hợp với quan điểm của Chính phủ Việt Nam. Nhờ sự hài hoà đó, dự án WB4 chắc chắn sẽ thành công, sẽ là cầu nối chuyển tiếp sang giai đoạn 2 của Chương trình quản lý rủi ro thiên tai do Ngân hàng thế giới tài trợ.

*3.1.2-Chính phủ áp dụng phương pháp tiếp cận mới* trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, từ đối phó với thiên tai chuyển sang quản lý rủi ro thiên tai, từ bị động chuyển sang chủ động với các biện pháp tổng hợp và toàn diện gồm biện pháp công trình và phi công trình, đầu tư công trình mới đi đôi với cứu trợ sau thiên tai, vừa dựa vào cộng đồng người dân sống trong vùng có nguy cơ cao, lại vừa chú trọng tăng cường năng lực các cơ quan từ Trung ương đến địa phương tỉnh, huyện, xã.

*3.1.3-Năng lực của Chính phủ trong việc quản lý rủi ro thiên tai* mà đứng đầu là Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương. Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có bờ biển hơn 3200 km trải dài từ bắc vào nam, thiên tai nặng nề và ngày càng phức tạp, do đó Việt Nam rất có truyền thống và kinh nghiệm phòng chống thiên tai. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban, Ủy ban phòng, chống lụt bão các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do một Phó Chủ tịch tỉnh làm Trưởng ban, là một bộ máy hoàn chỉnh từ Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã, luôn phát huy sức mạnh nhờ sự chỉ huy thống nhất và dày dặn kinh nghiệm. Trong các hoạt động của dự án WB4, năng lực chỉ đạo của Chính phủ và sức mạnh của Ủy ban phòng, chống lụt, bão các cấp đã được thể hiện rất rõ.

*3.1.4-Việc lồng ghép nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai* vào quy hoạch tổng thể, từng dự án cụ thể về phát triển kinh tế-xã hội của các Bộ, ngành, địa phương. Đây là chủ trương rất sáng suốt của Chính phủ Việt Nam, được nêu trong Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, được xác định là một trong 13 Tiêu chí làm căn cứ đánh giá việc thực hiện Chiến lược này. Tiêu chí này đã được thể hiện rất rõ trong Hợp phần 4 của dự án WB4, lập “Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp” (INDRMP) của 12 tỉnh có lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế-xã hội của các tỉnh tham gia dự án. Mỗi bộ tài liệu này gồm 3 tập: Tập 1: Kế hoạch QLRRTT tổng hợp cuat Tỉnh đến năm 2020; Tập 2: Kế hoạch đầu tư; Tập 3: tập ATLAS bản đồ. Nhận thấy đây là sự thống nhất giữa Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và dự án Quản lý RRTT-WB4. Chính nhờ sự thống nhất này đã tác động mạnh mẽ đến

các hoạt động của dự án, và ngược lại các kết quả đầu ra của dự án là dẫn chứng sinh động chứng minh sự đúng đắn của Chiến lược quốc gia.

*3.1.5-Một số yếu tố khác ảnh hưởng đến thực hiện dự án WB4* thuộc phạm vi kiểm soát của Chính phủ, như: i)-Sự biến động của tỷ giá hối đoái USD/VNĐ và tình hình lạm phát gia tăng; ii)-Vốn đối ứng của Chính phủ như đã cam kết nhưng thủ tục thanh toán và giải ngân còn chậm; iii)-Vì nguồn vốn trong nước có hạn, việc đầu tư cứu trợ sau bão còn rất hạn chế, cho nên kết quả đầu ra của Hợp phần 3 cũng không đạt được như mong muốn.

## **3.2-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của Ngân hàng Thế giới**

*3.2.1-Về năng lực và sự hiểu biết của NHTG* về lĩnh vực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai: Ngân hàng Thế giới có kiến thức rộng lớn và có nhiều kinh nghiệm trong việc đối phó và xử lý rủi ro thiên tai ở hơn 30 quốc gia đang phát triển trong suốt hơn 2 thập kỷ qua, đồng thời cũng rất có kinh nghiệm liên kết hiệu quả giữa quản lý rủi ro thiên tai với thực hiện chiến lược quốc gia xoá đói giảm nghèo.

*3.2.2-Về uy tín của Ngân hàng Thế giới:* Vị trí lãnh đạo của Ngân hàng Thế giới trong khuôn khổ Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ và Chính phủ đã đem lại cơ hội đặc biệt để không những huy động nguồn vốn bổ sung mà còn giành được sự ủng hộ của giới chuyên môn quốc tế cho Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Việt Nam. Cụ thể là với khả năng lãnh đạo của mình, sự ủng hộ của Ngân hàng Thế giới đã tạo điều kiện cho sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trong suốt quá trình chuẩn bị cho lựa chọn những khu dân cư dễ bị ảnh hưởng và huy động vốn cho tái thiết các cơ sở hạ tầng công cộng sau thiên tai.

*3.2.3-Ngân hàng Thế giới là đồng Chủ tịch Nhóm đối tác Giảm nhẹ thiên tai (NDMP),* quan điểm của NHTG là luôn khuyến khích đầu tư cho các biện pháp phi công trình và sự tham gia cộng đồng.

## **3.3-Những yếu tố thuộc phạm vi kiểm soát của các tổ chức tài trợ không hoàn lại:**

Đối với cuộc chiến đấu phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam nói chung và dự án Quản lý rủi ro thiên tai nói riêng, vai trò của các tổ chức tài trợ không hoàn lại là rất to lớn. Kể từ khi hình thành Nhóm đối tác giảm nhẹ thiên tai đến khi lập dự án QLRRTT-WB4, và trong suốt quá trình thực hiện dự án đến nay, vai trò quan trọng và sự giúp đỡ hiệu quả của các tổ chức tài trợ không hoàn lại ngày càng được khẳng định. Sau đây là những yếu tố chủ yếu thuộc phạm vi kiểm soát của các tổ chức tài trợ không hoàn lại ảnh hưởng đến thực hiện dự án QLRRTT-WB4.

### *3.3.1-Sự hình thành Nhóm đối tác Giảm nhẹ thiên tai (NDMP):*

a)-Xuất xứ: Để đáp ứng nhu cầu của Chính phủ và đứng trước hậu quả của những thiên tai nghiêm trọng ở miền Trung Việt Nam, một Nhóm đối tác Giảm nhẹ thiên tai (NDMP) đã được thành lập năm 2002 với sự ủng hộ của Chương trình nhất triển

của Liên Hợp Quốc (UNDP) và đại sứ quán Vương quốc Hà Lan (RNE), trên cơ sở đồng thuận về cách tiếp cận Quản lý nguy cơ thiên tai đồng bộ và đa ngành. Đối tác sáng lập gồm có: Chính phủ Việt Nam mà đại diện là Bộ NN&PTNT, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan tại Hà Nội (RNE). Ba đối tác sáng lập này đã có nhiều nỗ lực trong việc thành lập Quan hệ đối tác chiến lược giảm nhẹ thiên tai tại miền Trung Việt Nam (Quan hệ đối tác NDM). Chính phủ Việt Nam cùng với các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ (NGO) đã ra Tuyên bố chung về các Mục tiêu của quan hệ đối tác NDM. Tiếp theo, Chính phủ Việt Nam phê chuẩn Biên bản thoả thuận (MOA) về Quan hệ đối tác NDM đối với miền Trung Việt Nam (tháng 6/2001).

b)-Quan điểm mới về biện pháp phi công trình và sự tham gia cộng đồng: Các nhà tài trợ, đặc biệt là Ngân hàng Thế giới với cương vị đồng Chủ tịch Nhóm đối tác đang tập hợp sự ủng hộ việc chuyển đổi của Chính phủ để khuyến khích đầu tư biện pháp phi công trình và huy động sự tham gia của cộng đồng, và việc này sẽ tiếp tục cố vũ cho cách tiếp cận rộng hơn trong hoạt động quản lý rủi ro thiên tai ở Việt Nam.

c)-Các Mục tiêu của Quan hệ đối tác:

-Mục tiêu 1: Quản lý và chia sẻ thông tin, kể cả những bài học, các kết quả thu được và các đề án trong tương lai giữa các cơ cấu tham gia nhằm cải thiện công tác điều phối trong lĩnh vực giảm nhẹ thiên tai; nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng nhằm giảm thiên tai một cách hiệu quả.

-Mục tiêu 2: Tư vấn cho Chính phủ về các vấn đề pháp lý, chính sách, chiến lược và những lĩnh vực ưu tiên về quản lý rủi ro thiên tai.

-Mục tiêu 3: Thúc đẩy sự phát triển lực thể chế về cách tiếp cận tổng hợp đối với việc giảm thiên tai ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thúc đẩy sự phát triển và tài trợ cho các dự án ưu tiên giảm nhẹ thiên tai.

3.3.2-Việc thành lập Quỹ uỷ thác do Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều quản lý: Có 5 cơ quan, tổ chức tài trợ cho Quỹ, gồm: UNDP, Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan (RNE), Đại sứ quán Úc (AusAID), Đại sứ quán Thụy Điển (SIDA) và Đại sứ quán Luxembourg. Quỹ sẽ tài trợ cho một Kế hoạch mới với khuôn khổ vận hành trong 3 năm tiếp theo (tháng 1/2005-tháng 12/2007). Việc này rất có ý nghĩa đối với dự án QLRRTT-WB4.

3.3.3-Mối liên kết giữa Quan hệ đối tác với dự án QLRRTT-WB4:

Nhóm cán bộ dự án của NHTG đã nhận được rất nhiều sự trợ giúp và hướng dẫn của Quan hệ đối tác trong suốt giai đoạn xác định và chuẩn bị dự án. Do đó, một số ưu tiên được Quan hệ đối tác xác định trong Giai đoạn chuẩn bị dường như cũng đã được kể đến trong dự án đề xuất này. Hơn nữa, dự án QLRRTT hoàn toàn phù hợp với các Mục tiêu và Chiến lược dự kiến của giai đoạn thứ hai của Quan hệ đối tác, và dự án cũng sẽ được hưởng lợi từ nhiều hoạt động do Quan hệ đối tác hỗ trợ thực hiện, gồm:

- a)-Cơ chế điều phối được cải thiện giữa Chính phủ, các nhà tài trợ và NGOs;
- b)-Tăng cường năng lực;
- c)-Chia sẻ thông tin và kiến thức.

### *3.3.4-Sự tài trợ của các nhà tài trợ không hoàn lại cho dự án QLRRTT-WB4:*

Khi thiết kế dự án QLRRTT-(WB4), đã nhận được sự tài trợ của Quỹ uỷ thác Hà Lan (NTF), Quỹ phát triển xã hội của Nhật Bản (JSDF), và Quỹ phát triển tài nguyên con người và Chính sách của Nhật Bản (PHRD). Cụ thể phân bổ nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của dự án QLRRTT-WB4 như sau:

+JSDF-Quỹ phát triển xã hội (Nhật Bản): 1,46 triệu USD

+PHRD-Quỹ phát triển tài nguyên con người và chính sách (Nhật Bản): 4,5 triệu USD

+NTF-Quỹ uỷ thác (Hà Lan): 6,5 triệu USD

Tổng cộng vốn tài trợ không hoàn lại cho dự án QLRRTT-WB4 là 12,46 triệu USD

## **3.4-Những yếu tố ngoài phạm vi kiểm soát của cơ quan thực hiện dự án và nhà tài trợ:**

### ***3.4.1-Đối với cơ quan quản lý thực hiện dự án:***

Các yếu tố sau đây được coi là ngoài phạm vi kiểm soát của cơ quan thực hiện dự án nhưng vẫn có thể tác động gây ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án QLRRTT-WB4:

i)-Yếu tố lạm phát là không tránh khỏi và ngoài tầm kiểm soát của Chính phủ, làm cho giá cả vật liệu xây dựng các loại cũng như giá nhân công tăng cao, giá công trình cũng vì thế mà tăng theo, nhiều trường hợp vượt giá dự toán công trình, gây khó khăn cho thi công công trình, chủ yếu là các TDA công trình thuộc Hợp phần 1

ii)-Các yếu tố không lường trước về kỹ thuật gặp phải trong quá trình thi công các TDA thuộc Hợp phần 1: đó là các trục trặc về kỹ thuật, các sự cố kỹ thuật không được đề cập đến trong các Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) của một vài TDA thuộc Hợp phần 1, ví dụ:TDA đê biển Ba Tri (tỉnh Bến Tre): một vài vị trí đê có nền đất mềm yếu, phải gia cố ngoài thiết kế, làm cho tiến độ bị chậm và giá công trình vượt dự toán; TDA cảng tránh trú bão Mỹ Á, sóng biển làm lún nứt tuyến đê pháai bắc và dòng chảy làm bồi lấp luồng ra vào cảng của tàu thuyền neo đậu tránh trú bão, biện pháp giải quyết nan giải, tốn kém và chậm tiến độ, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công.

iii)-Các rủi ro thiên tai ngày càng tăng, đồng thời vì ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cho nên công tác dự báo cũng ngày càng khó khăn, phức tạp hơn. Đây là yếu tố không chỉ ảnh hưởng quốc gia, mà còn ảnh hưởng vùng và toàn cầu.

iv)-Yếu tố ngoài tầm kiểm soát của cơ quan quản lý thực hiện dự án có ảnh hưởng đến thực hiện dự án còn phải kể đến sự phối hợp không đồng bộ giữa các Bộ, ngành được Chính phủ phân công tham gia dự án, gồm Bộ

chính, Bộ TN&MT. Bộ NN&PTNT và Bộ TC cùng được giao là 2 cơ quan điều hành dự án (Executing Agencies), đã có nhiều bất cập xảy ra; Bộ NN&PTNT là chủ dự án, Bộ TN&MT là bộ chuyên ngành tham gia dự án (TDA phi công trình “Quản lý và cảnh báo lũ ĐBSCL”, Hợp phần 1), sự điều hành giữa CPO-CPMO thuộc Bộ NN&PTNT với PCU thuộc Bộ TN&MT cũng luôn gặp nhiều trở ngại. Tất cả những trở ngại nêu trên là những bất cập trong bộ máy quản lý dự án.

v)-Trong quá trình thực hiện dự án, trình bộ cấp Xã là cấp cơ sở cũng một yếu tố ảnh hưởng dự án, làm chậm tiến độ và chất lượng của dự án. Đây là yếu tố ngoài tầm kiểm soát của cơ quan quản lý thực hiện dự án, không dễ khắc phục.

### **3.4.2-Đối với các nhà tài trợ**

Đối với dự án QLRRTT do Ngân hàng Thế giới tài trợ, gồm vốn vay của IDA và vốn tài trợ không hoàn lại của NTF, PHRD và JSBF. Xét những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của các nhà tài trợ có thể ảnh hưởng đến dự án, nhận thấy có những yếu tố sau đây:

i)-Mối liên hệ giữa các Bộ, ngành trong nước gồm MARD, MOF, MoNRE và WB: Không đồng bộ, phối hợp không chặt chẽ.

ii)-mối liên hệ giữa MARD và MOF: cả hai đều là “Executing Agencies”: Hợp phần 3 có nhiều khó khăn trong quản lý và điều hành, nhất là ở những dự án tài trợ tiếp theo sau khi WB4 kết thúc.

iii)-Trình độ quản lý và điều hành dự án của CPO, CPMO (thuộc MARD), của PPMUs thuộc các tỉnh có dự án.

## PHẦN IV: TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN

### 4.1-Khung phân tích tính bền vững của dự án:

Bên cạnh các chỉ số về phân tích kinh tế và phân tích tài chính dự án, tính bền vững của dự án là một yếu tố quan trọng khẳng định hiệu quả của dự án. Theo Hồ sơ thẩm định dự án (PAD, WB, tháng 6/2005), theo quan điểm của NHTG, tính bền vững của dự án QLRRTT-WB4 được xác định theo ba lĩnh vực sau:

- i)-Sự bền vững của dự án là sự bền vững của các lợi ích dự án (theo quan điểm “lợi ích-benefit”);
- ii)-Sự bền vững của dự án cũng còn là sự bền vững việc quản lý thiên tai ở cấp cộng đồng (theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”); và
- iii)-Sự bền vững của dự án còn được xác định bởi các Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường năng lực đảm bảo đủ điều kiện chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II trong khuôn khổ Chương trình giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam, gọi là “Possible Triggers”.

Trong mỗi lĩnh vực lại có nhiều yếu tố phụ thuộc. Sau đây là ba Khung phân tích tính bền vững của dự án QLRRTT theo ba quan điểm nói trên.

#### 4.1.1-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào lợi ích dự án:

**Bảng 4.1: Sự bền vững của các lợi ích dự án và các yếu tố phụ thuộc**

TT	Các yếu tố phụ thuộc	Tóm tắt
1	<i>Chính phủ thiết lập một quá trình hiệu quả nhằm xác định và cấp vốn cho đầu tư giảm nhẹ thiên tai, như là một phần của Chương trình đầu tư công cộng.</i>	+Xây dựng quy trình: - xác định - phân bổ vốn đầu tư giảm nhẹ thiên tai.
2	<i>Nâng cao cảnh báo sớm và các hệ thống truyền thông xuống đến cấp cộng đồng và dọc theo các khu vực ven biển.</i>	+Nâng cao: - dự báo - cảnh báo sớm - thông tin truyền thông
3	<i>Đưa vào vận hành cơ chế cấp vốn hiệu quả và kịp thời cho tái thiết sau thiên tai.</i>	+Cơ chế cấp vốn tái thiết: - hiệu quả - kịp thời
4	<i>Đưa ra các kế hoạch trợ giúp có mục tiêu và hiệu quả đối với các cộng đồng bị tác động bởi thiên tai.</i>	+Trợ giúp Cộng đồng bị thiên tai: - có mục tiêu - hiệu quả
5	<i>Xây dựng Khung Thể chế mạnh có thể điều phối Chiến lược quốc gia quản lý thiên tai theo cả hai hướng: vừa liên Bộ, ngành, vừa ở các cấp khác nhau của Chính phủ.</i>	+Khung thể chế mạnh: thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.



#### 4.1.2-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào sự tham gia cộng đồng:

**Bảng 4.2: Sự bền vững của quản lý thiên tai cấp cộng đồng và các yếu tố phụ thuộc**

TT	Các yếu tố phụ thuộc	Tóm tắt
1	<i>Sự tham gia có hiệu quả trong việc xác định các biện pháp giảm nhẹ thiên tai</i>	+Tham gia hiệu quả cộng đồng: -xác định biện pháp
2	<i>Xây dựng kỹ năng và năng lực của nam và nữ về các phương pháp tham gia cộng đồng</i>	+Phương pháp tham gia cộng đồng: -kỹ năng -năng lực
3	<i>Năng lực của cộng đồng tạo ra thu nhập cần thiết để vận hành và bảo dưỡng (O&amp;M) các công trình hạ tầng cơ sở quy mô nhỏ.</i>	+Năng lực của cộng đồng: tạo thu nhập cho O&M

#### 4.1.3-Khung phân tích tính bền vững của dự án dựa vào Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường năng lực để có thể đủ điều kiện chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam:

**Bảng 4.3: Các Chỉ tiêu cần đạt được để chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II**

TT	Các Chỉ tiêu chuyển Giai đoạn I sang Giai đoạn II	Tóm tắt
I-	<b><u>Chỉ tiêu phát triển chính sách:</u></b> <i>1-Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược</i> <i>2-Thông tư hướng dẫn về thống kê và đánh giá thiệt hại do thiên tai đã được điều chỉnh (Tổng cục Thống kê)</i> <i>3-Có ít nhất 10 tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp (IDRMPs)</i>	-Chiến lược quốc gia -Kế hoạch hành động -Thông tư hướng dẫn  -Kế hoạch QLRRTT Tổng hợp (IDRMPs)
II-	<b><u>Chỉ tiêu tăng cường năng lực:</u></b>  <i>4-Trung tâm quản lý thiên tai (DMC) như là Văn phòng thường trực của Ủy ban phòng chống lụt bão Trung ương (CCFSC)</i>  <i>5-Nghiên cứu đánh giá chi tiết về nhu cầu lập Trung tâm quản lý khẩn cấp (EMC)</i>  <i>6-Lập và sử dụng các Hướng dẫn và Tiêu chuẩn được IDA chấp nhận để ưu tiên phân bổ nguồn vốn trợ giúp sau thiên tai.</i>	-DMC-Office of CCFSC  -Emergency Management Center (EMC)  -Hướng dẫn -Tiêu chuẩn

## 4.2-Đánh giá tính bền vững của các Hợp phần dự án:

Nhằm mục đích đánh giá tính bền vững của từng Hợp phần trong dự án QLRRTT-WB4, tiến hành phương pháp lập bảng như sau:

-Ứng với mỗi Khung phân tích tính bền vững dự án, sẽ kết hợp kèm theo là 4 Hợp phần của dự án QLRRTT, qua đó dễ dàng xác định được mỗi yếu tố phụ thuộc của Khung phân tích có liên quan như thế nào với 4 Hợp phần dự án.

-Căn cứ vào sự tương hợp của mỗi liên quan đó, phân tích và làm rõ tính bền vững của mỗi Hợp phần dự án.

-Dựa vào kết riêng của mỗi Hợp phần, có thể đưa đến kết luận chung về tính bền vững của toàn dự án QLRRTT-WB4

Sau đây là các Bảng phân tích đánh giá tính bền vững theo 2 quan điểm nói trên: Quan điểm “Lợi ích dự án” và quan điểm “Tham gia cộng đồng”.

4.2.1-Hợp phần 1: Đầu tư phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai

4.2.2-Hợp phần 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM)

4.2.3-Hợp phần 3: Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai

4.2.4-Hợp phần 4: Quản lý dự án và tăng cường thể chế

Các phân tích về tính bền vững của dự án QLRRTT-WB4 theo mỗi Hợp phần dựa vào các Khung phân tích của ba quan điểm trên được thể hiện trong các Bảng sau:

+Bảng 4.4: Phân tích tính bền vững của các Hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”

+Bảng 4.5: Phân tích tính bền vững của các Hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”

+Bảng 4.6: Phân tích tính bền vững của các Hợp phần theo các Chỉ tiêu Phát triển chính sách và Chỉ tiêu Tăng cường năng lực.



Created with

 **nitro**<sup>PDF</sup> professional

download the free trial online at [nitropdf.com/professional](https://nitropdf.com/professional)

**Bảng 4.4: Phân tích tính bền vững của các Hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”**

Sự bền vững của các lợi ích dự án phụ thuộc vào hàng loạt yếu tố sau:	<b>Hợp phần 1:</b> <i>Đầu tư giảm nhẹ và ngăn ngừa thiên tai.</i>	<b>Hợp phần 2:</b> <i>Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.</i>	<b>Hợp phần 3:</b> <i>Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai.</i>	<b>Hợp phần 4:</b> <i>Quản lý dự án và tăng cường thể chế.</i>	Ghi chú
1-Chính phủ thiết lập một Quá trình có hiệu quả nhằm xác định và phân bổ vốn cho đầu tư giảm nhẹ thiên tai và được coi như là một phần của Chương trình đầu tư công.	Đầu tư cho biện pháp công trình: 11 TDA công trình		Thiết lập Quy trình thực hiện HP3 do Bộ TC quản lý và điều phối.	IDRMPs lồng ghép với các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của 12 tỉnh.	
2-Nâng cao năng lực cảnh báo sớm và đưa hệ thống truyền thông xuống đến cấp cộng đồng và các vùng dọc theo ven biển.	-Đầu tư Phi công trình (TDA đài KH-TN Nam Bộ, dự báo lũ khu vực ĐBSCL).			3 Tiểu hợp phần, trong đó trọng tâm là Tiểu hợp phần 3.	<i>Tiểu hợp phần 3:</i> Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai
3-Đưa vào vận hành cơ chế tài trợ kịp thời và hiệu quả cho tái thiết sau thiên tai.			Cơ chế vận hành HP3 đã mở ra kênh tài trợ quốc tế hỗ trợ tái thiết sau thiên tai tiếp theo lâu dài sau khi HP3 của WB4 kết thúc.	Trọng tâm là Tiểu hợp phần 1 (hỗ trợ kỹ thuật và quản lý dự án)	<i>Tiểu hợp phần 1:</i> Hỗ trợ kỹ thuật và quản lý dự án
4-Đưa ra các Kế hoạch trợ giúp có mục tiêu và hiệu quả đối với các cộng đồng bị tác động của thiên tai.		-30 xã lập SCPs -Nâng cao nhận thức người dân về phòng tránh rủi ro thiên tai.	-Xác định các cộng đồng bị tác động của thiên tai làm cơ sở hỗ trợ tái thiết.	Trọng tâm là Tiểu hợp phần	<i>Tiểu hợp phần 3:</i> Tăng cường

<p>5-Xây dựng Khung thể chế mạnh nhằm điều phối Chiến lược quốc gia quản lý rủi ro thiên tai, giữa các Bộ, ngành và giữa các cấp khác nhau của cơ quan Chính phủ.</p>	<p>Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia: <u>7 Ch.tr. Phi công trình và 7 Ch.tr. Công trình</u></p>	<p>Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai: Kế hoạch hành động có <i>Ch .tr. nâng cao nhận thức cộng đồng</i></p>		<p>Trọng tâm là Tiêu hợp phần 2 (tăng cường thể chế và đào tạo)</p>	<p><u>Tiêu hợp phần 2:</u> Tăng cường thể chế và đào tạo.</p>
---	--	--	--	---	---

**Bảng 4.5: Phân tích tính bền vững của các Hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”**

<p>Sự bền vững của Quản lý thiên tai ở cấp Cộng đồng phụ thuộc vào một số yếu tố sau:</p>	<p><b>Hợp phần 1:</b> <i>Đầu tư ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai. (Gồm Biện pháp công trình và phi công trình)</i></p>	<p><b>Hợp phần 2:</b> <i>Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.</i></p>	<p><b>Hợp phần 3:</b> <i>Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai.</i></p>	<p><b>Hợp phần 4:</b> <i>Quản lý dự án và tăng cường thể chế, gồm THP1: Quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật cho các cơ quan thực hiện DA; THP2: Tăng cường thể chế; THP 3: Nâng cao khả năng quản lý RRTT.</i></p>	<p>Ghi chú:</p>
<p>1-Sự tham gia cộng đồng có hiệu quả trong việc xác định các biện pháp giảm nhẹ thiên tai.</p>		<p>Giúp xác định biện pháp giảm nhẹ thiên tai phù hợp thông qua lập các Kế hoạch làng, xã an toàn hơn (SVP, SCP)</p>	<p>Giúp xác định và đánh giá tổn thất sau thiên tai.</p>	<p><u>THP2</u>: tăng cường thể chế thông qua việc lập các IDRMPs và lồng ghép với các Kế hoạch phát triển của địa phương.</p>	
<p>2-Xây dựng kỹ năng và năng lực của nam và nữ về các phương pháp tham gia cộng đồng.</p>	<p>11 TDA Công trình: Giám sát thực hiện các kế hoạch quản lý môi trường (EMPs) và kế hoạch hành động tái định cư (RAPs)</p>	<p>Nâng cao hiểu biết và nhận thức về phòng tránh thiên tai.</p>	<p>Nhờ kỹ năng và năng lực cá nhân đã được huấn luyện, có thể giúp người dân giảm được thiệt hại do thiên tai.</p>		
<p>3-Năng lực của các Cộng đồng có thể tạo ra thu nhập cần thiết để vận hành và bảo dưỡng</p>	<p>11 TDA Công trình: tham gia bảo vệ các</p>	<p>Có thể sáng tạo những biện</p>	<p>Sau khi cơ sở hạ tầng được</p>		

<i>(O&amp;M) các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ.</i>	công trình cơ sở hạ tầng (đường tránh, cầu...)	pháp phù hợp cho vận hành và bảo dưỡng (O&M) với công trình hạ tầng nhỏ.	khôi phục, cộng đồng tham gia vận hành, bảo vệ và bảo dưỡng, duy tu (O&M)		
---	--	--	---	--	--



**Bảng 4.6: Phân tích các Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường năng lực:**

Các chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường năng lực	<u>Hợp phần 1:</u> <i>Đầu tư ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai</i>	<u>Hợp phần 2:</u> <i>Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng</i>	<u>Hợp phần 3:</u> <i>Tài thiết sau thiên tai</i>	<u>Hợp phần 4:</u> <i>Quản lý dự án và Tăng cường thể chế</i>	Ghi chú
<b><u>I-Chỉ tiêu phát triển chính sách:</u></b>					
1-Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2010 và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược: Chính phủ phê duyệt, Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007	Đầu tư : Biện pháp công trình và Phi công trình	Kế hoạch làng, xã an toàn hơn: SVPs ; SCPs	-Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá thiệt hại, thông kê thiệt hại do thiên tai	Biện pháp phi công trình: -Quản lý dự án -Tăng cường thể chế	
2-Thông tư hướng dẫn về thống kê và đánh giá thiệt hại do thiên tai đã điều chỉnh (Tổng cục Thống kê)			-Đánh giá thiệt hại; Thống kê thiệt hại		
3-Có ít nhất 10 tỉnh lập và phê duyệt Kế hoạch QLRRTT tổng hợp (IDRMP)				12 tỉnh lập và phê duyệt Kế hoạch QLRRTT tổng hợp (IDRMPs)	
<b><u>II-Chỉ tiêu tăng cường năng lực:</u></b>					
1-Trung tâm quản lý thiên tai (DMC) là Văn phòng thường trực của Ủy ban phòng chống lụt bão TW được tăng cường.				DMC: Văn phòng Ủy ban phòng chống lụt bão TW (CCFSC)	
2-Một nghiên cứu đánh giá chi tiết về nhu cầu lập Trung tâm quản lý khẩn cấp (EMC) được hoàn thành.				EMC:	
3-Thành lập và sử dụng các Hướng dẫn và các Tiêu chuẩn được IDA chấp nhận để xét ưu			Sử dụng Hướng dẫn và		

<i>tiên phân bổ nguồn vốn hỗ trợ sau thiên tai.</i>			Tiêu chuẩn do IDA chấp nhận để xét ưu tiên phân bổ vốn hỗ trợ sau thiên tai		
---	--	--	---	--	--

### 4.3-Đánh giá chung về tính bền vững của dự án QLRRTT-WB4:

Như trên đã trình bày ở các Bảng 4.4, 4.5 và 4.6, theo phương pháp lập bảng, đã xác định được tính bền vững của mỗi Hợp phần dự án bằng cách xác định mối quan hệ giữa Hợp phần đó với các yếu tố chi phối của 3 Khung phân tích tính bền vững. Sau đây phân tích để làm rõ thêm tính bền vững của mỗi Hợp phần:

#### 4.3.1-Tính bền vững của Hợp phần 1 (*Đầu tư phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai*):

+**Bảng 4.4:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”, có 5 yếu tố chi phối, Hợp phần 1 đáp ứng được yếu tố (1), (2) và (5), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 1 theo quan điểm “Lợi ích dự án”

+**Bảng 4.5:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”, có 3 yếu tố chi phối, Hợp phần 1 đáp ứng được yếu tố (2) và (3), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 1 theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”.

+**Bảng 4.6** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường thể chế, có 6 yếu tố chi phối, Hợp phần 1 đáp ứng được yếu tố (1) về đầu tư cho các biện pháp công trình (11 TDA) và biện pháp phi công trình (1 TDA).

#### 4.3.2-Tính bền vững của Hợp phần 2 (*Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*):

+**Bảng 4.4:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”, có 5 yếu tố chi phối, Hợp phần 2 đáp ứng được yếu tố (4) và (5) thể hiện tính bền vững của Hợp phần 2 theo quan điểm Lợi ích dự án.

+**Bảng 4.5:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”, có 3 yếu tố chi phối, Hợp phần 2 đáp ứng được cả 3 yếu tố (1, 2 và 3) thể hiện tính bền vững của Hợp phần 2 theo quan điểm Tham gia cộng đồng.

+**Bảng 4.6:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường thể chế, có 6 yếu tố chi phối, Hợp phần 2 đáp ứng được yếu tố 1 về lập Kế hoạch làng, xã an toàn hơn (SVPs và SCPs) thể hiện tính bền vững của Hợp phần 2 theo chỉ tiêu phát triển chính sách và tăng cường thể chế.

#### 4.3.3-Tính bền vững của Hợp phần 3 (*Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai*):

+**Bảng 4.4:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”, có 5 yếu tố chi phối, Hợp phần 3 đáp ứng được yếu tố (1), (3) và (4) thể hiện tính bền vững của Hợp phần 2 theo quan điểm Lợi ích dự án.

+**Bảng 4.5:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”, có 3 yếu tố chi phối, Hợp phần 3 đáp ứng được cả 3 yếu tố (1, 2 và 3), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 3 theo quan điểm Tham gia cộng đồng.

+**Bảng 4.6:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường thể chế, có 6 yếu tố chi phối, Hợp phần 3 đáp ứng được yếu tố (1) và (6), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 3 theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và tăng cường thể chế.

4.3.4-Tính bền vững của Hợp phần 4 (*Quản lý dự án và tăng cường thể chế*):

+**Bảng 4.4:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Lợi ích dự án”, có 5 yếu tố chi phối, Hợp phần 4 đáng ứng được cả 5 yếu tố (1, 2, 3, 4, và 5), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 4 theo quan điểm Lợi ích dự án.

+**Bảng 4.5:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo quan điểm “Tham gia cộng đồng”, có 3 yếu tố chi phối, Hợp phần 4 đáp ứng được yếu tố (1), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 4 theo quan điểm Tham gia cộng đồng.

+**Bảng 4.6:** Phân tích tính bền vững của hợp phần theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và Chỉ tiêu tăng cường thể chế, có 6 yếu tố chi phối, Hợp phần 4 đáp ứng được yếu tố (1), (3) và (4), thể hiện tính bền vững của Hợp phần 4 theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và tăng cường thể chế.

**Bảng 4.7: Tổng hợp đánh giá tính bền vững của Hợp phần dự án theo 3 Khung phân tích**

Hợp phần	Các yếu tố chi phối tính bền vững của Hợp phần		
	Khung phân tích “Lợi ích dự án” ( <i>Bảng 4.3</i> ), có 5 yếu tố chi phối tính bền vững	Khung phân tích “Tham gia cộng đồng” ( <i>Bảng 4.4</i> ), có 3 yếu tố chi phối tính bền vững	Khung phân tích theo Chỉ tiêu phát triển chính sách và tăng cường thể chế ( <i>Bảng 4.5</i> ), có 6 yếu tố chi phối tính bền vững
HP1	-Đạt yếu tố 1, 2 và 3 -Cộng: đạt tỷ lệ 3/5	-Đạt yếu tố 2 và 3 -Cộng: đạt tỷ lệ 2/3	-Đạt yếu tố 1 -Cộng: đạt tỷ lệ 1/6
HP2	-Đạt yếu tố 4 và 5 -Cộng: đạt tỷ lệ 2/5	-Đạt yếu tố 1, 2, và 3 -Cộng: đạt tỷ lệ 3/3	-Đạt yếu tố 1 -Cộng: đạt tỷ lệ 1/6
HP3	-Đạt yếu tố 1, 3 và 4 -Cộng: đạt tỷ lệ 3/5	-Đạt yếu tố 1, 2 và 3 -Cộng: đạt tỷ lệ 3/3	-Đạt yếu tố 1 và 6 -Cộng: đạt tỷ lệ 2/6
HP4	-Đạt yếu tố 1, 2, 3, 4, và 5 -Cộng: đạt tỷ lệ 5/5	-Đạt yếu tố 1 -Cộng: đạt tỷ lệ 1/3	-Đạt yếu tố 1, 3 và 6 -Cộng: đạt tỷ lệ 3/6

## PHẦN V: NHỮNG BÀI HỌC

Về những bài học kinh nghiệm được rút ra đối với dự án QLRRTT-WB4 có thể tập trung trong một số nhóm vấn đề như sau: i)-Về việc lập dự án; ii)-Nghiên cứu khả thi các TDA thuộc Hợp phần 1; iii)-Bài học về thực hiện dự án; iv)-Về việc quản lý tài chính dự án, và v)-Về giám sát và đánh giá thực hiện dự án (M&E).

### **5.1-Những bài học về thiết kế dự án:**

5.1.1-Các dự án tái thiết và trợ giúp khẩn cấp cần xác định quy hoạch toàn diện dài hạn về giảm nhẹ mối nguy và các biện pháp giảm tổn thất, như là một mục tiêu chính. Những dự án tập trung chủ yếu vào các biện pháp cứu trợ thiên tai ngắn hạn và tái thiết mà không đề cập đến sự cần thiết phải giảm thiểu, phòng bị và ngăn ngừa thảm họa, thì về lâu dài khó có thể làm giảm tổn thương.

5.1.2-Để thực hiện một chương trình toàn diện quản lý rủi ro thiên tai, đòi hỏi thiết lập một nền tảng thể chế đầy đủ. Ở nhiều quốc gia, việc quản lý thiên tai là nhiệm vụ chung của nhiều Bộ và được điều phối bởi một cơ quan chung. Tuy thế, một bài học chủ yếu là việc này làm tốt nhất ở những nơi: a)-khi cơ quan điều phối đóng vai trò lãnh đạo quốc gia, nhấn mạnh cách tiếp cận từ dưới lên trên và có sự tham gia của tất cả mọi người liên quan; và b)-có một khung quy hoạch vận hành, trong đó bao gồm các yêu cầu về nguồn lực và mô tả nhiệm vụ rõ ràng.

5.1.3-Những nỗ lực tái thiết phải bao gồm các biện pháp giảm nhẹ được thực hiện dựa trên sự đánh giá thiệt hại chắc chắn để đảm bảo rằng các biện pháp thích đáng đang được thực hiện và các yếu tố chủ yếu gây ra thảm họa đang được giải quyết. Việc đánh giá thảm họa cần phải được nghiên cứu trong điều kiện địa phương và phải cụ thể về kỹ thuật để đảm bảo rằng có chút xíu hiểu lầm về các vấn đề và sự cần thiết.

5.1.4-Trong một dự án quản lý thiên tai thường có khuynh hướng trải rộng về địa lý và muốn bao trùm quá nhiều vấn đề trong một dự án. Điều đó làm giảm ảnh hưởng đến bất kỳ một lĩnh vực riêng nào và làm cho tính bền vững của dự án bị giảm xuống.

5.1.5-Sự tham gia tích cực của các cộng đồng địa phương vào các hoạt động quản lý thiên tai, gồm cả các nỗ lực trước và sau thiên tai, là quan trọng để đảm bảo sự bền vững lâu dài của các chương trình và để các cộng đồng địa phương có khả năng đối phó tốt hơn với những thảm họa trong tương lai. Nghiên cứu chỉ ra rằng khả năng hồi phục nhanh của các cộng đồng có được từ việc giảm nguy cơ tổn thương do tác động của thiên tai và tăng cường năng lực để đối phó khi thiên tai xuất hiện. Cộng đồng địa phương cố gắng quản lý rủi ro cần phải là một khối nền tảng vững chắc trong các hoạt động quản lý thiên tai, được hỗ trợ bởi Khung chiến lược và liên kết về pháp lý để thực hiện các hoạt động cần thiết.

5.1.6-Nhất thiết phải đảm bảo rằng những cơ chế tài chính phù hợp tại giai đoạn mở đầu của một dự án tái thiết đảm bảo rằng sự khôi phục được

khung tín dụng và mua sắm đã thiết lập cần phải mềm dẻo nhưng chặt chẽ và nhanh chóng tránh sự trì hoãn thực hiện vì các thủ tục quản trị. Sự trợ giúp đúng lúc sẽ tạo ra thiện chí và hỗ trợ cho dự án.

## 5.2-Nghiên cứu khả thi (F/S) các TDA thuộc Hợp phần 1:

### 5.2.1-Đặt vấn đề:

Hợp phần 1 với nội dung “Đầu tư ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai”, gồm biện pháp công trình với 11 TDA và biện pháp phi công trình 1 TDA. Theo quy định, tất cả 12 TDA đều phải lập báo cáo Nghiên cứu khả thi (F/S) theo mẫu bắt buộc của WB gồm 10 chương, cụ thể như sau:

- Chương I : Tóm tắt
- Chương II : Những tác động của thiên tai
- Chương III : Mô tả dự án
- Chương IV : Các phân tích tài liệu và thuyết minh
- Chương V : Giải pháp kỹ thuật đề xuất
- Chương VI : Phân tích về xã hội và nhu cầu tái định cư
- Chương VII : Đánh giá tác động môi trường
- Chương VIII : Phân tích về kinh tế
- Chương IX : Tiến độ thực hiện
- Chương X : Kết luận và kiến nghị

Mỗi Nghiên cứu khả thi (F/S) tối thiểu phải bao gồm 5 nội dung : a) Lý do đầu tư; b)-Quy mô các hoạt động theo các giải pháp đầu tư được chọn; c)-Cơ chế thực hiện; d)-Tuyển dụng tư vấn thiết kế và đấu thầu mua sắm; và e)-Các tài liệu về an toàn môi trường và xã hội.

Mỗi Nghiên cứu khả thi (F/S) sẽ được IDA xem xét trước khi thực hiện nhằm bảo đảm tính nhất quán về mục đích, quy mô các hoạt động và kết quả đầu ra. Đặc biệt việc thực hiện các công trình xây lắp sẽ tuân thủ theo Nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt, gồm 4 nội dung: a)-Tư vấn về đấu thầu mua sắm và tư vấn thiết kế; b)-Khảo sát và điều tra hiện trường và thiết kế kỹ thuật chi tiết; c)-Lập hồ sơ thầu; và d)-Thi công và kiểm soát chất lượng công trình xây lắp.

Tuy quy định của WB chặt chẽ như vậy, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ báo cáo khả thi (F/S) của 12 TDA thuộc Hợp phần 1, có thể rút ra những bài học say đây.

### 5.2.2-Bài học về việc không tuân theo Mẫu F/S của WB:

**Bảng 5.1: Đánh giá việc lập báo cáo Nghiên cứu khả thi 12 TDA Hợp phần 1**

Tiểu dự án	Tỉnh	Công ty tư vấn	So với Mẫu F/S của WB
I-Biện pháp công trình			
1-Cảng tránh trú bão Mỹ Á	Quảng Ngãi	Viện xây dựng công trình biển (9/2007)	9 Chương, Không theo Mẫu F/S
2-Cảng tránh trú bão Phú Hải	Thừa Thiên Huế	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng cảng-đường thủy (TEDI-PORT) 2008	8 Chương, Không theo Mẫu F/S

3-Cảng tránh trú bão An Hoà	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty tư vấn xây dựng công trình thuỷ I (7/2007)	14 Chương, Khác hẳn Mẫu F/S
4-Cảng tránh trú bão Cửa Gianh	Quảng Bình	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng giao thông thuỷ	8 Chương, <b><u>Gần đúng Mẫu F/S</u></b>
5-Cảng tránh trú bão Cửa Sót	Hà Tĩnh	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và dịch vụ TC, VINASHIN (VIBC)	8 Chương, <b><u>Gần đúng Mẫu F/S</u></b>
6-Nâng cấp hồ chứa Vực Mầu	Nghệ An	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thuỷ lợi Nghệ An (2005)	<b><u>10 Chương,</u></b> <b><u>Gần đúng Mẫu F/S</u></b>
7-Trạm bơm tiêu úng Cầu Khai	Thanh Hoá		11 Chương <b><u>Gần đúng Mẫu F/S</u></b>
8-Chống lũ vùng trũng Hải Lăng	Quảng Trị	Công ty tư vấn và chuyên giao công nghệ-Đại học Thuỷ lợi Hà Nội (2008)	<b><u>10 Chương</u></b> <b><u>Theo rất đúng Mẫu F/S</u></b>
9-Kè sông Tiên thị trấn Hồng Ngự	Đồng Tháp	Trung tâm tư vấn kỹ thuật Đê điều (Cục PCLB&QLĐ)	7 Chương, Không theo Mẫu F/S
10-Đê biển Ba Tri	Bến Tre	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thuỷ lợi II (6/2008)	5 Chương, Không theo Mẫu F/S
11-Cải tạo hệ thống tiêu tuyến đường sắt Bắc-Nam	8 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, TT Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Quảng Bình, Quảng Trị	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Giao thông vận tải.	8 Phần, Không theo Mẫu F/S
12-Phi công trình: Tăng cường năng lực cảnh báo và giám sát lũ lụt Đông bằng sông Cửu Long.	Các tỉnh vùng lũ ĐBSCL	(12/2005)	9 Chương, <b><u>Gần đúng Mẫu F/S</u></b>

Nhận xét: Trong 12 TDA thuộc Hợp phần 1:

- Duy nhất chỉ có TDA chống lũ vùng trũng huyện Hải Lăng (Quảng Trị) tuân thủ đúng Mẫu F/S của WB, tỷ lệ 1/12 (8,3%), là quá thấp.
- Gần giống với Mẫu F/S của WB: 5 TDA, gồm: Cửa Gianh, Cửa Sót, Cầu Khai, Vực Mầu và Cảnh báo lũ ĐBSCL, tỷ lệ 5/12 (41,7%).
- Nếu gộp cả 6 TDA trên: tỷ lệ theo đúng và gần đúng Mẫu F/S của WB là 50%.

- Còn lại 6 TDA lập Nghiên cứu khả thi nhưng không theo Mẫu quy định của WB, chiếm 50%, gồm: Mỹ Á, Phú Hải, An Hoà, Hồng Ngự và Ba Tri.

Kết quả trên một mặt thể hiện trình độ yếu kém của các công ty tư vấn thiết kế trong nước, không theo kịp yêu cầu hội nhập với các quy định của quốc tế trong các dự án ODA; mặt khác cũng thể hiện trình độ quản lý của các cơ quan trong nước, mà trước hết là CPO, CPMO và PPMUs. Rất cần rút kinh nghiệm cho các dự án ở Giai đoạn II.

### **5.2.3-Tính chuyên nghiệp của các công ty tư vấn thiết kế F/S:**

Các công ty tư vấn tham gia lập Nghiên cứu khả thi 12 TDA nói trên đã thể hiện tương đối rõ tính chuyên sâu theo chuyên ngành, tư vấn cảng thiết kế 5 cảng tránh trú bão là phù hợp, tư vấn thủy lợi thiết kế hồ chứa, trạm bơm hoặc công trình tiêu úng là phù hợp. Bài học kinh nghiệm này nếu biết duy trì sẽ rất tốt cho các dự án Giai đoạn II.

### **5.2.4-Về ngôn ngữ bản dịch tiếng Anh:**

Kinh nghiệm được rút ra như sau:

- Các công ty tư vấn cần chú trọng hơn nữa công tác dịch thuật, sau khi dịch xong một tài liệu cần nộp cho WB, nên thuê dịch vụ hiệu đính (Editing) để nâng tính chuyên nghiệp của tài liệu dịch.

- Về con số: chú ý phân biệt dấu chấm trong tiếng Việt là dấu phẩy trong tiếng Anh, và dấu phẩy trong tiếng Việt lại là dấu chấm trong tiếng Anh. Quy định này hay bị nhầm lẫn, ngay cả trong một số tài liệu của CPO, CPMO. Đề nghị hết sức lưu ý.

### **5.3-Thực hiện dự án:**

Việc thực hiện dự án QLRRTT được tiến hành dựa vào bộ máy dự án liên ngành và phân cấp từ Trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã). Trong quá trình thực hiện, bộ máy quản lý dự án luôn kết hợp với bộ máy quản lý thiên tai có sẵn ở các cấp để thực hiện các hoạt động dự án và đạt được kết quả đầu ra. Với quan điểm tổng thể, có thể rút ra những bài học sau đây về thực hiện dự án.

#### **5.3.1-Sự ra đời Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai:**

Sau khi dự án QLRRTT thực hiện được 1 năm, ngày 16/11/2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Đây thực sự là bước tiến đáng kể tăng cường thể chế phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam, tạo thêm sức mạnh tổng hợp thực hiện thành công dự án QLRRTT-WB4. Ban hành kèm theo còn có Kế hoạch hành động nhằm thực hiện Chiến lược, trong đó cụ thể hoá biện pháp phi công trình với 7 chương trình cụ thể và biện pháp công trình với 7 chương trình cụ thể. Đồng thời về “Tổ chức thực hiện”, Chính phủ giao Bộ NN&PTNT và Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Chiến lược này. Trong khi đó, Bộ NN&PTNT được Chính phủ giao



là chủ dự án QLRRTT-WB4, là cơ quan điều hành dự án (Executing Agency), có bộ máy trực tiếp quản lý thực hiện dự án là CPO và CPMO.

Vì vậy có thể nói Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ra đời cùng với sự song hành của hai nhiệm vụ đặt trong cùng Bộ NN&PTNT: Bộ và Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương chủ trì tổ chức thực hiện Chiến lược và thực hiện dự án QLRRTT là một thuận lợi lớn trong quá trình thực hiện dự án và tạo đà chuyển sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam.

### **5.3.2-Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành ở cấp Trung ương và phối hợp thiếu hiệu quả giữa các cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh:**

Như đã biết, trong cơ chế bộ máy thực hiện dự án QLRRTT, ngoài Ban quản lý dự án CPMU trực tiếp đặt dưới CPO của Bộ NN&PTNT, còn có các Ban QLDA của các Bộ liên quan, như:

- Ban QLDA Bộ Giao thông vận tải : PMU đường sắt
- Ban QLDA Bộ Tài nguyên và Môi trường: PMU Tài nguyên & Môi trường
- Ban QLDA Bộ Tài Chính: PMU Tài chính

và với các tỉnh có Tiểu dự án Hợp phần 1: Ban QLDA tỉnh là PPMU.

Trong những trường hợp trên, để các Ban QLDA của các Bộ và CPO/CPMO của Bộ NN&PTNT phối hợp hài hoà hơn, nhất thiết Ban Điều hành dự án của Bộ NN&PTNT (Executing Agency of MARD) phải điều chỉnh phương thức hoạt động của bộ máy quản lý dự án cấp Trung ương. Đối với bộ máy quản lý dự án của các tỉnh, CPO/CPMO cũng phải phát hiện và điều chỉnh phương thức hoạt động của các PPMU của các tỉnh. Bài học này cũng rất cần được tổng kết để rút kinh nghiệm cho các dự án ở Giai đoạn II.

### **5.3.3-Về việc có hai cơ quan điều hành (Two Executing Agencies):**

Theo Văn kiện dự án, trong cơ cấu tổ chức quản lý dự án QLRRTT-WB4 có hai cơ quan điều hành (Executing Agency): i)-Cơ quan điều hành thứ nhất là Bộ NN&PTNT, là cơ quan điều hành các Hợp phần 1, 2 và 4 của dự án (theo Quyết định số 4487-TB/BNN-VP ngày 20/12/2004, Bộ NN&PTNT đã giao cho Ban quản lý trung ương các dự án thuỷ lợi (CPO) quản lý dự án này và Cục phòng chống lụt bão và quản lý đê điều (DDMSFC) chịu trách nhiệm thẩm định kỹ thuật, hướng dẫn, giám sát tổng thể việc thực hiện dự án); ii)Cơ quan điều hành thứ hai là Bộ Tài chính, thông qua Vụ Ngân sách và Cục Kho bạc Nhà nước, là các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện Hợp phần 3 của dự án.

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm quản lý các dự án vốn vay quốc tế, phía trong nước chỉ nên có một cơ quan điều hành dự án, mới đảm bảo sự điều hành thống nhất toàn dự án về không gian, thời gian và liên ngành, liên bộ, liên vùng. Bộ Tài chính với chức năng riêng, vẫn quản lý Hợp phần 3 về mặt vốn tài trợ cho tái thiết, nhiệm vụ đánh giá thiệt hại và lập hồ sơ kỹ thuật cho nguồn vốn tài trợ tái thiết vẫn thuộc Bộ NN&PTNT, thì hợp lý hơn. Và do đó vai trò là cơ quan điều hành toàn bộ dự án

QLRRTT thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính cũng sẽ như bất kỳ Bộ, ngành nào khác được Chính phủ phân công tham gia dự án này. Song song đồng thời tồn tại hai cơ quan trong nước cùng là cơ quan điều hành (Executing) là không phù hợp.

### **5.3.4-Hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai**

a)-Phương thức đánh giá thiệt hại do thiên tai và cách chuyển vốn cho các hoạt động Hợp phần 3: Hợp phần 3 được thiết kế nhằm góp phần giải quyết tình trạng mất cân đối thường xảy ra trong việc phân bổ các nguồn vốn công để tái thiết sau thiên tai. Hợp phần này nhằm mục đích tạo ra một quỹ giải ngân nhanh để tài trợ cho công tác tái thiết sau thiên tai đối với các cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ, hỗ trợ phục hồi nhanh chóng và giảm bớt tình trạng sử dụng vốn đầu tư phát triển các công trình mới vốn đã hạn chế cho công tác tái thiết.

Về cơ chế thực hiện, Bộ Tài chính (MOF) chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện Hợp phần này và Vụ Ngân sách Nhà nước (SBD) và Kho bạc Nhà nước (STD) được giao thực hiện nhiệm vụ này. Bộ Tài chính mở một tài khoản đặc biệt tại một ngân hàng thương mại nhà nước đã được WB chấp nhận, và chỉ được phép sử dụng khoản tín dụng của IDA để thực hiện các mục đích của Hợp phần này. MOF là chủ tài khoản và Kho bạc Nhà nước là bên ký kết.

+Về quyết định tài trợ từ Hợp phần 3: Khi thiên tai xảy ra, căn cứ vào Báo cáo đánh giá thiệt hại của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Báo cáo của UBPCCLBTW về thiệt hại sau thiên tai trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ đề xuất lên Thủ tướng Chính phủ mức hỗ trợ từ 2 nguồn là dự phòng ngân sách trung ương và nguồn hỗ trợ từ Hợp phần 3. Đối với các tỉnh hoặc Bộ được sử dụng vốn từ Hợp phần 3, ngoài việc tuân thủ theo các thủ tục trong nước sẽ phải đáp ứng các yêu cầu và thủ tục của NHTG như đã quy định trong Sổ tay hoạt động Hợp phần 3.

+Về xác định ban đầu đối với các TDA được đề xuất: Ngay khi Thủ tướng Chính phủ thông qua việc sử dụng tài trợ từ Hợp phần 3, Bộ Tài chính sẽ yêu cầu các tỉnh/Bộ chủ quản liên quan lập danh sách các TDA theo tiêu chí hợp lệ được quy định tại Phần 2.3. Thông tin tổng quát về các TDA được đề xuất cần bao gồm địa điểm của TDA, một số thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đề nghị khôi phục, khái toán sơ bộ về chi phí. (Mẫu danh mục dự án đề xuất xem Phụ lục 2).

+Xem xét tính hợp lệ của các TDA đề xuất sử dụng vốn Hợp phần 3: Trên cơ sở Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng nguồn vốn tái thiết sau thiên tai của Hợp phần 3, Bộ Tài chính xem xét tính hợp lệ của các TDA sử dụng nguồn tái thiết sau thiên tai từ Hợp phần 3.

Chuyên gia tư vấn đánh giá thiệt hại sẽ được thuê tuyển để phối hợp và hỗ trợ với Bộ Tài chính trong việc xem xét tính hợp lệ của các TDA sử dụng vốn của Hợp phần 3. Chuyên gia tư vấn sẽ phối hợp để đi kiểm tra thực địa các TDA được đề xuất nhằm đảm bảo các vấn đề về kỹ thuật và các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ các chính sách an toàn của NHTG cũng như xác định sơ bộ dự toán chi phí. Các chuyên gia này sẽ hỗ trợ các tỉnh hoặc các Bộ chủ quản lập

phù hợp với quy định của Sổ tay hoạt động và các chính sách an toàn của NHTG. Việc xem xét tính hợp lệ của các TDA phải được thực hiện rất khẩn trương. Để có thể thực hiện được công việc này một cách khẩn trương cũng như đảm bảo được thông tin một cách nhanh nhất, chuyên gia về đánh giá thiệt hại sẽ được bố trí đi hiện trường và làm việc với các ban, ngành chức năng của các tỉnh hoặc các Bộ.

+Lựa chọn các TDA: Trên cơ sở danh sách các TDA hợp lệ do các Tỉnh hoặc Bộ chủ quản gửi cho Bộ Tài chính và kết quả kiểm tra thực địa của chuyên gia tư vấn gửi Ban điều phối Hợp phần 3 (BĐPHP3), Vụ Ngân sách Nhà nước (NSNN) lập danh mục các TDA được đề xuất tài trợ từ Hợp phần 3.

+Thủ tục với NHTG: BĐPHP3 sẽ gửi danh mục các TDA đề xuất sử dụng vốn Hợp phần 3 tới NHTG đề nghị xem xét theo thủ tục “Không phản đối” của NHTG. Các thông tin tổng quát về TDA cũng cần được cung cấp theo mẫu tại Phụ lục 2. NHTG sẽ có ý kiến trả lời trong thời hạn 5 ngày làm việc. (Chú ý: Sau khi có ý kiến “Không phản đối” của NHTG về danh sách các TDA hợp lệ, Vụ NSNN trình Trưởng ban điều phối Hợp phần 3 thông qua danh sách này).

+Thông báo kết quả cho địa phương/cơ quan chủ quản và chỉ định Ban QLDA: Bộ Tài chính (Vụ NSNN) sẽ thông báo cho UBND các tỉnh và các Bộ chủ quản liên quan về kết quả các TDA sẽ được tài trợ từ Hợp phần 3. Cần chú ý rằng, trong trường hợp nếu chi phí thực hiện tái thiết vượt lượng vốn được cấp từ Hợp phần 3 thì đơn vị thụ hưởng là Tỉnh hoặc Bộ chủ quản sẽ phải tự thu xếp vốn để chi trả cho phần thiếu hụt đó. Tỉnh/Bộ ra quyết định đầu tư TDA và chỉ định Ban QLDA thực hiện.

+Tuyển chọn tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và thi công các TDA: Các công việc chủ yếu cần thực hiện là: i)-Tuyển chọn tư vấn thiết kế để lập Dự án xây dựng công trình (trong đó bao gồm cả thiết kế cơ sở và các bản vẽ chi tiết-trong trường hợp các công việc tái thiết quy mô lớn hoặc đối với các bản vẽ chi tiết-trong trường hợp các TDA quy mô nhỏ; ii)-Tuyển chọn tư vấn giám sát thi công, và iii)-Tuyển chọn nhà thầu xây dựng để thi công TDA. Các công việc này do Ban QLDA được giao cho TDA Hợp phần 3 thực hiện. (Chi tiết và thủ tục đấu thầu, mua sắm tham khảo tại Chương 6 của Sổ tay hoạt động).

+Về công tác giám sát và đánh giá thực hiện các TDA: Ban Điều phối Hợp phần 3 sẽ thuê tuyển: Một (01) công ty giám sát độc lập để hàng năm thực hiện công tác kiểm tra/đánh giá kỹ thuật các TDA. Ngoài ra, NHTG cũng sẽ thực hiện thủ tục “Kiểm tra sau” đối với các khoản giải ngân khi nhận được đơn rút vốn bổ sung cho Tài khoản đặc biệt (TKĐB). Hợp phần 3 cũng sẽ áp dụng cơ chế giám sát chung được xây dựng cho các Hợp phần khác của Dự án QLRRTT. Văn phòng QLDÁTƯ của Dự án cũng sẽ thuê tuyển một công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm cho toàn dự án, bao gồm cả Hợp phần 3.

b)-Chức năng của Bộ NN&PTNT trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai:

Theo Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3/1/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN&PTNT, liên quan đến lĩnh vực thủy lợi nói chung và lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai nói riêng, Chính phủ đã quy định như sau (trích Điều 2, Khoản 9, “Về thủy lợi”):

*i-Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi, đề điều; phòng, chống tác hại do nước, xâm nhập mặn gây ra sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành;*

*ii-Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chiến lược, quy hoạch thủy lợi; chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;*

*iii-Đề xuất với Thủ tướng Chính phủ và tổ chức thực hiện biện pháp huy động lực lượng vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc hậu quả lũ, lụt, hạn hán, úng ngập, xử lý sự cố công trình thủy lợi và tác hại khác do nước gây ra; Chỉ đạo việc phân lũ, chậm lũ, vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn, liên hồ theo phân công, phân cấp.*

*c)-Chức năng của Bộ Tài chính trong Ủy ban chống lụt, bão Trung ương:*

Theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính (MOF) là thành viên Ủy ban chống lụt, bão Trung ương, có những nhiệm vụ như sau: i)-Chịu trách nhiệm lập ngân sách và giải ngân nguồn vốn Chính phủ cho các trường hợp khẩn cấp và các nguồn tài chính khác nhằm đáp ứng các nhu cầu giảm nhẹ tác hại và tái thiết sau thiên tai; ii)-Xây dựng văn bản hướng dẫn việc đền bù cho các cá nhân hoặc cộng đồng bị mất tài sản do thiên tai; và iii)-Kiểm toán tất cả các khoản giải ngân và chi tiêu cho công tác phòng, chống thiên tai. Chức năng của Bộ Tài chính là phụ trách ngân sách cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của cả nước.

Nhận xét: Mục (a) nói về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính trong khuôn khổ Hợp phần 3 dự án QLRRTT; Mục (b) nói về chức năng Bộ NN&PTNT trong lĩnh vực thủy lợi nói chung và phòng, chống bão lụt nói riêng; Mục (c) nói về chức năng, nhiệm vụ Bộ Tài chính trong Ủy ban chống lụt, bão Trung ương. Làm như trên có ba ưu điểm: i)-Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của hai Bộ; ii)-Hợp phần 3 sẽ vận hành chuyên nghiệp hơn; iii)-Sau khi dự án QLRRTT kết thúc (30/6/2011), Bộ Tài chính vẫn là nơi tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính tài trợ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam, hoàn toàn đúng với mong muốn của NHTG và quan điểm của Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam.

## **5.4-Quản lý tài chính:**

### **5.4.1-Tình hình chung**

Báo cáo phân tích và đánh giá về quản lý tài chính dự án QLRRTT đã đưa ra kết luận: *Dự án đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của WB.*

a)-Về phân công trách nhiệm quản lý tài chính dự án:

- Bộ NN&PTNT: CPO chịu trách nhiệm điều phối và giám sát việc quản lý tài chính dự án. Dự án chấp nhận phương pháp giải ngân truyền thống dựa trên cơ sở Sao kê Chi tiêu (SOE) với một tài khoản đặc biệt của CPO cho nguồn vốn tín dụng IDA phục vụ cho Hợp phần 1 (Đầu tư ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai), và Hợp phần 4 (Quản lý dự án và tăng cường thể chế). Một tài khoản đặc biệt nữa do Bộ Tài chính làm chủ phục vụ Hợp phần 3 (Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai) và phương pháp giải ngân sử dụng cho Hợp phần này là các khoản giải ngân hàng năm. Dự án sẽ có các báo cáo giám sát tài chính được lập hàng quý và các sao kê tài chính hàng năm được tổng hợp cho tất cả các hoạt động tài chính của dự án. Các Báo cáo tài chính hàng năm sẽ được kiểm toán độc lập bởi các công ty kiểm toán bên ngoài được NHTG chấp nhận và theo các Chuẩn mực Kiểm toán quốc tế và theo Đề cương tham chiếu được IDA chấp nhận.

CPO quản lý 3 Tài khoản đặc biệt khác, gồm:

- TKĐB cho JSDF tài trợ cho các hoạt động Hợp phần 2;
- TKĐB cho quỹ PHRD tài trợ cho tăng cường năng lực thuộc Hợp phần 3 và 4;
- TKĐB cho khoản viện trợ song phương của Chính phủ Hà Lan, cho Hợp phần 2 và 4.

CPO được giao nhiệm vụ điều phối và giám sát các hoạt động của dự án thuộc Hợp phần 1,2 và 4; các hoạt động này được thực hiện bởi các đơn vị đặt tại các tỉnh và Bộ, ngành liên quan.

- Bộ Tài chính: Hợp phần 3 được thực hiện tại các khu vực chịu ảnh hưởng thiên tai và các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện Hợp phần 3 này sẽ được xác định khi xảy ra thiên tai. Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý tài khoản đặc biệt của Hợp phần này, giải ngân vốn cho Kho bạc Nhà nước tỉnh sau khi có quyết định của Chính phủ, và lập các báo cáo Quý về việc thanh toán cho các tỉnh, các TDA và các hợp đồng; các báo cáo này sẽ được gửi cho CPO để tổng hợp đưa vào các báo cáo FMRs hàng quý của Dự án.

b)-Về thủ tục và chính sách kế toán: Dự án đã thông qua để áp dụng chính sách và thủ tục kế toán, được IDA chấp nhận.

c)-Về Báo cáo và giám sát: Dự án đã xây dựng các báo cáo tài chính hàng năm theo IPSAS trên cơ sở tiền mặt và nộp các báo cáo đã được kiểm toán cho WB trong thời gian không muộn quá 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Ngoài ra dự án cũng lập Báo cáo Giám sát tài chính (FMRs) hàng Quý theo mẫu biểu được IDA thống nhất và nộp cho WB trong thời gian không quá 45 ngày sau ngày kết thúc Quý lập báo cáo.

d)-Về cơ chế kiểm toán: Báo cáo tài chính của dự án được kiểm toán hàng năm bởi một công ty kiểm toán độc lập theo các chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Việc kiểm toán sẽ được tiến hành theo Đề cương tham chiếu thỏa mãn yêu cầu của IDA.

#### 5.4.2-Những vấn đề cần lưu ý trong quản lý tài chính dự án:

a)-Mặc dù CPO chịu trách nhiệm điều phối tổng thể dự án, đã có kinh nghiệm quản lý một số dự án do WB tài trợ, nhưng địa bàn các tỉnh có dự án khá rộng, các hoạt động dự án liên quan nhiều Bộ, ngành khác nhau, một số tỉnh và Bộ, ngành này lại chưa có hoặc mới có ít kinh nghiệm về các dự án do WB tài trợ.

b)-Hợp phần 3 do Bộ TC quản lý, dựa vào hệ thống báo cáo tài chính hiện có của hệ thống Kho bạc Nhà nước để báo cáo và tổng hợp dự án, nhưng hệ thống này không được thiết kế cho các dự án do WB tài trợ.

c)-Về kiểm toán hàng năm: Theo quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam về quản lý tài chính, CPO không có bộ phận kiểm toán nội bộ, hàng năm phải thuê kiểm toán bên ngoài là công ty kiểm toán độc lập đã được WB chấp nhận.

#### 5.5-Giám sát và đánh giá dự án:

+Đặt vấn đề: Đối với một dự án lớn và phức tạp như dự án QLRRTT-WB4, liên quan nhiều Bộ, ngành và trải rộng trên địa bàn nhiều tỉnh, kéo dài nhiều năm, nhiệm vụ giám sát và đánh giá thực hiện dự án là rất quan trọng và cũng rất khó khăn đối với chủ dự án. Có hai câu hỏi đặt ra cho công tác giám sát và đánh giá dự án QLRRTT: i)-Có năng lực đánh giá xem dự án QLRRTT có khả năng ảnh hưởng đến năng lực quản lý rủi ro của Việt Nam không? ii)-Có năng lực xét đoán xem dự án có thực sự đem lại ảnh hưởng đáng kể và rõ rệt nào để thiết lập quản lý rủi ro thiên tai có hiệu quả ở Việt Nam không? Nếu không giám sát và đánh giá thực hiện dự án, sẽ khó lý giải được các vấn đề trên.

Nội dung công tác giám sát và đánh giá thực hiện dự án QLRRTT gồm:

i)-Giám sát và đánh giá trong khuôn khổ trách nhiệm của CPMO là cơ quan nhận được sự hỗ trợ của Trung tâm quản lý thiên tai (DMC);

ii)-Các hoạt động tăng cường thể chế nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro.

#### 5.5.1-Bài học về xây dựng Khung Giám sát và Đánh giá dự án:

a)-Tháng 10/2007: CPO thuê tư vấn lập Khung Giám sát và Đánh giá dự án với tổng số 50 Chỉ số (Indicator), số lượng các chỉ số tương ứng với 4 Hợp phần như sau: Hợp phần 1 có 23 chỉ số, Hợp phần 2 có 4 chỉ số, Hợp phần 3 có 8 chỉ số và Hợp phần 4 có 15 chỉ số.

Nhận xét: Như vậy là quá muộn, vì trước đó một năm dự án đã bắt đầu vận hành, sau một năm mới xây dựng bộ công cụ để giám sát và đánh giá là không kịp thời, thiếu đồng bộ. Nguyên nhân sự chậm trễ này tại CPMO hay WB? Cần làm rõ nguyên nhân để rút kinh nghiệm, không mắc phải ở dự án Giai đoạn II.

b)-Tháng 6/2010: Trong Báo cáo đợt giám sát lần thứ 11 của WB (từ 7-18/6/2010), Khung Giám sát và Đánh giá lập tháng 10/2007 được WB đánh giá là không đạt yêu cầu, yêu cầu sửa lại, và yêu cầu Khung Giám sát và Đánh giá sửa đổi phải phản ánh được các hoạt động thực tế, một mặt phải có độ chính xác hơn đối với các chỉ số đánh giá thành tựu của các kết quả dự án, mặt khác phải đưa ra các chỉ số giúp

Bộ NN&PTNT và Trung tâm quản lý thiên tai (DMC) tiếp tục giám sát lâu dài các tác động của dự án. Kết quả là tháng 7/2010 tư vấn hoàn thành Khung GS&ĐG sửa đổi và tháng 10/2020 được WB thông qua. Khung GS&ĐG sửa đổi chỉ còn 23 chỉ số (Indicator) được phân bổ cho 4 Hợp phần như sau: Hợp phần 1 có 7 chỉ số, Hợp phần 2 có 5 chỉ số, Hợp phần 3 có 6 chỉ số và Hợp phần 4 có 5 chỉ số. Đặc biệt là trong số 23 chỉ số, được phân làm 3 loại theo tính chất và nội dung cần giám sát và đánh giá, giúp cho việc đánh giá được chính xác hơn theo yêu cầu của WB, cụ thể là: có 13 chỉ số Hoạt động; 4 chỉ số Đầu ra và 6 chỉ số Kết quả.

*Nhận xét:* Thế là sau gần 3 năm sau khi lập Khung Giám sát và Đánh giá, tức là dự án vận hành được 4 năm, mới phát hiện và sửa chữa. Việc phát hiện và xử lý sửa đổi Khung Giám sát và Đánh giá lại một lần nữa bị chậm, so với yêu cầu của các hoạt động giám sát và đánh giá là quá chậm. Cũng cần rút ra bài học kinh nghiệm để dự án sau không lặp lại.

### **5.5.2-Khó khăn gặp phải vì thiếu tài liệu các tỉnh khi lập Báo cáo hoàn thành dự án:**

Như đã biết, Hợp phần 2 (Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng) và Hợp phần 3 (Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai) đã hoàn thành từ lâu, các hoạt động đã kết thúc, các bộ phận nhận sự quản lý dự án của các tỉnh đã giải thể từ lâu, do đó đến thời gian cuối cùng chỉ còn mấy tháng nữa dự án sẽ kết thúc, việc thu thập tài liệu liên quan đến bộ công cụ 23 chỉ số (Indicator) của một số tỉnh là rất khó khăn, thậm chí nan giải.

*Nhận xét:*

i)-Trước hết, cần phải sớm nêu ra yêu cầu lập Báo cáo hoàn thành dự án, để còn đủ thời gian (trước 30/6/2011) phổ biến cho các tỉnh hoàn thành bộ số liệu của 23 chỉ số theo đúng nội dung của Khung GS&ĐG sửa đổi. Đây là một trở ngại lớn mà nếu CPMO dự báo trước thì có thể tránh được.

ii)-Cần phải tăng cường nhắc nhở các tỉnh có dự án về việc quán triệt và thực hiện đầy đủ Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ. Đây là một điểm yếu của các địa phương, vì không quán triệt nội dung của Quy chế 131 cho nên các địa phương thường coi nhẹ việc tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự thiếu và yếu, sổ sách hệ thống báo cáo lưu trữ nhiều yếu kém, gây nhiều khó khăn khi lập Báo cáo hoàn thành dự án. Đây là bài học cần được nhấn mạnh với các địa phương khi thực hiện các dự án Giai đoạn II.

## PHẦN VI: KẾT LUẬN CHUNG

### 6.1-Đánh giá tổng thể dự án:

#### 6.1.1-Sự ra đời của dự án *Quản lý rủi ro thiên tai-WB4*:

Có thể nói rằng nhờ có thiện chí của NHTG và nhờ có uy tín cũng như vai trò lãnh đạo của NHTG trong Nhóm đối tác giảm nhẹ thiên tai (NDMP), dự án QLRRTT mới có cơ hội ra đời. Hơn thế nữa, sau 1 năm thực hiện dự án, ngày 16/11/2007, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Giữa văn kiện dự án và nội dung Chiến lược có nhiều điểm tương đồng. Chiến lược được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho thực hiện dự án QLRRTT, ngược lại, việc thực hiện dự án là một bước quan trọng cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Cần nhấn mạnh thêm rằng: trong Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Chiến lược, Chính phủ nêu 7 Chương trình mục tiêu đối với biện pháp phi công trình, trong đó chú trọng Chương trình nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng, vốn là những nội dung cốt lõi của dự án QLRRTT-WB4.

#### 6.1.2-Việc thực hiện dự án *QLRRTT-WB4*:

Là một dự án lớn, kéo dài nhiều năm, diễn ra trên bình diện rộng thuộc địa bàn của nhiều tỉnh, thành phố, liên quan nhiều Bộ, ngành và nhiều cấp từ Trung ương đến địa phương, cho nên việc triển khai thực hiện dự án là phức tạp và có nhiều trở ngại. Việc thực hiện đồng thời cả 4 Hợp phần với nội dung kỹ thuật khác nhau càng thể hiện sự phức tạp về chuyên môn, đa dạng về các loại hình hoạt động, do đó không tránh khỏi có những trục trặc trong điều phối chung toàn dự án cũng như tiến độ bị chậm ở một vài khâu gặp phải những vấn đề bất khả kháng.

#### 6.1.3-Tính bền vững của dự án:

Trong Phần IV đã phân tích tính bền vững của dự án dựa vào ba Khung phân tích gồm: Khung Lợi ích dự án, Khung Tham gia cộng đồng và Khung “triggers” với tiêu chí về phát triển chính sách và tăng cường năng lực. Qua phân tích, đã có kết luận toàn dự án nói chung và 4 Hợp phần nói riêng đều thể hiện rõ tính bền vững của dự án QLRRTT, cho nên có thể chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam.

**6.1.4-Về “Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp”-IDRMPs của 12 tỉnh tham gia dự án:** Đây là một thành công đáng kể của dự án, vì bộ tài liệu này của 12 tỉnh sẽ phục vụ đắc lực cho việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, đồng thời việc lồng ghép Kế hoạch QLRRTT tổng hợp với các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của địa phương sẽ tạo thêm nguồn lực để thực hiện Chiến lược quốc gia và biến Kế hoạch hành động thành hiện thực.



## 6.2-Những kiến nghị:

+**Kiến nghị 1:** Một dự án không nên có 2 cơ quan “Executing Agency”: Như trong Phần V (Những bài học) đã trình bày, Bộ NN&PTNT và Bộ Tài chính cùng là cơ quan điều hành (Executing Agency) của dự án, theo kinh nghiệm, với các dự án vốn vay quốc tế, phía trong nước chỉ nên có một cơ quan điều hành dự án để đảm bảo điều hành thống nhất liên Bộ, liên ngành, liên tỉnh. Bộ Tài chính với chức năng riêng vẫn quản lý Hợp phần 3 về mặt vốn tài trợ cho tái thiết sau thiên tai, hoạt động theo nhiệm vụ được phân công như các Bộ khác tham gia dự án. Trong khi đó, với chức năng riêng, Bộ NN&PTNT thực hiện nhiệm vụ đánh giá thiệt hại, lập hồ sơ tái thiết sau thiên tai trình Chính phủ duyệt và WB đề nghị tài trợ. Như vậy sẽ tránh được song song đồng thời tồn tại hai cơ quan trong nước cùng điều hành dự án, tạo điều kiện điều hành dự án được thống nhất, hài hoà, tránh gặp phải mâu thuẫn không đáng có.

+**Kiến nghị 2:** Dự án QLRRTT sẽ chính thức kết thúc ngày 30/6/2011, kiến nghị nên chuyển sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai. Như trên đã phân tích, dựa vào 3 Khung phân tích (Lợi ích dự án, Tham gia cộng đồng và “Triggers”), tính bền vững của dự án QKRRTT được khẳng định, trong đó cần nhấn mạnh những yếu tố cơ bản sau:

i)-Về pháp lý: Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, kèm theo có Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; đã ban hành Thông tư hướng dẫn thống kê và đánh giá thiệt hại do thiên tai (sửa đổi);

ii)-Thực hiện Hợp phần 3 đã tạo được kênh tài trợ cho công tác tái thiết sau thiên tai sau khi dự án QLRRTT kết thúc ngày 30/6/2011;

iii)-Thực hiện Hợp phần 4 đã xây dựng bộ tài liệu Kế hoạch quản lý RRTT tổng hợp ở 12 tỉnh, lồng ghép vào chương trình, kế hoạch phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội của địa phương.

Với những yếu tố cơ bản đã đạt được nêu trên, nếu chuyển từ Giai đoạn I sang Giai đoạn II của Chương trình giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam sẽ là hợp lý và sáng suốt khi những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề và Việt Nam trở thành một trong số 5 quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu.

+**Kiến nghị 3:** Nên cho nhân rộng mô hình “Kế hoạch QLRRTT tổng hợp” (IDRMPs) và mô hình “Làng, xã an toàn hơn” (SVPs và SCPs). Thực hiện HP4 đã cho ra kết quả rất có ý nghĩa là các IDRMPs có ý nghĩa lớn về kinh tế-xã hội của 12 tỉnh và thực hiện HP2 đã cho ra kết quả quan trọng là các SCPs có ý nghĩa lớn về tham gia cộng đồng. Việc nhân rộng hai kết quả này nên được xếp vào hàng ưu tiên để tiếp tục phát huy các lợi ích của dự án QLRRTT-WB4.

*Hà Nội, tháng 12 năm 2011*

*Cơ quan thực hiện: REEN.JSC*

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Bộ NN&PTNT: Dự án QLRRTT , Tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án (PIM)
- WB: Tài liệu thẩm định dự án (PAD)
- WB: Khung giám sát và đánh giá dự án (sửa đổi, ngày 23/7/2010)
- CPO: Báo cáo khả thi (F/S) của 12 TDA thuộc Hợp phần 1
- WB: Aide-Memoire of Supervision Missions No.7, 8, 9, 10, 11, 12.
- CTA Mr Ian Fox: Field Trip Reports (Nghe An & Ha Tinh provinces from 28 to 29 April 2011 and Ben Tre 7 Dong Thap from 21 to 24 March 2011)
- MONACO Consultanting Company: báo cáo dịch vụ tư vấn giám sát hoạt động hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (HP3).
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Thăng Long (INFRA-Thanglong & Ramboll Nature AB): Báo cáo tư vấn giám sát độc lập và đánh giá Kế hoạch quản lý môi trường.
- Nghị định của Chính phủ: Số 01/2008/NĐ-CP ngày 3/1/2008 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN&PTNT.
- Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (Ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ).
- Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/11/2007 Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.
- Kế hoạch quản lý RRTT tổng hợp các tỉnh: Bình Định, Bến Tre, Quảng Nam, Quảng Ngãi
- Kế hoạch xã an toàn hơn của một số xã tham gia HP2.

*(Và các tài liệu liên quan khác của Bộ NN&PTNT, CPO, CPMO và các tỉnh tham gia dự án QLRRTT-WB4).*

## **PHU LUC:**

*Báo cáo kết quả phân tích kinh tế và tài chính dự án WB4.*